



# GIẢI PHÁP

## ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ TỐI ƯU

### DÀNH CHO CĂN HỘ CAO CẤP



# SCM MULTI

## ĐIỀU HÒA ĐA KẾT NỐI

Nhà nhập khẩu & phân phối chính thức

**HAILI**  
CÔNG TY TNHH HẢI LI

[www.haili.vn](http://www.haili.vn)  
[www.mitsuheavy.vn](http://www.mitsuheavy.vn)

#### VĂN PHÒNG CHÍNH

12 Hoàng Trọng Mậu - P. Tân Hưng, Q.7, Tp.HCM  
Tel: (028) 6298 3500/01/02/03  
Fax: (028) 6298 3504/05 - 2253 0481/82  
Email: [info@haili.vn](mailto:info@haili.vn)

#### HOTLINE TƯ VẤN KỸ THUẬT

Miền Nam: 0907 820 820 Miền Bắc: 0902 058 058

#### CHI NHÁNH HÀ NỘI

57A phố Vệ Hồ, P. Xuân La, Q.Tây Hồ, Hà Nội  
Tel: (024) 6269 1179/81/82/83  
Fax: (024) 6269 1159/61

#### HOTLINE TƯ VẤN BẢO HÀNH

Miền Nam: 1800 9010 Miền Bắc: 1800 9020







### MACO - NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ HÀNG ĐẦU

Được thành lập từ năm 1988, Nhà máy Mitsubishi Heavy Industries - Mahajak Air Conditioners - hay còn gọi là MACO - nay là một trong những nhà máy sản xuất máy điều hòa không khí hàng đầu tại Thái Lan. Chúng tôi mong muốn mang đến toàn cầu một không gian thoải mái với những sản phẩm chất lượng TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG - THÂN THIỆN - AN TOÀN.



### MỤC LỤC

Giới thiệu nhà sản xuất .....	02
Giới thiệu tổng quan điều hòa không khí Multi .....	04 - 05
Dãy sản phẩm .....	06 - 07
Giới thiệu công nghệ và chức năng .....	08 - 19
SRK-ZSX-S .....	20 - 21
SRK-ZR .....	22
SRK-ZS .....	23
SRK-ZSPS .....	24
SRF-ZMX .....	25
SRR-ZM .....	26
FDTC-VF .....	27
Giới thiệu môi chất lạnh mới - R32 .....	28 - 29
SRK-ZSX-W .....	30
SRK-ZSS-W5 .....	31
Hệ thống đa kết nối Inverter .....	32 - 37
Bảng chọn công suất dàn lạnh kết nối .....	38 - 71
Hệ thống điều khiển .....	72 - 73
Kích thước dàn lạnh - dàn nóng .....	74 - 81
Hệ thống trạm bảo hành .....	82 - 83

### TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Chất lượng là ưu tiên hàng đầu của thương hiệu Mitsubishi Heavy Industries. Sản phẩm được chứng nhận chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế.



ISO 9001



ISO 14001



OHSAS 18001

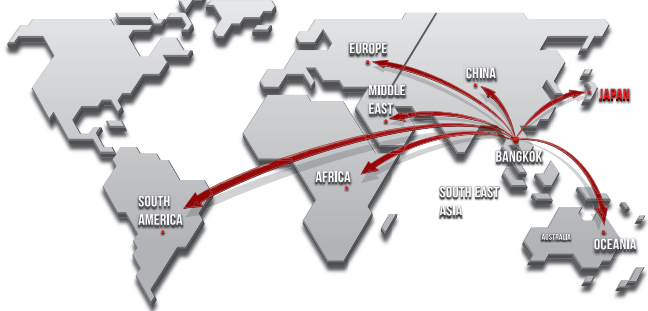


TIS 18001



PED 97/23/EC

### THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU







Điều hòa không khí đa kết nối Mitsubishi Heavy Industries sử dụng một dàn nóng để kết nối với nhiều dàn lạnh khác nhau - tối đa 6 dàn lạnh. Sản phẩm được sử dụng công nghệ Inverter hiện đại, phù hợp với mọi không gian








































































































- |          |                                  |          |                                       |
|----------|----------------------------------|----------|---------------------------------------|
| <b>1</b> | KẾT NỐI ĐẾN <b>6</b> DÀN LẠNH    | <b>4</b> | ĐẠT TIÊU CHUẨN <b>CHÂU ÂU</b>         |
| <b>2</b> | HOẠT ĐỘNG <b>ĐỘC LẬP</b>         | <b>5</b> | MÔI CHẤT LẠNH GAS <b>R410A/R32</b>    |
| <b>3</b> | CÔNG NGHỆ <b>DC PAM</b> INVERTER | <b>6</b> | CÔNG SUẤT LÊN ĐẾN <b>42,700 Btu/h</b> |


# ĐIỀU HÒA MULTI

1 DÀN NÓNG KẾT HỢP NHIỀU DÀN LẠNH - GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM KHÔNG GIAN SỐNG HIỆN ĐẠI



MODEL		Công suất (kW : Chỉ dành cho dân lạnh)										
		2.0kW	2.5kW	3.5kW	4.0kW	4.5kW	5.0kW	6.0kW	6.3kW	7.1kW	8.0kW	10.0kW
<div>SRK-ZSX</div> <div></div>	<div></div> <div>-W</div>	<div></div> <div></div>	<div></div>	<div></div>			<div></div>	<div></div>				
	<div></div> <div>-S</div>	<div></div>	<div></div>	<div></div>			<div></div>	<div></div>				
<div>SRK-ZR</div> <div></div>	<div></div> <div>-W</div>							<div></div>	<div></div>	<div></div>		
	<div></div> <div>-S</div>							<div></div>	<div></div>	<div></div>	<div></div>	
<div>SRK-ZS</div> <div></div>	<div></div> <div>-W</div>	<div></div> <div></div>	<div></div>	<div></div>			<div></div>					
	<div></div> <div>-S</div>	<div></div>	<div></div>	<div></div>			<div></div>					
<div>SRK-ZSPS</div> <div></div>	<div></div> <div>-W</div>		<div></div>	<div></div>		<div></div>						
	<div></div> <div>-S</div>		<div></div>	<div></div>		<div></div>						
<div>SRF-ZMX</div> <div></div>	<div></div>		<div></div>	<div></div>			<div></div>					
<div>SRR-ZM</div> <div></div>	<div></div>		<div></div>	<div></div>								
<div>FDTC-VF</div> <div></div>	<div></div>		<div></div>	<div></div>	<div></div>		<div></div>	<div></div>				

MODEL		4.0kW	4.5kW	5.0kW	6.0kW	7.1kW	8.0kW	10.0kW	12.5kW
		40ZS-S	45ZS-S	50ZS-S1	60ZM-S1	71ZM-S1	80ZM-S1	100ZM-S	125ZM-S
Số lượng dàn lạnh kết nối		2	2	2 - 3	2 - 3	2 - 4	2 - 4	4 - 5	4 - 6
SCM*		<div></div>	<div></div>	<div></div>	<div></div>	**			
<div></div>	SRK20ZSX	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRK25ZSX	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRK35ZSX	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRK50ZSX			●	●	●	●	●	●
	SRK60ZSX				●	●	●	●	●
<div></div>	SRK71ZR							●	●
<div></div>	SRK20ZS	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRK25ZS	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRK35ZS	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRK50ZS			●	●	●	●	●	●
<div></div>	SKM20ZSP	●	●	●					
	SKM25ZSP	●	●	●					
	SKM35ZSP	●	●	●					
<div></div>	SRF25ZMX	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRF35ZMX	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRF50ZMX			●	●	●	●	●	●
<div></div>	SRR25ZM	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRR35ZM	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRR50ZM			●	●	●	●	●	●
	SRR60ZM				●	●	●	●	●
<div></div>	FDTC25VF	●	●	●	●	●	●	●	●
	FDTC35VF	●	●	●	●	●	●	●	●
	FDTC50VF			●	●	●	●	●	●
	FDTC60VF				●	●	●	●	●
<div></div>	FDUM50VF			●	●	●	●	●	●
<div></div>	FDE50VG			●	●	●	●	●	●

 Sử dụng cho kết nối đơn và đa kết nối.  
\* Mức năng lượng sẽ thay đổi theo dàn lạnh kết nối.  
\*\* Mức năng lượng áp dụng cho công suất làm lạnh dưới 12kW.



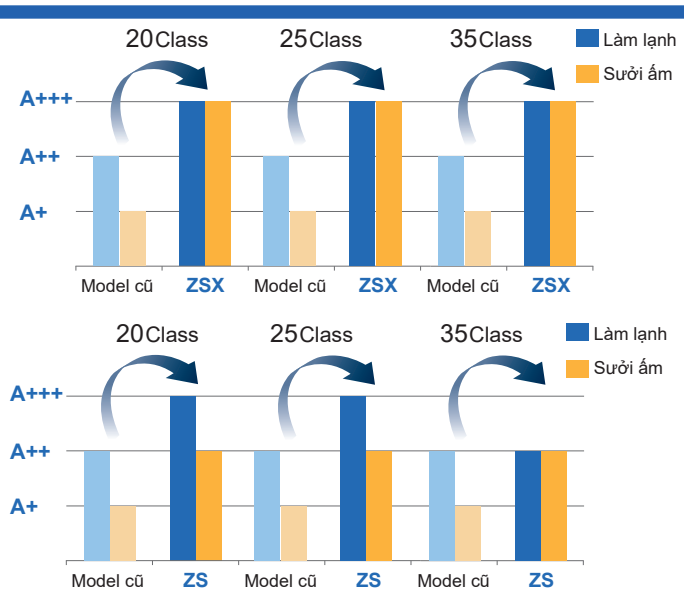
LƯU TÂM TỚI VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Một số thay đổi thiết kế cấp tiến và phát triển kỹ thuật đã mang lại một cải tiến lớn về hiệu quả năng lượng và bảo vệ môi trường.

HIỆU SUẤT CAO: LÊN ĐẾN CẤP A+++

Mitsubishi Heavy Industries Thermal Systems xếp hạng các mức tiết kiệm năng lượng từ A+ tới A+++.

Tiết kiệm năng lượng cho cả hai chiều làm lạnh và sưởi nhờ vào công nghệ DC PAM Inverter và máy nén DC rotor kép. (ZSX series).



KIỂM SOÁT CÔNG SUẤT NHANH VÀ HIỆU QUẢ

DC PAM INVERTER

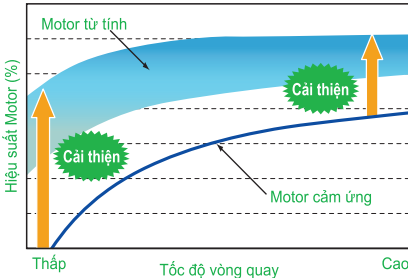
Inverter là công nghệ biến tần làm thay đổi công suất vận hành thông qua việc điều chỉnh tần số. Máy điều hòa không khí Inverter tăng công suất cực đại ngay khi khởi động và đạt tới nhiệt độ cài đặt rất nhanh, làm lạnh phòng nhanh chóng.

Sau khi đạt đến nhiệt độ cài đặt, bộ biến tần sẽ điều chỉnh công suất của động cơ máy nén hoạt động ở tốc độ thấp để tiết kiệm điện năng, đồng thời duy trì nhiệt độ phòng không chênh lệch nhiều so với nhiệt độ cài đặt. Điểm ưu việt của công nghệ biến tần Inverter ngoài việc tiết kiệm điện năng, chính là sự duy trì sự chênh lệch nhiệt độ cực thấp so với nhiệt độ cài đặt từ 0,5 đến 1,5°C. Giúp tạo cảm giác thoải mái ổn định cho người sử dụng hơn là loại máy thông thường. Hơn nữa, động cơ máy nén DC tạo ra hiệu suất vận hành cao hơn.

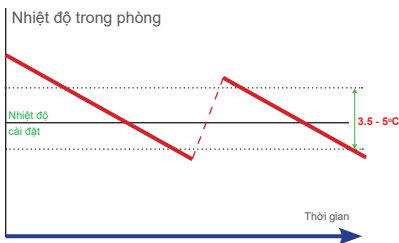
Máy điều hòa không khí Mitsubishi Heavy Industries áp dụng công nghệ biến tần DC PAM, có thể điều khiển được điện áp và tần số hoạt động của máy, tiết kiệm điện năng, tăng hiệu suất làm lạnh và sưởi ấm tối đa.



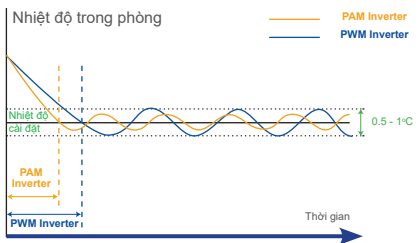
Motor máy nén DC



Biểu đồ máy Không Inverter



Biểu đồ máy Inverter



Sau khi đạt đến nhiệt độ cài đặt, máy nén điều chỉnh giảm công suất hoạt động với điện năng tối thiểu

**PAM Inverter = Hiệu suất cao và mạnh mẽ**

ĐIỀU KHIỂN BIẾN TẦN VECTOR

Công nghệ điều khiển biến tần mới dựa trên công nghệ điều khiển Vector, do đó cho hiệu suất vận hành cao nhất.

- Hoạt động êm từ tốc độ thấp đến tốc độ cao.
- Đạt được dao động điện áp dạng hình sin mượt.
- Hiệu suất năng lượng được cải thiện đáng kể trong phạm vi tốc độ thấp.

MÁY NÉN DC ROTOR KÉP HIỆU SUẤT CAO

Phát triển máy nén DC Rotor kép mới hiệu suất cao, vận hành với dây tốc độ quay rộng từ tốc độ thấp đến tốc độ cao. Ngoài ra sự rung động thấp, mức độ âm thanh thấp và hiệu suất cấp có thể đạt được bởi sự tối ưu kích thước bộ phận cơ khí, ứng dụng của động cơ nam châm vĩnh cửu công suất cao.



Sử dụng trên tất cả các model Dòng ZSX



HOẠT ĐỘNG TIẾT KIỆM

Cơ chế tiết kiệm năng lượng tự động phát hiện hoạt động của con người thông qua bộ cảm biến hồng ngoại được lắp trên dàn lạnh. Máy tự động điều chỉnh công suất lạnh/sưởi tùy theo nhu cầu sử dụng. Ở chế độ Economy Cooling (Lạnh tiết kiệm), máy điều khiển công suất lạnh thấp hơn và tự động kích hoạt tính năng làm lạnh tiết kiệm khi phát hiện thấy có ít hoạt động trong phòng.

Ở chế độ Economy Heating (Sưởi tiết kiệm), máy điều khiển công suất sưởi thấp hơn và tự động kích hoạt tính năng sưởi ấm tiết kiệm khi phát hiện thấy có nhiều hoạt động trong phòng.

Khi cảm biến phát hiện ra không có người trong phòng, máy tự động giảm công suất ở mức vừa phải sau khoảng 15 phút. Khi có người trở lại, máy hoạt động với công suất bình thường.

Trong chế độ làm mát



Được thiết lập để hoạt động vừa phải khi có ít chuyển động trong phòng.

Trong chế độ sưởi ấm



Được thiết lập để hoạt động vừa phải khi có nhiều chuyển động trong phòng.

TỰ ĐỘNG TẮT

Điều hòa không khí sẽ ngừng hoạt động và chuyển sang chế độ “stand-by” sau 1 giờ vắng mặt. Nó sẽ khởi động ON khi hoạt động của con người được phát hiện trong vòng 12 giờ, hoặc tắt sau 12 giờ vắng mặt.

Vắng mặt



Hoạt động vừa phải khi không có người sử dụng trong phòng.

Sau 1 giờ



Bạn không cần phải lo lắng dù bạn quên tắt nguồn điện. Điều hòa không khí sẽ tự ngừng và sẽ hoạt động trở lại khi phát hiện người sử dụng trong phòng.

Quay trở lại phòng



Tự động hoạt động ở chế độ bình thường nếu người dùng quay lại phòng trong vòng 12 giờ.

CHỨC NĂNG FUZZY AUTO (tự nội suy)

Các cảm biến sẽ kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm trong phòng. Từ đó máy tự quyết định chế độ và nhiệt độ để hoạt động hiệu quả nhất.

Chế độ hoạt động và công suất lạnh/sưởi được tự động điều khiển chỉ với 1 bước cài đặt.

Chức năng Fuzzy Auto mang đến sự thoải mái ngay cả khi điều kiện thời tiết thay đổi rất nhanh.



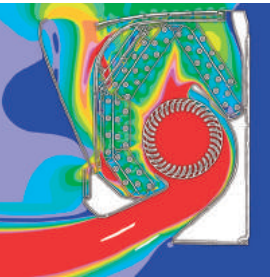
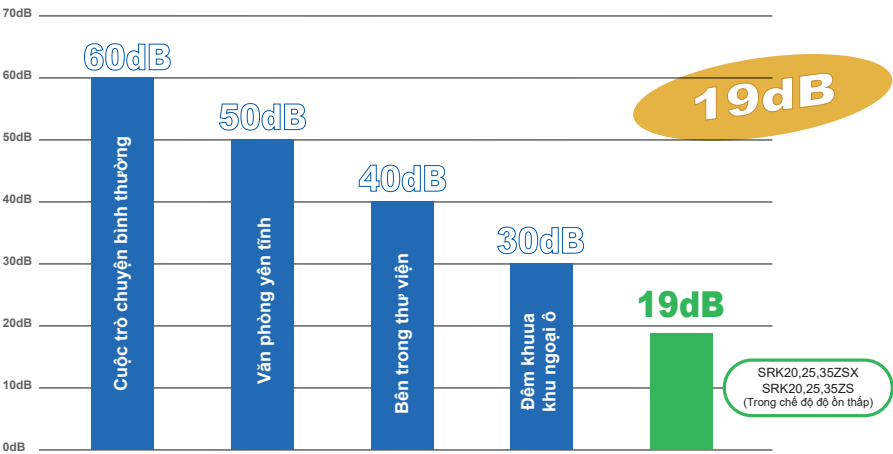
CÔNG NGHỆ

JET

LUỒNG GIÓ MẠNH & ÊM DỊU

Dựa trên nguyên lý JET FLOW của công nghệ động cơ phản lực trong việc chế tạo cánh tua bin. CFD (Computational Fluid Dynamics) được xem là công nghệ tiên tiến với hiệu quả sử dụng năng lượng cao trong việc sản sinh ra dòng khí lưu lượng lớn và tỏa đều đến mọi ngõ ngách phòng với công suất tiêu thụ điện năng thấp nhất.

So sánh với tiếng ồn quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta



Nhanh ← → Chậm  
Màu sắc minh họa hiển thị tốc độ gió.



(C)Mitsubishi Aircraft Corporation

LUỒNG GIÓ THỞ XA

Nhờ vào công nghệ Jet, luồng không khí sẽ mạnh mẽ hơn. Phù hợp cho phòng khách và cửa hàng lớn, tăng sự thoải mái.



CÁNH ĐẢO GIÓ KÉP LỚN VÀ NHỎ



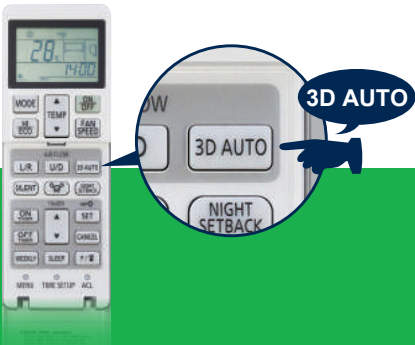
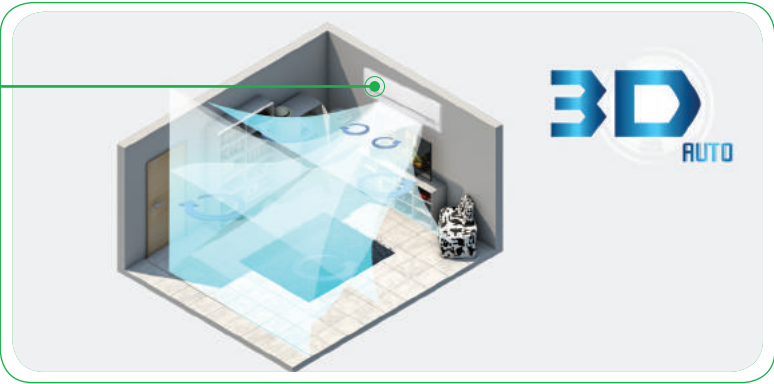
Hai cánh quạt có thể kiểm soát lưu lượng không khí tối ưu, lưu lượng không khí ngang và dài trong luồng làm mát, luồng không khí mạnh và đi xuống trong hệ thống sưởi, tạo sự thoải mái và tiện nghi.

PHÂN PHỐI KHÍ

3D AUTO

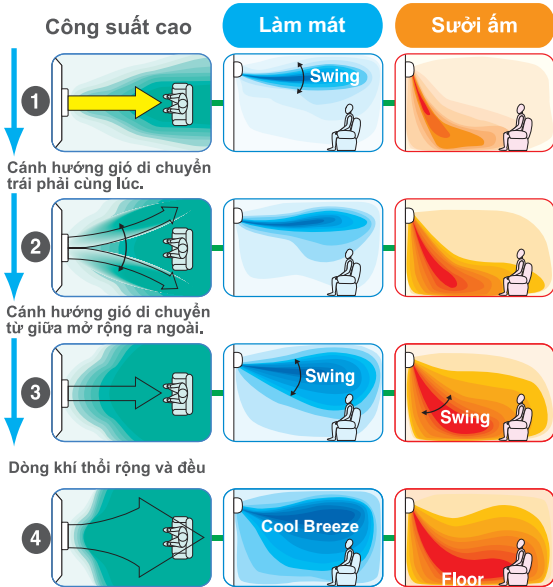
3 MOTOR ĐẢO GIÓ  
ĐIỀU KHIỂN ĐỘC LẬP

Luồng gió 3 chiều kết hợp đảo gió tự động theo phương đứng và phương ngang giúp luân chuyển không khí đều khắp mọi nơi trong phòng



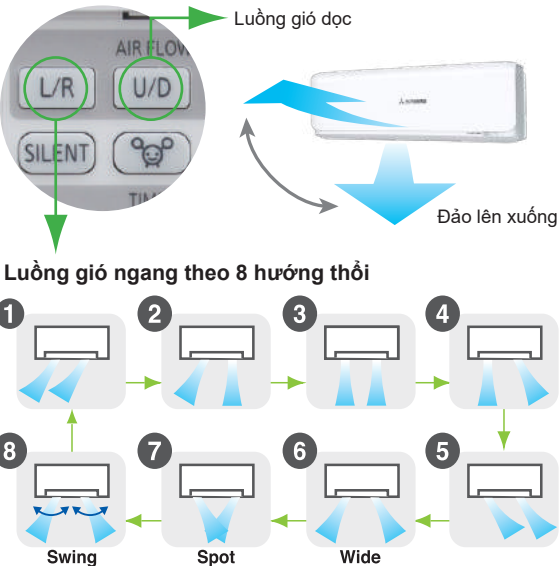
Chế độ 3D auto được lập trình chỉ 1 nút nhấn với 3 chế độ quạt (1 cánh đảo dọc và 2 cánh đảo ngang) tạo nên 3 luồng gió được điều khiển độc lập. Luồng gió êm thổi đều và trải rộng đến tận những nơi xa.

CÀI ĐẶT TỰ ĐỘNG (3D AUTO)



Nhờ vào sự điều khiển thể tích dòng khí và hướng gió, tạo ra luồng không khí sáng khoái tỏa rộng đến khắp phòng hiệu quả hơn. Ở chế độ làm lạnh, luồng khí lạnh được thổi hướng lên trần như làn gió mát mà không thổi trực tiếp vào người trong phòng. Ở chế độ sưởi ấm, luồng không khí ấm áp có thể được thổi xuống sàn trực tiếp. Không khí ấm áp sau đó lan tỏa khắp sàn đạt được sự thoải mái tối ưu.

CÀI ĐẶT BẰNG TAY



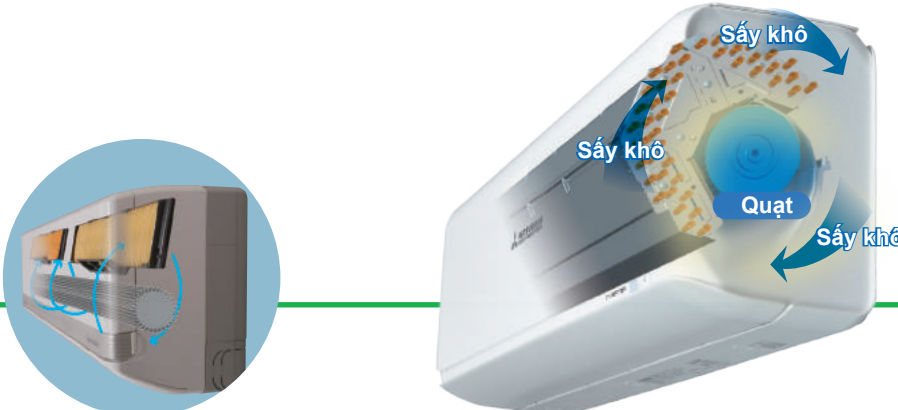
Bằng sự điều khiển độc lập của cánh hướng gió phải và trái, luồng gió hướng từ bên phải và bên trái được kiểm soát riêng biệt. 8 kiểu luồng gió khác nhau được cài đặt.



Luôn giữ dàn lạnh được sạch sẽ

# HOẠT ĐỘNG TỰ LÀM SẠCH

Khi chọn chế độ tự làm sạch, máy sẽ tự vệ sinh làm khô trong vòng 2 giờ. Người sử dụng có thể chọn kích hoạt chức năng này hoặc không.



Sấy khô

Quạt

Sấy khô

Ngừng hoạt động 2 giờ

Hoạt động bình thường

Hoạt động làm sạch

Dừng tự động

Trạng thái của nấm mốc sau 1 tuần

Khi bạn không dùng chức năng tự làm sạch

Đơn bào nấm phát triển

Đơn bào

Bào tử mốc

Khi bạn dùng chức năng tự làm sạch

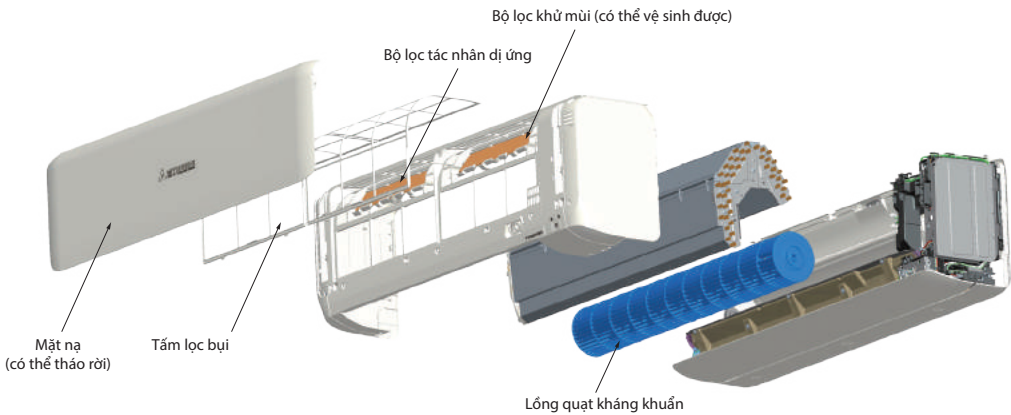
Bào tử của nấm không tăng trưởng

Bào tử mốc

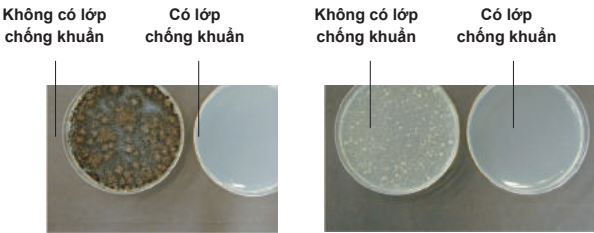
Những đặc tính chống khuẩn với thiết kế mang lại không gian sạch sẽ và an toàn

# LỒNG QUẠT CHỐNG KHUẨN

Lồng quạt được tráng lớp chống khuẩn, ngăn chặn nấm mốc. Do đó bên trong máy luôn sạch sẽ, không khí trong phòng luôn trong lành.



\* So sánh sự phát triển của vi khuẩn và nấm mốc trên bề mặt quạt (vi ảnh)



**Kiểm nghiệm nấm Aspergillus IFO6341**

Cơ quan kiểm tra: Trung tâm phân tích thực phẩm Nhật Bản

Số biên bản kiểm nghiệm: 104034022-002


Các thử nghiệm đã được tiến hành với tham chiếu đến các xét nghiệm cường độ kháng khuẩn theo tiêu chuẩn JIS Z 2801 "Sản phẩm kháng khuẩn - Phương pháp thử kháng khuẩn"-5.2 Tác dụng kháng khuẩn: Phương pháp thử đối với sản phẩm nhựa, v.v.

Trong các thử nghiệm được thực hiện tại Phòng thí nghiệm nghiên cứu Mitsubishi Heavy Industries Nagoya, 24 giờ sau khi tiếp xúc với vi khuẩn, nuôi cấy trên môi trường thạch.

Đây là công nghệ nguyên bản và duy nhất kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm để vô hiệu tác nhân gây dị ứng

# BỘ LỌC KHỬ TÁC NHÂN GÂY DỊ ỨNG

Hợp chất Enzyme + Urea vô hiệu tác nhân gây dị ứng và diệt khuẩn.



**Cơ chế khử trùng**

Urea

Enzyme

Cấu trúc protein của tác nhân gây dị ứng

Phân tử bị phân hủy

**Ti lệ các tác nhân gây dị ứng bị khử trên bộ lọc**

Tác nhân gây dị ứng	Ti lệ khử (%)
Hạt phấn mite A	83.5%
Species of mite	93.6%
Cedar pollen	72.7%
Epithelium of cat	83.5%
Virus 1	99.9%
Virus 2	99.0%


**Test method:**

<sup>1</sup> ELISA colorimetric method / ELISA fluorescent method

<sup>2</sup> Laboratory: Independent administrative agency national hospital mechanism Sagami Hospital, No.1536

<sup>3</sup> Laboratory: ELISA colorimetric method Laboratory: Independent administrative agency national hospital mechanism Sagami Hospital, No.1536

<sup>4</sup> Laboratory: Foundation of Kitazato Environmental Science Center, No.15-0145




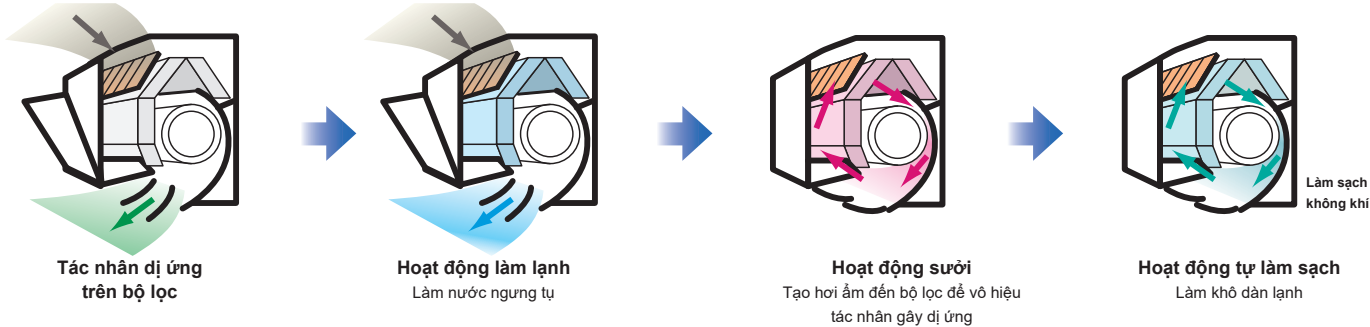
Nhấn nút khử các tác nhân gây dị ứng

Không khí trong phòng luôn được tươi mới

# Hệ thống khử các tác nhân gây dị ứng

Điều này có thể được kích hoạt bằng cách nhấn nút “Allergen” trên Remote và sẽ diễn ra trong 90 phút trước khi tự động dừng. Nó trung hòa tất cả các vi khuẩn thu thập được trên bề mặt của bộ lọc chống dị ứng nhờ sự tương tác phức tạp giữa nhiệt độ và độ ẩm.

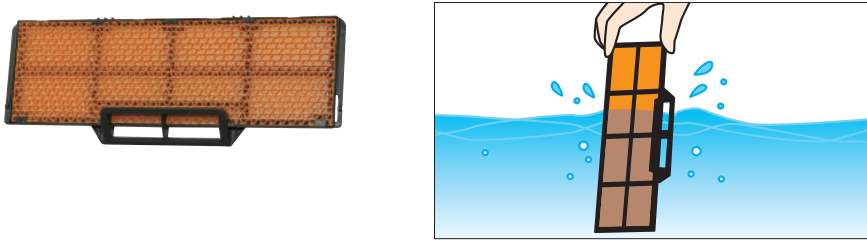




Khả năng khử mùi của bộ lọc có thể phục hồi dễ dàng bằng cách rửa sạch và phơi dưới trời nắng

# Bộ lọc khử mùi Sun

Bộ khử mùi Sun giữ không khí trong sạch bằng cách loại bỏ các mùi hôi khó chịu trong phòng. Có thể bảo trì bằng cách gỡ ra rửa bằng nước, phơi khô dưới ánh nắng và tái sử dụng mà không cần thay thế.







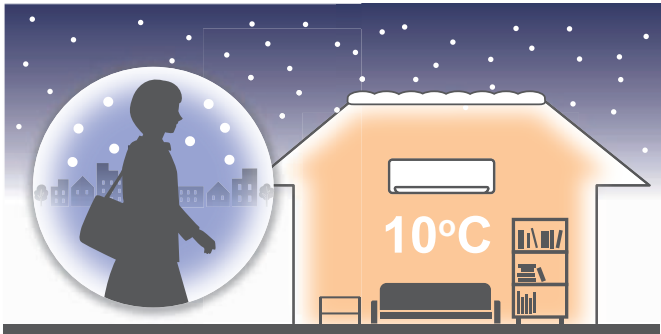
Chức năng High Power (Công suất cao)

KHI LÀM MÁT

Chức năng này cung cấp không khí mát lạnh nhanh chóng cho phòng. Máy thổi ra luồng khí lạnh mạnh mẽ khi bạn muốn cảm nhận tức thì sự mát lạnh ngay khi vừa mới về nhà trong một ngày hè nóng nực. Máy sẽ tự động trở về chế độ hoạt động trước đó sau 15 phút để tránh việc làm lạnh phòng quá mức.

KHI SƯỞI ẤM

Chức năng này giúp làm ấm toàn bộ căn phòng nhanh chóng khi bạn rời khỏi giường ngủ hoặc vừa trở về nhà trong một ngày mùa đông. Máy sẽ tự động trở về chế độ hoạt động trước đó sau 15 phút để tránh việc làm ấm phòng quá mức.



Chế độ “Night Setback”

Trong mùa lạnh, nhiệt độ phòng có thể được duy trì ở mức độ thoải mái ngay cả khi căn phòng không có người. Điều hòa không khí giữ nhiệt độ ở 10°C.



Chế độ hoạt động êm

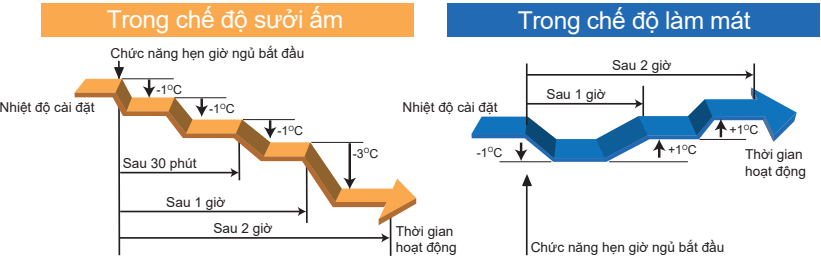
Khi hoạt động im lặng, độ ồn dần nóng sẽ thấp hơn 3dB (A) so với mức danh định. Tốc độ máy nén và quạt dàn nóng cũng được đặt ở mức thấp so với tiêu chuẩn.

Chế độ Hẹn giờ hàng tuần

Lên đến 4 chương trình với hoạt động hẹn giờ (ON-TIMER / OFF-TIMER) có sẵn cho mỗi ngày trong tuần. Có thể đặt tối đa 28 chương trình mỗi tuần. Sau khi thiết lập, hoạt động hẹn giờ sẽ lặp lại cùng một chương trình mỗi tuần trừ khi bị hủy bỏ.

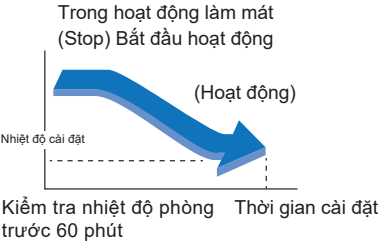
Hẹn giờ ngủ

Nhiệt độ quá thấp hoặc quá cao trong việc Làm lạnh/Sưởi ấm là không cần thiết khi mọi người đi ngủ. Chức năng này điều chỉnh công suất và nhiệt độ phù hợp, giúp tiết kiệm năng lượng tốt hơn.



Khởi động trước giờ hẹn mở máy

Máy sẽ kiểm tra nhiệt độ phòng và có thể tự quyết định khởi động trước thời điểm cài đặt hẹn giờ khoảng 60 phút để nhiệt độ phòng đạt tới nhiệt độ cài đặt tại thời điểm hẹn giờ.

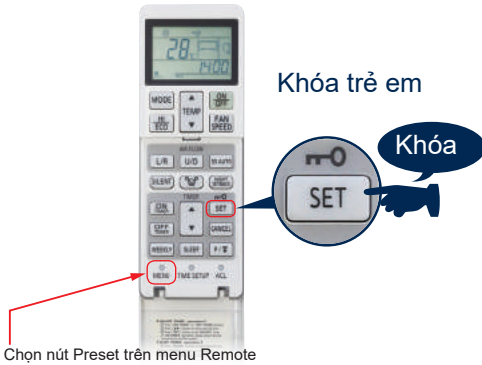


Chức năng Preset (cài đặt sẵn)

Chức năng Preset cho phép tùy chọn các chế độ cài đặt nhiệt độ và đảo gió, để mang lại sự thoải mái tối đa chỉ với một cú chạm nút đơn giản.

Khóa Trẻ em

Ngăn chặn các thao tác sử dụng hệ điều khiển. Chức năng này rất hữu ích cho các gia đình có trẻ nhỏ.



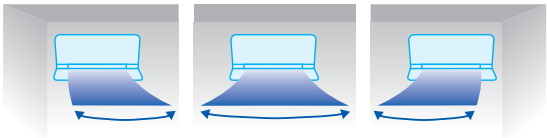
Điều chỉnh độ sáng đèn LED

Độ sáng của màn hình LED có thể được điều chỉnh cho phù hợp. (Áp dụng cho Model ZSX & ZS)



Cài đặt vị trí lắp đặt

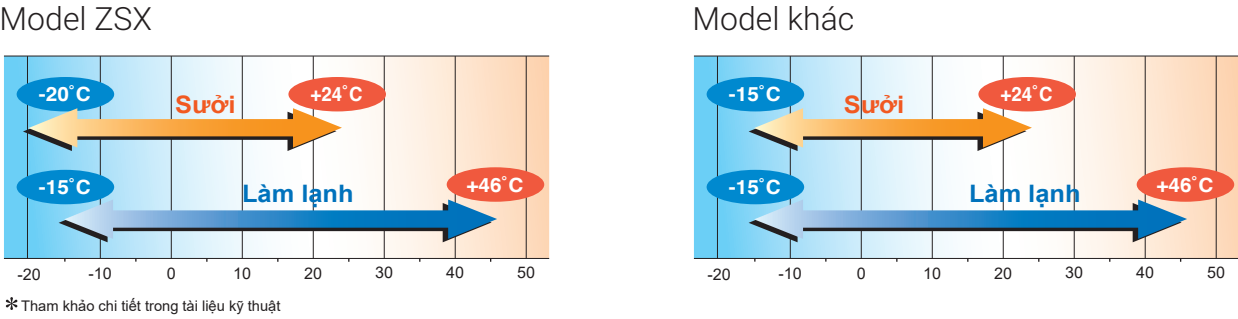
Hướng thổi của luồng gió có thể được tùy chỉnh phù hợp theo kết cấu của phòng.





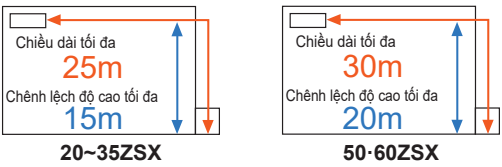
Dãy nhiệt độ hoạt động rộng

Công nghệ tiên tiến mới đã mở rộng phạm vi hoạt động cho hệ thống sưởi ấm và làm lạnh. Cho phép cài đặt hệ thống hoạt động sưởi và làm lạnh dưới điều kiện nhiệt độ thấp đến -20°C (Model ZSX)



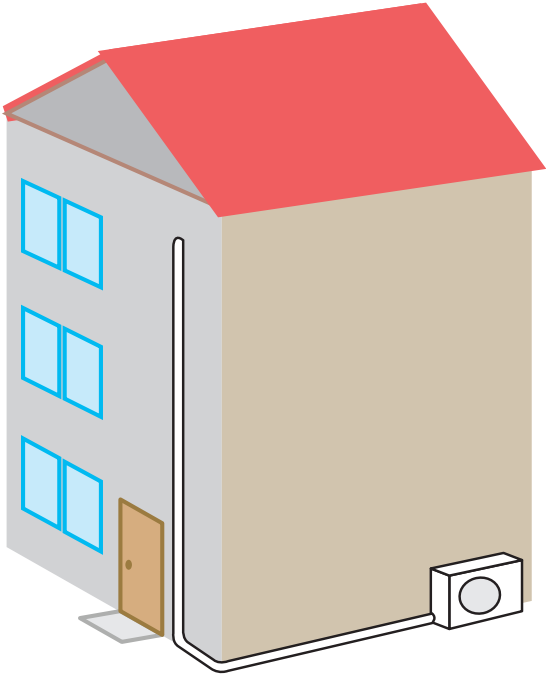
Tăng chiều dài đường ống

Model ZSX hỗ trợ chiều dài đường ống lên đến 30m giúp mang lại sự linh hoạt lắp đặt.



Lắp đặt máy điều hòa cho nhà 3 tầng sẽ dễ dàng hơn với khả năng hỗ trợ kết nối đường ống dài.

Có thể dễ dàng bố trí không gian lắp đặt thích hợp cho dàn ngoài trời kết nối với các dàn trong nhà cách xa nhau như trên tầng 1 và tầng 3, nhờ vào khả năng kết nối đường ống rất dài.



SỬ DỤNG VẬT LIỆU HÀN KHÔNG CHÌ

Để tránh ô nhiễm cho môi trường toàn cầu, Nhà máy Mitsubishi Heavy Industries đã áp dụng tiêu chuẩn RoHS (tương đương với tiêu chuẩn IEC 62321 theo quyết định số 4693/QĐ-BCT) không sử dụng hóa chất độc hại cho toàn bộ sản phẩm máy điều hòa không khí thương hiệu Mitsubishi Heavy Industries tại thị trường Việt Nam

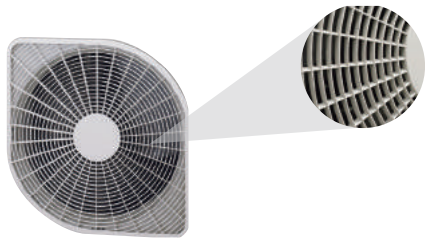


Cánh quạt thiết kế mới

Cánh quạt được thiết kế mới phù hợp tối ưu với motor quạt nhằm duy trì công suất như những model trước và giảm sự tiêu hao điện năng. Hiệu quả đồng bộ cùng với cánh quạt hình lá rừng cửa làm tăng hiệu suất năng lượng đến 5% và giảm độ ồn đáng kể.

Tiết kiệm năng lượng với lưới hình lá

Lưới được thiết kế tỏa tròn nhằm hấp thu luồng gió tự nhiên từ cánh quạt đi theo. Luồng khí êm dịu với sức cản gió thấp nhất làm giảm tải cho motor quạt làm tăng hiệu suất năng lượng.



Tấm thép nhúng nóng chống ăn mòn cao cấp

Tấm thép nhúng nóng chống ăn mòn cao được áp dụng tại các dàn nóng. Nó có tính chống ăn mòn cao và tính chống xước so với các vật liệu thông thường.



3 bộ cảm biến

Kiểm soát nhiệt độ phòng và độ ẩm là rất quan trọng đối với cuộc sống thoải mái của con người. 3 bộ cảm biến được dùng để kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm trong nhà và nhiệt độ ngoài trời giúp thiết bị đạt được không khí điều hòa tối ưu.



Cảm biến nhiệt độ và độ ẩm trong nhà



Cảm biến nhiệt độ ngoài trời

Máy nén DC Rotor kép hiệu suất cao

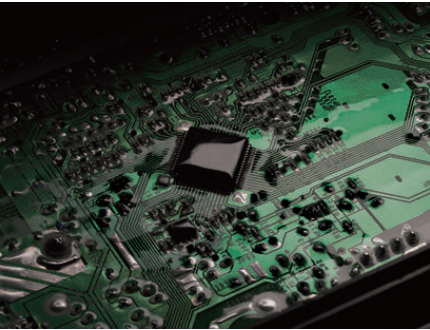
Phát triển máy nén DC Rotor kép mới hiệu suất cao, vận hành với dây tốc độ quay rộng từ tốc độ thấp đến tốc độ cao. Ngoài ra sự rung động thấp, mức độ âm thanh thấp và cấp hiệu suất có thể đạt được bởi sự tối ưu kích thước bộ phận cơ khí, động cơ sử dụng nam châm vĩnh cửu đạt hiệu suất cao.



\*SRC-ZJX/SCM

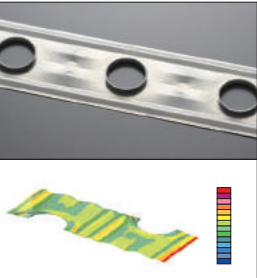
Bảng mạch được phủ chống ẩm

Bảng mạch in của dàn nóng được phủ lớp silicone giúp nâng cao khả năng chống ẩm.



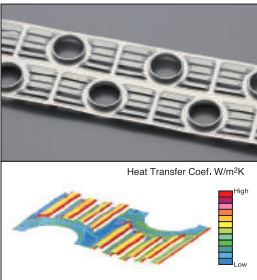
Dàn nóng

Nhờ vào sự thay đổi cấu hình cánh tản nhiệt từ dạng phẳng sang hình chữ M mới, hiệu suất được cải thiện tới 10%. Tạo thuận lợi cho sự cân bằng của truyền nhiệt và luồng khí đạt được trong một cấu trúc chính xác cao.



Dàn lạnh

Nhờ vào sự thay đổi hình dạng cánh tản nhiệt từ dạng phẳng sang hình chữ M mới, hiệu suất được cải thiện tới 10%. Tạo thuận lợi cho sự cân bằng của truyền nhiệt và luồng khí đạt được trong một hình dạng chính xác cao.



Tấm lấy gió di chuyển được

Thiết kế tiên tiến, áp dụng tấm lấy gió di chuyển được, làm giảm thiểu sức cản không khí.





CHỨC NĂNG TIẾT KIỂM NĂNG LƯỢNG

**Chế độ tự động nội suy**  
Tự động chọn chế độ vận hành và nhiệt độ cài đặt dựa vào thuật toán nội suy và điều chỉnh tần số biến tần.

**Cảm biến con người**  
Cảm biến này phát hiện chuyển động của con người và tự điều khiển nhiệt độ phòng phù hợp nhất.

**Tự động Tắt**  
Khi không có hoạt động nào được phát hiện trong phòng trong một khoảng thời gian nhất định, Chế độ tự động tắt sẽ được kích hoạt

**Chế độ tiết kiệm điện**  
Máy được vận hành ở chế độ tiết kiệm điện trong khi vẫn duy trì điều kiện làm lạnh và sưởi ấm.

**Hoạt động ECO**  
Nhiệt độ phòng và độ ẩm được theo dõi bằng bộ cảm biến để tự động điều khiển hoạt động. Cùng với cảm biến con người, hệ thống cho phép khởi động chế độ tiết kiệm năng lượng trong khi vẫn duy trì nhiệt độ thoải mái.

CHỨC NĂNG ĐẢO GIÓ

**Chế độ đảo gió tự động**  
Tự động chọn góc thổi chếch để tối đa việc làm lạnh.  

LẠM LẠNH & THỜI KHÔ  
Thổi ngang  
  
SƯỞI ẤM  
Thổi nghiêng

**Chế độ nhớ vị trí cánh đảo**  
Khi cánh tần gió quay, bạn có thể chọn vị trí dừng bất kỳ của chúng. Khi khởi động lại máy, máy sẽ nhớ vị trí cánh đảo ở lần vận hành trước.

**Công nghệ JET**  
Công nghệ máy bay được sử dụng để thiết kế thành phần của hệ thống điều hòa không khí.

**Cài đặt theo vị trí lắp đặt**  
Bạn có thể điều chỉnh hướng gió thổi trái/phải bằng bộ điều khiển từ xa tùy theo vị trí lắp đặt của máy.

**Phân phối gió tự động 3 chiều**  
Bạn có thể lựa chọn chế độ làm lạnh tối nhất chỉ bằng một nút nhấn.

**Góc đảo cánh Lên/Xuống**  
Chọn góc độ lên xuống theo độ rộng mong muốn.

**Chế độ đảo qua lại**  
Phân phối dòng khí trải rộng khắp phòng bằng cách đảo cánh hướng gió bên phải và trái một cách tự động. Góc cánh hướng gió có thể được bố trí ở những vị trí mong muốn bất kỳ.

**Lựa chọn hướng gió**  
Điều hòa không khí có thể tùy chọn hướng gió thổi ở vị trí dưới thấp lẫn trên cao.

CHỨC NĂNG LỌC KHUẨN

**Bộ lọc khử tác nhân gây dị ứng**  
Bộ lọc khử tác nhân dị ứng sẽ giữ lại phấn hoa và các tác nhân gây dị ứng khác như lông mèo... và vô hiệu chúng.

**Hoạt động tự làm sạch**  
Khi chọn chế độ tự làm sạch, máy sẽ tự vệ sinh khô trong vòng 2 giờ, Dàn lạnh được làm khô và hạn chế nấm mốc

**Bộ lọc khử mùi**  
Bộ lọc khử mùi giữ không khí trong sạch bằng cách loại bỏ các mùi hôi khó chịu trong phòng. Có thể bảo trì bằng cách gỡ ra rửa bằng nước,phoi khô dưới ánh nắng và tái sử dụng mà không cần thay thế.

**Hoạt động làm sạch tác nhân gây dị ứng**  
Hệ thống được trang bị bộ lọc có chức năng ngăn chặn ảnh hưởng của chất gây dị ứng bằng cách kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm.

**Nắp mặt nạ tháo lắp được**  
Được tháo lắp một cách dễ dàng và làm sạch bộ lọc một cách đơn giản. Mặt trước mặt nạ có thể tháo ra được.  
\* Khi tháo để vệ sinh bên trong thì đẩy nghiêng 65 độ và kéo nó ra



CHỨC NĂNG KHÁC

**Chế độ giải đông bằng mạch vi xử lý**  
Chế độ này giúp tự giải đông và giảm thiểu sự vận hành quá mức của máy.

**Công tắc dự phòng**  
Nếu điều khiển từ xa không thành công, thiết bị có thể được vận hành thông qua công tắc bật / tắt trên dàn lạnh.

**Chức năng tự động báo lỗi khi có sự cố**  
Trong trường hợp máy bị sự cố, bộ vi xử lý sẽ tự động chẩn đoán và báo lỗi. (Vui lòng liên lạc với Trạm bảo hành để được kiểm tra và sửa chữa).

**Chức năng tự khởi động**  
Trong các trường hợp nguồn điện bị ngắt đột ngột, máy sẽ tự động kích hoạt khi có điện và hoạt động theo chế độ trước khi nguồn bị ngắt.

CHỨC NĂNG TIỆN NGHI

**Chế độ định giờ khởi động/tắt máy**  
Máy có thể tự động khởi động hoặc tắt máy theo thời gian đã được cài đặt trước

**Chế độ làm lạnh nhanh**  
Máy hoạt động liên tục ở chế độ công suất cao để lạnh nhanh trong vòng 15'.

**Hoạt động định sẵn**  
Chế độ hoạt động đặt trước mong muốn có thể được bật bằng một lần chạm của nút.

**Chế độ "Night Setback"**  
Trong mùa lạnh, nếu chế độ "Night setback" được cài đặt, nhiệt độ phòng có thể được duy trì ở mức thoải mái ngay cả khi phòng không có người. Máy điều hòa không khí giữ nhiệt độ không đổi ở 10°C.

**Chế độ hoạt động êm**  
Độ ồn dàn nóng thấp hơn 3dB(A) so với mức danh định.

**Chế độ khử ẩm**  
Giúp làm giảm độ ẩm bằng cách kiểm soát chu kì làm lạnh.

**Chức năng khởi động tiện nghi**  
Trong hoạt động ON-TIMER, Máy có thể khởi động sớm so với giờ cài đặt nhằm giúp nhiệt độ phòng đạt theo mong muốn khi bắt đầu sử dụng.

**Bộ định giờ Bật/Tắt trong tuần**  
Có đến 4 chương trình hoạt động hẹn giờ bật/tắt cho mỗi ngày trong tuần. Có thể cài đặt tối đa 28 chương trình cho 1 tuần.

**Chức năng khóa trẻ em**  
Ngăn chặn các hoạt động vô ý. Chức năng này rất hữu ích cho các gia đình có trẻ nhỏ.

**Điều chỉnh độ sáng đèn LED**  
Độ sáng của màn hình LED có thể được điều chỉnh phù hợp.

**Bộ định giờ Bật/Tắt trong 24 giờ**  
Bằng cách kết hợp hai bộ định giờ bật/tắt máy, bạn có thể cài đặt cho cả hai thời điểm vận hành trong 1 ngày. Với một lần cài đặt bộ định giờ sẽ bật hoặc tắt hệ thống ở một thời gian xác định lặp đi lặp lại hàng ngày.

**Chế độ ngủ**  
Nhiệt độ phòng được kiểm soát một cách tự động trong thời gian cài đặt để đảm bảo nhiệt độ phòng không quá lạnh hay quá nóng.

		ZSX	ZR	ZS	ZSPS	SRF	SRR	FDTC*	SKM	FDUM	FDE
TIẾT KIỂM NĂNG LƯỢNG	Chế độ tự động nội suy	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
	Cảm biến con người	●									
	Hoạt động ECO	●									
	Tự động Tắt	●									
	Chế độ tiết kiệm điện		●	●	●	●	●		●		
CHỨC NĂNG ĐẢO GIÓ	Công nghệ JET	●	●	●	●				●		
	Phân phối gió tự động 3 chiều (3D AUTO)	●	●	●							
	Chế độ đảo gió tự động	●	●	●	●	●		●	●		●
	Chế độ nhớ vị trí cánh đảo	●	●	●	●	●		●	●		●
	Góc đảo cánh Lên/Xuống	●	●	●	●	●		●	●		●
	Chế độ đảo qua lại Trái/Phải	●	●	●							
	Lựa chọn hướng gió					●					
	Cài đặt theo vị trí lắp đặt	●	●	●							
CHỨC NĂNG LỌC KHUẨN	Hoạt động làm sạch tác nhân gây dị ứng **	●	●	●							
	Hoạt động tự làm sạch	●	●	●	●	●	●		●		
	Bộ lọc khử tác nhân gây dị ứng	●	●	●		●					
	Bộ lọc khử mùi	●	●	●		●					
	Nắp mặt nạ tháo lắp được	●	●	●	●	●					
CHỨC NĂNG TIỆN NGHI	Chế độ khử ẩm	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
	Chế độ làm lạnh nhanh	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
	Chế độ hoạt động êm ***	●	●	●		●	●				
	Chế độ "Night Setback"	●	●	●		●	●				
	Bộ định giờ Bật/Tắt trong tuần	●	●	●		●	●				
	Bộ định giờ Bật/Tắt trong 24 giờ				●			●	●	●	●
	Chế độ ngủ	●	●	●	●	●	●		●		
	Chế độ định giờ khởi động/tắt máy	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
	Chức năng khởi động tiện nghi	●	●	●	●	●	●		●		
	Hoạt động định sẵn	●		●							
	Chức năng khóa trẻ em	●	●	●		●	●				
	Điều chỉnh độ sáng đèn LED	●		●							
CHỨC NĂNG KHÁC	Chế độ giải đông bằng mạch vi xử lý	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
	Chức năng tự động báo lỗi khi có sự cố	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
	Chức năng tự khởi động	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
	Công tắc dự phòng	●	●	●	●	●	●	●	●		●

\* Khi sử dụng điều khiển từ xa

\*\*Không áp dụng cho đa kết nối

\*\*\* Không áp dụng cho đa kết nối (ngoại trừ kết nối với SCM50-60ZS-S1, SCM80ZM-S1)



LOẠI TREO TƯỜNG

SRK-ZSX-S



SRK20ZSX-S, SRK25ZSX-S, SRK35ZSX-S  
SRK50ZSX-S, SRK60ZSX-S



Điều khiển không dây



SRC20ZSX-S, SRC25ZSX-S, SRC35ZSX-S  
SRC50ZSX-S, SRC60ZSX-S



Các chức năng

Chức năng tiết kiệm năng lượng



Chức năng đảo gió



Chức năng tiện nghi



Dàn lạnh SRK-ZSX-S có thể được chọn để sử dụng kết hợp với hệ thống dàn nóng SCM Multi

Chức năng lọc khuẩn



Chức năng khác

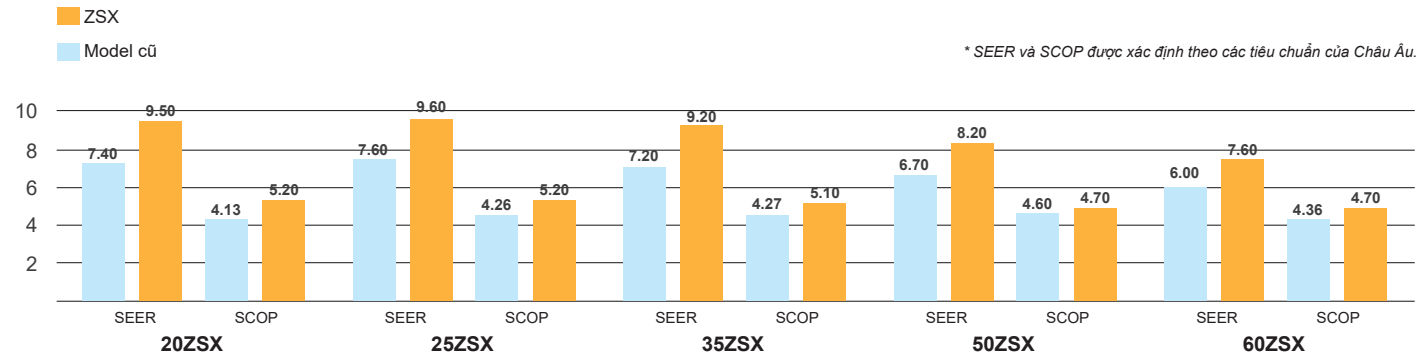


Dàn lạnh				SRK20ZSX-S	SRK25ZSX-S	SRK35ZSX-S	SRC50ZSX-S	SRK60ZSX-S
Dàn nóng				SRC20ZSX-S	SRC25ZSX-S	SRC35ZSX-S	SRC50ZSX-S	SRC60ZSX-S
Nguồn điện				1Phase, 220 - 240, 50Hz				
Công suất lạnh (tối thiểu ~ tối đa)			kW	2.0 (0.9~3.2)	2.5 (0.9~3.7)	3.5 (0.9~4.3)	5.0 (1.0~5.8)	6.1 (1.0~6.8)
Công suất sưởi (tối thiểu ~ tối đa)			kW	2.7 (0.8~5.3)	3.2 (0.8~5.8)	4.3 (0.8~6.6)	6.0 (0.6~8.1)	6.8 (0.6~8.7)
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh/Sưởi		kW	0.32 / 0.47	0.44 / 0.59	0.78 / 0.90	1.30 / 1.36	1.81 / 1.67
EER/COP	Làm lạnh/Sưởi			6.25 / 5.74	5.68 / 5.42	4.49 / 4.78	3.85 / 4.41	3.37 / 4.07
Dòng điện hoạt động tối đa			A	9	9	9	15	15
Độ ồn công suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh/Sưởi	dB(A)	53 / 53	55 / 56	58 / 58	59 / 62	62 / 63
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		56 / 58	57 / 58	61 / 62	63 / 63	65 / 64
Độ ồn áp suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	dB(A)	38 / 31 / 24 / 19	39 / 33 / 25 / 19	43 / 35 / 26 / 19	44 / 39 / 31 / 22	46 / 41 / 33 / 22
		Sưởi (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)		38 / 32 / 25 / 19	40 / 34 / 27 / 19	41 / 35 / 28 / 19	46 / 41 / 33 / 23	46 / 42 / 34 / 23
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		43 / 44	44 / 45	48 / 47	50 / 49	52 / 52
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	m³/ phút	11.3 / 9.1 / 6.0 / 5.0	12.2 / 10.0 / 6.7 / 5.0	13.1 / 10.8 / 7.3 / 5.0	14.3 / 12.4 / 7.8 / 5.4	16.3 / 13.4 / 8.9 / 5.4
		Sưởi (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)		12.2 / 10.3 / 7.2 / 5.4	12.8 / 11.0 / 7.8 / 5.4	13.9 / 11.8 / 8.6 / 5.4	17.3 / 14.3 / 9.8 / 6.2	17.8 / 13.7 / 10.9 / 6.2
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		31.0 / 31.0	31.0 / 31.0	36.0 / 31.0	39.0 / 33.0	41.5 / 39.0
Kích thước	Dàn lạnh	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	305 x 920 x 220				
	Dàn nóng			640 x 800(+71) x 290				
Trọng lượng tịnh	Dàn lạnh/Dàn nóng		kg	13.0 / 43.0			13.0 / 45.0	
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/Đường hơi		Ømm	6.35(1/4") / 9.52(3/8")			6.35(1/4") / 12.7(1/2")	
Độ dài đường ống			m	Tối đa 25			Tối đa 30	
Độ cao chênh lệch	Dàn nóng cao/thấp hơn		m	Tối đa 15/15			Tối đa 20/20	
Dây nhiệt độ hoạt động	Làm lạnh		°C	-15~46				
	Sưởi			-20~24				
Bộ lọc				1 bộ lọc khử tác nhân gây dị ứng - 1 bộ lọc khử mùi				

Các thông số được đo lường theo tiêu chuẩn (IOS-T1)  
Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 20°CDB và nhiệt độ ngoài trời của 7°CDB, 6°CWB.  
Thông số độ ồn được đo trong phòng cách âm, trong quá trình hoạt động thực tế, giá trị có thể cao hơn do tác động của môi trường xung quanh

CÔNG NGHỆ MỚI NHẤT CỦA MITSUBISHI HEAVY INDUSTRIES MANG LẠI HIỆU SUẤT THEO MÙA RẤT CAO

Model ZSX có hiệu suất theo mùa xuất sắc khi đạt được mức tiết kiệm năng lượng cao nhất châu Âu (A+++)



THIẾT KẾ THANH LỊCH VƯỢT THỜI GIAN

Dòng máy điều hòa không khí ZSX và ZS được thiết kế đầy phong cách với các đường nét tròn đẹp mắt với bất kỳ thiết lập nội thất đa dạng nào của Châu Âu. Model được thiết kế bởi xưởng thiết kế công nghiệp Ý Tensa, có trụ sở tại Milan, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dùng.

TẮM LẤY GIÓ DI CHUYỂN ĐƯỢC.

Thiết kế tiên tiến, áp dụng tấm lấy gió di chuyển được, làm giảm thiểu sức cản không khí.



ĐẸ DÀNG ĐIỀU KHIỂN TỪ XA

Dàn trong nhà dạng treo tường được đi kèm với một bộ điều khiển từ xa để cài đặt các chức năng như nhiệt độ, tốc độ quạt, chế độ sưởi hoặc làm mát. Bộ điều khiển được thiết kế thân thiện với các nút bấm lớn. Có nhiều tính năng như các cài đặt eco-mode giúp tiết kiệm điện năng. Bạn còn có thể cài đặt hẹn giờ cho cả tuần với các thiết lập thuận tiện cho riêng mình. Ngoài ra còn có tùy chọn chế độ yên lặng, có thể được chọn khi ngủ để có độ ồn tối thiểu.

**NÚT chọn MODE**  
Mỗi lần nhấn, nút chỉ báo sẽ thay đổi theo thứ tự.

**NÚT TEMPERATURE**  
Cài đặt nhiệt độ trong phòng.

**NÚT HI POWER/ECO**  
Nút này sẽ thay đổi giữa chế độ làm lạnh nhanh và chế độ tiết kiệm.

**NÚT AIR FLOW (trái/phải)**  
Thay đổi chế độ luồng khí (trái/phải).

**NÚT SILENT**  
Thay đổi hoạt động Silent.

**NÚT ALLERGEN CLEAR**  
Cài đặt vận hành khử tác nhân gây dị ứng.

**NÚT ON TIMER**  
Cài đặt chế độ định giờ khởi động.

**NÚT OFF TIMER**  
Cài đặt chế độ định giờ tắt máy.

**NÚT WEEKLY**  
Cài đặt chế độ bật tắt trong tuần.

**NÚT SLEEP**  
Cài đặt chế độ Ngủ.

**NÚT CLEAN**  
Cài đặt vận hành ở chế độ tự làm sạch.

**NÚT ON/ OFF (phát sáng)**  
Sử dụng để Mở/Tắt máy.

**NÚT FAN SPEED**  
Thay đổi tốc độ quạt.

**NÚT AIR FLOW (lên/xuống)**  
Thay đổi chế độ luồng khí (lên/xuống).

**NÚT 3D AUTO**  
Cài đặt vận hành ở chế độ phân phối gió 3 chiều tự động.

**NÚT NIGHT SETBACK**  
Cài đặt chức năng Night Setback.

**NÚT SET/CHILD LOCK**  
Cài đặt chức năng hẹn giờ và khóa trẻ em.

**NÚT TIMER**  
Thay đổi thời gian hiện hành và thời gian của chế độ cài đặt TIMER.

**NÚT CANCEL**  
Hủy bỏ chức năng On-Timer, Off-Timer và hoạt động SLEEP.

**NÚT PROGRAM**  
Cài đặt cho chức năng WEEKLY TIMER.

**NÚT RESET**  
Dùng để khởi động lại bộ vi xử lý và cài đặt thời gian.

**NÚT TIME SETUP**  
Dùng để thiết lập thời gian.



LOẠI TREO TƯỜNG

# SRK-ZR-S



SRK63ZR-S, SRK71ZR-S, SRK80ZR-S, SRK100ZR-S



Điều khiển không dây



SRC63ZR-S



SRC71ZR-S, SRC80ZR-S



FDC100VNP

### Các chức năng

Chức năng tiết kiệm năng lượng



Chức năng đảo gió



Chức năng tiện nghi



Dàn lạnh				SRK63ZR-S	SRK71ZR-S	SRK80ZR-S	SRK100ZR-S
Dàn nóng				SRC63ZR-S	SRC71ZR-S	SRC80ZR-S	FDC100VNP
Nguồn điện				1Phase, 220 - 240, 50Hz			
Công suất lạnh (tối thiểu ~ tối đa)			kW	6.3 (1.2~7.1)	7.1 (2.3~7.7)	8.0 (2.3~9.0)	10.0 (2.4~10.5)
Công suất sưởi (tối thiểu ~ tối đa)			kW	7.1 (0.8~9.0)	8.0 (2.0~10.0)	9.0 (2.1~10.5)	11.2 (3.2~11.5)
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh/Sưởi		kW	1.85 / 1.74	2.05 / 2.06	2.35 / 2.40	3.09 / 3.28
EER/COP	Làm lạnh/Sưởi			3.41 / 4.08	3.46 / 3.88	3.40 / 3.75	3.24 / 3.41
Dòng điện hoạt động tối đa			A	14.5	17	17	21
Độ ồn công suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh/Sưởi	dB(A)	58 / 58	58 / 60	62 / 62	63 / 63
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		67 / 66	65 / 63	68 / 67	70 / 74
Độ ồn áp suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	dB(A)	44 / 39 / 35 / 25	44 / 41 / 37 / 25	47 / 44 / 39 / 26	48 / 45 / 40 / 27
		Sưởi (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)		44 / 38 / 34 / 28	46 / 39 / 35 / 28	47 / 41 / 36 / 29	48 / 43 / 38 / 30
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		54 / 54	53 / 51	56 / 55	57 / 61
	Lưu lượng gió	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	m³/ phút	20.5 / 18.1 / 15.7 / 10.4	20.5 / 18.6 / 16.2 / 10.4	23.5 / 20.2 / 17.5 / 10.4
		Sưởi (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	23.5 / 19.0 / 16.5 / 13.1		25.5 / 19.8 / 17.3 / 13.3	26.5 / 21.3 / 18.4 / 13.5	27.5 / 23.2 / 19.1 / 13.6
Dàn nóng		Làm lạnh/Sưởi			41.5 / 41.5	55 / 43.5	63 / 49.5
Kích thước	Dàn lạnh	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	339 x 1197 x 262			
	Dàn nóng			640 x 800(+71) x 290      750 x 880(+88) x 340      845 x 970 x 370			
Trọng lượng tịnh	Dàn lạnh/Dàn nóng		kg	15.5 / 45	15.5 / 57	16.5 / 58.5	16.5 / 70
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/Đường hơi		Ømm	6.35(1/4") / 12.7(1/2")		6.35(1/4") / 15.88(5/8")      9.52(3/8") / 15.88(5/8")	
Độ dài đường ống			m	Tối đa 30			
Độ cao chênh lệch	Dàn nóng cao/thấp hơn		m	Tối đa 20/20			
Dây nhiệt độ hoạt động	Làm lạnh		°C	-15~46			
	Sưởi			-15~24			
Bộ lọc				1 bộ lọc khử tác nhân gây dị ứng - 1 bộ lọc khử mùi			

Các thông số được đo lường theo tiêu chuẩn (IOS-T1)  
Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB và nhiệt độ ngoài trời của 35°CDB, 19°CWB. Sưởi ấm: Nhiệt độ trong phòng 20°CDB và nhiệt độ ngoài trời của 7°CDB, 6°CWB  
Thông số độ ồn được đo trong phòng cách âm, trong quá trình hoạt động thực tế, giá trị có thể cao hơn do tác động của môi trường xung quanh

LOẠI TREO TƯỜNG

# SRK-ZS-S



SRK20ZS-S, SRK25ZS-S, SRK35ZS-S, SRK50ZS-S



Điều khiển không dây



SRC20ZS-S, SRC25ZS-S, SRC35ZS-S



SRC50ZS-S

### Các chức năng

Chức năng tiết kiệm năng lượng



Chức năng đảo gió



Chức năng tiện nghi



Dàn lạnh				SRK20ZS-S	SRK25ZS-S	SRK35ZS-S	SRK50ZS-S	
Dàn nóng				SRC20ZS-S	SRC25ZS-S	SRC35ZS-S	SRC50ZS-S	
Nguồn điện				1Phase, 220 - 240, 50Hz				
Công suất lạnh (tối thiểu ~ tối đa)			kW	2.0 (1.0~2.8)	2.5 (1.0~3.0)	3.5 (1.0~3.8)	5.0 (1.7~5.5)	
Công suất sưởi (tối thiểu ~ tối đa)			kW	2.7 (0.9~4.2)	3.2 (0.9~4.4)	4.0 (0.9~4.8)	5.8 (1.6~6.6)	
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh/Sưởi		kW	0.44 / 0.62	0.62 / 0.80	1.01 / 1.00	1.56 / 1.59	
EER/COP	Làm lạnh/Sưởi			4.55 / 4.35	4.03 / 4.00	3.47 / 4.00	3.21 / 3.65	
Dòng điện hoạt động tối đa			A	9	9	9	14.5	
Độ ồn công suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh/Sưởi	dB(A)	50 / 52	52 / 55	56 / 58	58 / 59	
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		57 / 57	58 / 58	62 / 61	62 / 63	
Độ ồn áp suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	dB(A)	34 / 25 / 22 / 19	36 / 28 / 23 / 19	40 / 30 / 26 / 19	45 / 36 / 28 / 22	
		Sưởi (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)		36 / 29 / 23 / 19	39 / 30 / 24 / 19	41 / 36 / 25 / 19	45 / 37 / 31 / 24	
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		45 / 45	46 / 46	50 / 48	51 / 53	
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	m³/ phút	9.3 / 7.0 / 5.9 / 5.0	9.9 / 8.0 / 5.9 / 5.0	11.3 / 8.7 / 7.0 / 5.0	12.1 / 9.9 / 7.4 / 5.9	
		Sưởi (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)		10.0 / 8.5 / 6.5 / 5.9	11.3 / 8.7 / 6.7 / 5.9	12.3 / 11.0 / 7.0 / 5.9	13.9 / 11.2 / 9.1 / 7.4	
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		27.4 / 23.6	27.4 / 23.6	31.5 / 27.8	32.8 / 32.8	
Kích thước	Dàn lạnh	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	290 x 870 x 230				
	Dàn nóng			540 x 780(+62) x 290				
Trọng lượng tịnh			Dàn lạnh/Dàn nóng	kg	9.5 / 31.5		9.5 / 34.5	10 / 36.5
Kích cỡ đường ống			Đường lỏng/Đường hơi	Ømm	6.35(1/4") / 9.52(3/8")			6.35(1/4") / 12.7(1/2")
Độ dài đường ống				m	Tối đa 20			Tối đa 25
Độ cao chênh lệch			Dàn nóng cao/thấp hơn	m	Tối đa 10/10			Tối đa 15/15
Dây nhiệt độ hoạt động		Làm lạnh	°C	-15~46				
				-15~24				
Bộ lọc				1 bộ lọc khử tác nhân gây dị ứng - 1 bộ lọc khử mùi				

Các thông số được đo lường theo tiêu chuẩn (IOS-T1)  
Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB và nhiệt độ ngoài trời của 35°CDB, 19°CWB. Sưởi ấm: Nhiệt độ trong phòng 20°CDB và nhiệt độ ngoài trời của 7°CDB, 6°CWB  
Thông số độ ồn được đo trong phòng cách âm, trong quá trình hoạt động thực tế, giá trị có thể cao hơn do tác động của môi trường xung quanh



LOẠI TREO TƯỜNG

# SRK-ZSPS-S5

Standard Series



SRK25ZSPS-S5, SRK35ZSPS-S5, SRK45ZSPS-S5



Điều khiển không dây SRC25ZSPS-S5 SRC35ZSPS-S5 SRC45ZSPS-S5

Các chức năng

Chức năng tiết kiệm năng lượng



Chức năng đảo gió



Chức năng tiện nghi



Dàn lạnh				SRK25ZSPS-S5	SRK35ZSPS-S5	SRK45ZSPS-S5
Dàn nóng				SRC25ZSPS-S5	SRC35ZSPS-S5	SRC45ZSPS-S5
Nguồn điện				1Phase, 220 - 240, 50Hz		
Công suất lạnh (tối thiểu ~ tối đa)			kW	2.5 (0.9~2.8)	3.2 (0.9~3.5)	4.5 (0.9~4.8)
Công suất sưởi (tối thiểu ~ tối đa)			kW	2.8 (0.8~3.9)	3.6 (0.9~4.3)	5.0 (0.8~5.8)
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh/Sưởi		kW	0.78 / 0.755	0.995 / 0.995	1.495 / 1.385
EER/COP	Làm lạnh/Sưởi			3.21 / 3.71	3.22 / 3.62	3.01 / 3.61
Dòng điện hoạt động tối đa			A	9	9	14
Độ ồn công suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh/Sưởi	dB(A)	58 / 57	59 / 58	58 / 62
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		58 / 59	60 / 60	63 / 64
Độ ồn áp suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/T.bình/Thấp)	dB(A)	45 / 34 / 23	45 / 36 / 23	44 / 39 / 24
		Sưởi (Cao/T.bình/Thấp)		43 / 34 / 26	44 / 36 / 28	48 / 41 / 30
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		47 / 45	47 / 48	51 / 51
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/T.bình/Thấp)	m³/ phút	10.0 / 7.3 / 4.2	9.5 / 6.8 / 4.2	9.0 / 7.2 / 3.8
		Sưởi (Cao/T.bình/Thấp)		9.5 / 7.3 / 5.2	9.6 / 7.4 / 5.5	12.0 / 9.2 / 6.2
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		26.0 / 19.7	25.4 / 20.5	35.5 / 33.5
Kích thước	Dàn lạnh	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	267 x 783 x 210		
	Dàn nóng			540 x 645(+57) x 275	595 x 780(+62) x 290	
Trọng lượng tịnh			kg	7.0 / 25	7.0 / 27	7.5 / 40
Kích cỡ đường ống			Ømm	6.35(1/4") / 9.52(3/8")		
Độ dài đường ống			m	Tối đa 15		
Độ cao chênh lệch			m	Tối đa 10/10		
Dây nhiệt độ hoạt động	Làm lạnh	°C	-15~46			
	Sưởi		-15~24			
Bộ lọc				-		

Các thông số được đo lường theo tiêu chuẩn (IOS-T1)  
Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB và nhiệt độ ngoài trời của 35°CDB. Sưởi ấm: Nhiệt độ trong phòng 20°CDB và nhiệt độ ngoài trời của 7°CDB, 6°CWB  
Thông số độ ồn được đo trong phòng cách âm, trong quá trình hoạt động thực tế, giá trị có thể cao hơn do tác động của môi trường xung quanh

LOẠI ĐẶT SÀN

# SRF-ZMX-S



SRF25ZMX-S, SRF35ZMX-S, SRF50ZMX-S



Điều khiển không dây SRC25ZMX-S, SRC35ZMX-S SRC50ZMX-S

Các chức năng

Chức năng tiết kiệm năng lượng



Chức năng đảo gió



Chức năng tiện nghi



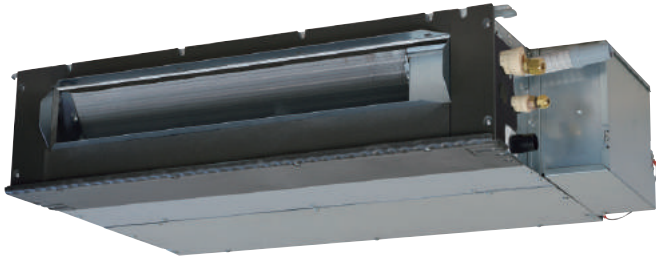
Dàn lạnh			SRF25ZMX-S	SRF35ZMX-S	SRF50ZMX-S
Dàn nóng			SRC25ZMX-S	SRC35ZMX-S	SRC50ZSX-S
Nguồn điện			1Phase, 220 - 240, 50Hz		
Công suất lạnh (tối thiểu ~ tối đa)		kW	2.5 (0.9~3.2)	3.5 (0.9~4.1)	5.0 (1.1~5.2)
Công suất sưởi (tối thiểu ~ tối đa)		kW	3.4 (0.9~4.7)	4.5 (0.9~5.1)	6.0 (0.6~6.9)
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh/Sưởi	kW	0.521 / 0.723	0.890 / 1.124	1.390 / 1.540
EER/COP	Làm lạnh/Sưởi		4.80 / 4.70	3.93 / 4.00	3.60 / 3.90
Dòng điện hoạt động tối đa		A	8	8	15
Độ ồn công suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh/Sưởi	dB(A)	51 / 51	52 / 52
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		60 / 60	63 / 62
Độ ồn áp suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/T.b/Thấp/Cực thấp)	dB(A)	40 / 32 / 29 / 26	41 / 34 / 32 / 28
		Sưởi (Cao/T.bình/Thấp/Cực thấp)		40 / 35 / 33 / 28	41 / 36 / 35 / 31
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		47 / 47	50 / 50
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/T.b/Thấp/Cực thấp)	m³/ phút	9.0 / 7.6 / 6.7 / 5.8	9.2 / 7.8 / 7.3 / 6.4
		Sưởi (Cao/T.b/Thấp/Cực thấp)		10.5 / 8.2 / 7.7 / 6.6	10.7 / 8.3 / 8.1 / 7.4
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		29.5 / 27.0	32.5 / 29.5
Kích thước	Dàn lạnh	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	600 x 860 x 238	
	Dàn nóng			595 x 780(+62) x 290	640 x 800(+71) x 290
Trọng lượng tịnh	Dàn lạnh/Dàn nóng		kg	18 / 35	19 / 45
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/Đường hơi		Ømm	6.35(1/4") / 9.52(3/8")	
Độ dài đường ống			m	Tối đa 15	
Độ cao chênh lệch	Dàn nóng cao/thấp hơn		m	Tối đa 10/10	
Dây nhiệt độ hoạt động	Làm lạnh		°C	-15~46	
	Sưởi			-15~24	-20~24
Bộ lọc			1 bộ lọc khử tác nhân gây dị ứng - 1 bộ lọc khử mùi		

Các thông số được đo lường theo tiêu chuẩn (IOS-T1)  
Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB và nhiệt độ ngoài trời của 35°CDB. Sưởi ấm: Nhiệt độ trong phòng 20°CDB và nhiệt độ ngoài trời của 7°CDB, 6°CWB  
Thông số độ ồn được đo trong phòng cách âm, trong quá trình hoạt động thực tế, giá trị có thể cao hơn do tác động của môi trường xung quanh



LOẠI GIẤU TRẦN

SRR-ZM-S



SRR25ZM-S, SRR35ZM-S



Điều khiển không dây

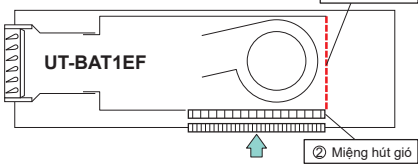


SRC25ZMX-S, SRC35ZMX-S

THIẾT KẾ MỎNG

Chiều cao của tất cả các mẫu SRR chỉ là 200mm.

BỘ DẪN KHÍ (TÙY CHỌN)



Dàn lạnh SRR-ZM-S có thể được chọn để sử dụng kết hợp với hệ thống dàn nóng SCM Multi

Các chức năng

Chức năng tiết kiệm năng lượng



Chức năng lọc khuẩn



Chức năng tiện nghi



Chức năng khác



Dàn lạnh			SRR25ZM-S	SRR35ZM-S
Dàn nóng			SRC25ZMX-S	SRC35ZMX-S
Nguồn điện			1Phase, 220 - 240, 50Hz	
Công suất lạnh (tối thiểu ~ tối đa)		kW	2.5 (1.0 ~ 3.3)	3.5 (1.0 ~ 3.9)
Công suất sưởi (tối thiểu ~ tối đa)		kW	3.4 (1.4 ~ 4.8)	4.2 (1.5 ~ 5.2)
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh/Sưởi	kW	0.570 / 0.750	0.980 / 1.030
EER/COP	Làm lạnh/Sưởi		4.39 / 4.53	3.57 / 4.08
Dòng điện hoạt động tối đa		A	8	8
Độ ồn công suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh/Sưởi	56 / 59	57 / 60
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi	60 / 60	62 / 62
	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/T.b/Thấp/Cực thấp)	37 / 33 / 30 / 24	38 / 34 / 31 / 25
Độ ồn áp suất*	Dàn lạnh	Sưởi (Cao/T.bình/Thấp/Cực thấp)	40 / 37 / 34 / 28	41 / 38 / 35 / 29
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi	47 / 47	50 / 50
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/T.b/Thấp/Cực thấp)	9.5 / 8.0 / 6.5 / 4.5	10.0 / 8.5 / 7.0 / 5.0
		Sưởi (Cao/T.bình/Thấp/Cực thấp)	10.0 / 9.0 / 8.0 / 6.0	10.5 / 9.5 / 8.5 / 6.5
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi	29.5 / 27.0	32.5 / 29.5
Kích thước	Dàn lạnh	(Cao/Rộng/Sâu)	200 x 750 x 500	
	Dàn nóng		595 x 780(+62) x 290	
Trọng lượng tịnh	Dàn lạnh/Dàn nóng	kg	20.5 / 35	
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/Đường hơi	Ømm	6.35(1/4") / 9.52(3/8")	
Độ dài đường ống		m	Tối đa 15	
Độ cao chênh lệch	Dàn nóng cao/thấp hơn	m	Tối đa 10/10	
Dây nhiệt độ hoạt động	Làm lạnh	°C	-15~46	
	Sưởi		-15~24	
Bộ lọc khí			Thiết bị tiêu chuẩn	

Các thông số được đo lường theo tiêu chuẩn (IOS-T1)  
Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB và nhiệt độ ngoài trời của 35°CDB. Sưởi ấm: Nhiệt độ trong phòng 20°CDB và nhiệt độ ngoài trời của 7°CDB, 6°CWB  
Thông số độ ồn được đo trong phòng cách âm, trong quá trình hoạt động thực tế, giá trị có thể cao hơn do tác động của môi trường xung quanh

LOẠI ÂM TRẦN 4 HƯỚNG THỔI

FDTC-VF



Phù hợp với tiêu chuẩn trần 600x600

FDTC25VF, FDTC35VF, FDTC40VF, FDTC50VF, FDTC60VF



Dàn lạnh FDTC-VF có thể được chọn để sử dụng kết hợp với hệ thống dàn nóng SCM Multi (Ngoại trừ FDTC40VF)

Điều khiển có dây (tùy chọn)



RC-EX3A



RC-E5



RCH-E3

Điều khiển không dây (tùy chọn)



RCN-TC-24W-E2

Các chức năng

Chức năng tiết kiệm năng lượng



Chức năng đảo gió



Chức năng tiện nghi



Chức năng khác



Dàn lạnh				FDTC25VF	FDTC35VF	FDTC40VF	FDTC50VF	FDTC60VF
Dàn nóng				SRC25ZMX-S	SRC35ZMX-S	SRC40ZSX-S	SRC50ZSX-S	SRC60ZSX-S
Nguồn điện				1Phase, 220 - 240, 50Hz				
Công suất lạnh (tối thiểu ~ tối đa)			kW	2.55 (0.9 ~ 3.2)	3.6 (0.9 ~ 4.1)	4.0 (1.1 ~ 4.7)	5.0 (1.1 ~ 5.6)	5.6 (1.1 ~ 6.3)
Công suất sưởi (tối thiểu ~ tối đa)			kW	3.45 (0.9 ~ 4.7)	4.25 (0.9 ~ 5.1)	4.5 (0.6 ~ 5.4)	5.4 (0.6 ~ 6.3)	6.7 (0.6 ~ 6.7)
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh/Sưởi	kW		0.6 / 0.84	1.07 / 1.16	1.04 / 1.10	1.56 / 1.45	1.99 / 2.07
EER/COP	Làm lạnh/Sưởi			4.25 / 4.11	3.36 / 3.66	3.85 / 4.09	3.21 / 3.72	2.81 / 3.24
Dòng điện hoạt động tối đa			A	8	8	12	15	15
Độ ồn công suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh/Sưởi	dB(A)	56 / 56	58 / 58	60 / 60	60 / 60	60 / 60
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		56 / 56	58 / 58	63 / 63	63 / 63	65 / 65
Độ ồn áp suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/T.bình/Thấp)	dB(A)	36 / 32 / 29	40 / 36 / 30	42 / 36 / 30	42 / 36 / 30	46 / 39 / 30
		Sưởi (Cao/T.bình/Thấp)		38 / 33 / 29.5	42 / 35 / 32	42 / 36 / 32	42 / 36 / 32	46 / 39 / 32
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		47 / 47	50 / 50	49 / 49	50 / 49	52 / 52
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/T.bình/Thấp)	m³/ phút	9 / 8 / 6.5	9.5 / 9 / 7	11.5 / 9 / 7	11.5 / 9 / 7	13.5 / 10 / 7
		Sưởi (Cao/T.bình/Thấp)		9.5 / 8.5 / 7	10 / 9 / 8	11.5 / 9 / 8	11.5 / 9 / 8	13.5 / 10 / 8
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		29.5 / 27.0	32.5 / 29.5	36 / 33	40 / 33	41.5 / 39.0
Kích thước	Dàn lạnh	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	248 x 570 x 570 (Mặt nạ: 35 x 700 x 700)				
	Dàn nóng			595 x 780(+62) x 290				
Trọng lượng tịnh	Dàn lạnh/Dàn nóng		kg	18.5 (Dàn lạnh: 15 - Mặt nạ: 3.5) / 35		18.5 (Dàn lạnh: 15 - Mặt nạ: 3.5) / 45		
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/Đường hơi		Ømm	6.35(1/4") / 9.52(3/8")			6.35(1/4") / 12.7(1/2")	
Độ dài đường ống			m	Tối đa 15			Tối đa 30	
Độ cao chênh lệch	Dàn nóng cao/thấp hơn		m	Tối đa 10/10			Tối đa 20/20	
Dây nhiệt độ hoạt động	Làm lạnh		°C	-15~46				
	Sưởi			-15~24		-20~24		
Mặt nạ				TC-PSA-25W-E				

Các thông số được đo lường theo tiêu chuẩn (IOS-T1)  
Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB và nhiệt độ ngoài trời của 35°CDB. Sưởi ấm: Nhiệt độ trong phòng 20°CDB và nhiệt độ ngoài trời của 7°CDB, 6°CWB  
Thông số độ ồn được đo trong phòng cách âm, trong quá trình hoạt động thực tế, giá trị có thể cao hơn do tác động của môi trường xung quanh  
Khi chọn chế độ Powerful-Hi  
Độ ồn (làm lạnh/sưởi ấm): 25VF 38/39 dB(A), 35VF 41/43 dB(A), 40/50/60VF 47/47 dB(A)  
Lưu lượng gió (làm lạnh/sưởi ấm): 25VF 10/10.5 m³/min, 35VF 11/11.5 m³/min, 40/50/60VF 13.5 /13.5 m³/min







LOẠI TREO TƯỜNG

SRK-ZSX-W

Diamond Series



SRK20ZSX-W, SRK25ZSX-W, SRK35ZSX-W  
SRK50ZSX-W, SRK60ZSX-W



Các chức năng

Chức năng tiết kiệm năng lượng



Chức năng đảo gió



Chức năng tiện nghi



Dàn lạnh				SRK20ZSX-W	SRK25ZSX-W	SRK35ZSX-W	SRC50ZSX-W	SRK60ZSX-W
Dàn nóng				SRC20ZSX-W	SRC25ZSX-W	SRC35ZSX-W	SRC50ZSX-W1	SRC60ZSX-W1
Nguồn điện				1Phase, 220 - 240, 50Hz				
Công suất lạnh (tối thiểu ~ tối đa)			kW	2.0 (0.9~3.4)	2.5 (0.9~3.8)	3.5 (0.9~4.5)	5.0 (1.0~6.2)	6.1 (1.0~6.9)
Công suất sưởi (tối thiểu ~ tối đa)			kW	2.7 (0.8~5.5)	3.2 (0.8~6.0)	4.3 (0.8~6.8)	6.0 (0.8~8.2)	6.8 (0.8~8.8)
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh/Sưởi	kW	0.31 / 0.47	0.44 / 0.59	0.74 / 0.90	1.24 / 1.36	1.71 / 1.65	
EER/COP	Làm lạnh/Sưởi		6.45 / 5.74	5.68 / 5.42	4.73 / 4.78	4.03 / 4.41	3.57 / 4.12	
Dòng điện hoạt động tối đa			A	9	9	9	15	15
Độ ồn công suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh/Sưởi	dB(A)	53 / 55	55 / 56	58 / 58	59 / 62	62 / 63
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		56 / 58	57 / 58	61 / 62	63 / 61	65 / 64
Độ ồn áp suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	dB(A)	38 / 31 / 24 / 19	39 / 33 / 25 / 19	43 / 35 / 26 / 19	44 / 39 / 31 / 22	48 / 41 / 33 / 22
		Sưởi (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)		38 / 33 / 25 / 19	40 / 34 / 27 / 19	42 / 35 / 28 / 19	47 / 41 / 33 / 23	47 / 42 / 34 / 23
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		43 / 45	44 / 45	48 / 47	51 / 49	52 / 53
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	m³/phút	11.3 / 9.1 / 6.0 / 5.0	12.2 / 10.0 / 6.7 / 5.0	13.1 / 10.8 / 7.3 / 5.0	14.3 / 12.4 / 7.8 / 5.4	16.3 / 13.4 / 8.9 / 5.4
		Sưởi (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)		12.2 / 10.3 / 7.2 / 5.4	12.8 / 11.0 / 7.8 / 5.4	13.9 / 11.8 / 8.6 / 5.4	17.3 / 14.3 / 9.8 / 6.2	17.8 / 13.7 / 10.9 / 6.2
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		31.0 / 31.0	31.0 / 31.0	36.0 / 31.0	39.0 / 33.0	41.5 / 39.0
Kích thước	Dàn lạnh	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	305 x 920 x 220				
	Dàn nóng			640 x 800(+71) x 290				
Trọng lượng tịnh	Dàn lạnh/Dàn nóng		kg	13.0 / 43.0			13.0 / 45.0	
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/Đường hơi		Ømm	6.35(1/4") / 9.52(3/8")			6.35(1/4") / 12.7(1/2")	
Độ dài đường ống			m	Tối đa 25			Tối đa 30	
Độ cao chênh lệch		Dàn nóng cao/thấp hơn	m	Tối đa 15/15			Tối đa 20/20	
Dây nhiệt độ hoạt động		Làm lạnh	°C	-15~46				
		Sưởi		-20~24				
Bộ lọc				1 bộ lọc khử tác nhân gây dị ứng - 1 bộ lọc khử mùi				

Các thông số được đo lường theo tiêu chuẩn (IOS-T1)  
Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 20°CDB và nhiệt độ ngoài trời của 7°CDB, 6°CWB.  
Thông số độ ồn được đo trong phòng cách âm, trong quá trình hoạt động thực tế, giá trị có thể cao hơn do tác động của môi trường xung quanh

LOẠI TREO TƯỜNG

SRK-ZSS-W5

Premium Series



SRK20ZSS-W5, SRK25ZSS-W5, SRK35ZSS-W5, SRK50ZSS-W5



Các chức năng

Chức năng tiết kiệm năng lượng



Chức năng đảo gió



Chức năng tiện nghi




Dàn lạnh			SRK20ZSS-W5	SRK25ZSS-W5	SRK35ZSS-W5	SRK50ZSS-W5
Dàn nóng			SRC20ZSS-W5	SRC25ZSS-W5	SRC35ZSS-W5	SRC50ZSS-W5
Nguồn điện			1Phase, 220 - 240, 50Hz			
Công suất lạnh (tối thiểu ~ tối đa)		kW	2.0 (0.9~2.9)	2.5 (0.9~3.1)	3.5 (0.9~4.0)	5.0 (1.3~5.5)
Công suất sưởi (tối thiểu ~ tối đa)		kW	2.7 (0.9~4.3)	3.2 (0.9~4.5)	4.0 (0.9~5.0)	5.8 (1.3~6.6)
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh/Sưởi	kW	0.44 / 0.59	0.62 / 0.74	0.89 / 0.94	1.35 / 1.56
EER/COP	Làm lạnh/Sưởi		4.55 / 4.58	4.03 / 4.32	3.93 / 4.26	3.70 / 3.72
Dòng điện hoạt động tối đa		A	9	9	9	14.5
Độ ồn công suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh/Sưởi	dB(A)	48 / 50	50 / 53	54 / 56
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		56 / 56	56 / 58	61 / 61
Độ ồn áp suất*	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	dB(A)	34 / 25 / 22 / 19	36 / 28 / 23 / 19	40 / 30 / 26 / 19
		Sưởi (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)		36 / 29 / 23 / 19	39 / 30 / 24 / 19	41 / 36 / 25 / 19
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		45 / 45	46 / 46	50 / 48
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	Làm lạnh (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	m³/phút	9.3 / 7.0 / 5.9 / 5.0	9.9 / 8.0 / 5.9 / 5.0	11.3 / 8.7 / 7.0 / 5.0
		Sưởi (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)		10.0 / 8.5 / 6.5 / 5.9	11.3 / 8.7 / 6.7 / 5.9	12.3 / 11.0 / 7.0 / 5.6
	Dàn nóng	Làm lạnh/Sưởi		27.4 / 23.6	27.4 / 23.6	31.5 / 27.8
Kích thước	Dàn lạnh	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	290 x 870 x 230		
	Dàn nóng			540 x 780(+62) x 290		595 x 780(+62) x 290
Trọng lượng tịnh	Dàn lạnh/Dàn nóng		kg	9.5 / 31.5		9.5 / 34.5
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/Đường hơi		Ømm	6.35(1/4") / 9.52(3/8")		6.35(1/4") / 12.7(1/2")
Độ dài đường ống			m	Tối đa 20		Tối đa 25
Độ cao chênh lệch	Dàn nóng cao/thấp hơn		m	Tối đa 10/10		Tối đa 15/15
Dây nhiệt độ hoạt động	Làm lạnh	°C		-15~46		
	Sưởi			-15~24		
Bộ lọc				1 bộ lọc khử tác nhân gây dị ứng - 1 bộ lọc khử mùi		

Các thông số được đo lường theo tiêu chuẩn (IOS-T1)  
Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB và nhiệt độ ngoài trời của 35°CDB, 19°CWB. Sưởi ấm: Nhiệt độ trong phòng 20°CDB và nhiệt độ ngoài trời của 7°CDB, 6°CWB  
Thông số độ ồn được đo trong phòng cách âm, trong quá trình hoạt động thực tế, giá trị có thể cao hơn do tác động của môi trường xung quanh





# HỆ THỐNG ĐA KẾT NỐI INVERTER

Hệ thống đa kết nối DC Inverter là một sáng tạo của Mitsubishi Heavy Industries Thermal Systems, đáp ứng hoàn hảo cho rất nhiều điều kiện điều hòa không khí. Một dàn ngoài trời duy nhất có thể điều hòa không khí cho 6 phòng khác nhau thông qua các dàn trong nhà nhỏ gọn và thanh lịch. Có 6 kiểu dàn trong nhà khác nhau đáp ứng được mọi yêu cầu điều hòa. Dòng sản phẩm này đặc trưng cho sự linh hoạt, hiệu suất năng lượng cao và độ ồn cực thấp.





Loại treo tường  
**SRK/SKM**







Loại giấu trần  
**SRR**







Loại âm trần 4 hướng thổi  
**FDTC**







Loại đặt sàn  
**SRF**






Loại áp trần  
**FDE**





Loại giấu trần nối ống gió  
**FDUM**



## HỆ ĐIỀU KHIỂN (TỰ CHỌN)

Điều khiển dây



Điều khiển không dây



## ĐÀN NÓNG KẾT NỐI

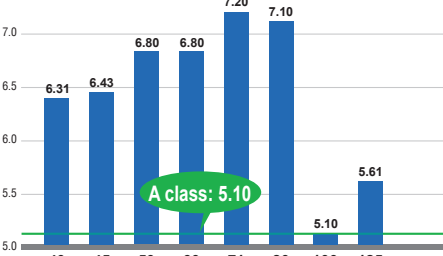
Có 8 cấp công suất dàn ngoài trời mạnh mẽ, hiệu quả và êm ái để kết nối lên đến 6 dàn trong nhà.



## TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Tất cả các model này đều đạt mức hiệu suất năng lượng rất cao nhờ áp dụng công nghệ biến tần, máy có thể biến đổi công suất phù hợp theo yêu cầu làm mát hoặc sưởi ấm. Giúp cho máy đạt được nhiệt độ cài đặt nhanh chóng và giữ nhiệt độ ổn định qua thời gian tiết kiệm khoảng 30% so với máy có công nghệ không biến tần.

SEER trong Làm lạnh



\* Các giá trị trên chỉ dựa vào sự kết hợp dàn lạnh với dòng SRK-ZSX-S.

SCOP trong Sưởi ấm



## THOẢI MÁI

Do sử dụng máy nén rotor kép, dàn ngoài trời có độ ồn thấp. Máy còn có thể hoạt động làm mát hoặc sưởi ấm khi nhiệt độ ngoài trời là -15°C.

## NHỎ GỌN

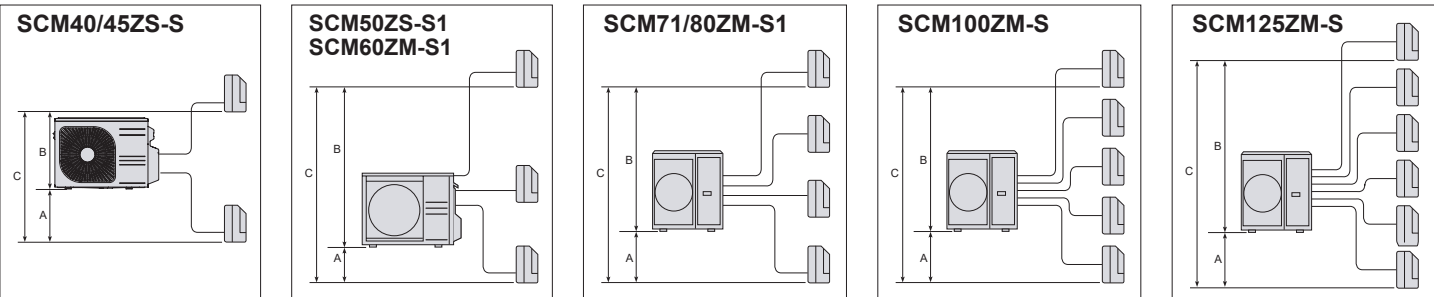
Đủ nhỏ gọn để có thể lắp máy vào những không gian nhỏ hẹp.



## CHIỀU DÀI ĐƯỜNG ỐNG










Chiều dài đường ống gas và độ cao chênh lệch tối đa của dàn nóng theo bảng sau:

	SCM40ZS-S SCM45ZS-S	SCM50ZS-S1 SCM60ZM-S1	SCM71ZM-S1 SCM80ZM-S1	SCM100ZM-S SCM125ZM-S
Chiều dài cho 1 dàn lạnh	dưới 25m	dưới 25m	dưới 25m	dưới 25m
Tổng chiều dài đường ống	dưới 30m	dưới 40m	dưới 70m	dưới 90m
Độ cao chênh lệch	Từ dàn lạnh thấp nhất (A)	dưới 15m	dưới 15m	dưới 20m
	Từ dàn lạnh cao nhất (B)	dưới 15m	dưới 15m	dưới 20m
	Độ cao chênh lệch tối đa giữa các dàn lạnh (C)	dưới 25m	dưới 25m	dưới 25m
Chiều dài đường ống gas đã nạp	30m	40m	40m	50m





ĐƠN VỊ KẾT NỐI

Dàn Lạnh		Dàn Nóng							
		40ZS-S	45ZS-S	50ZS-S1	60ZM-S1	71ZM-S1	80ZM-S1	100ZM-S	125ZM-S
	SRK20ZSX	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRK25ZSX	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRK35ZSX	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRK50ZSX	-	-	●	●	●	●	●	●
	SRK60ZSX	-	-	-	●	●	●	●	●
	SRK71ZR	-	-	-	-	-	-	●	●
	SRK20ZS	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRK25ZS	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRK35ZS	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRK50ZS	-	-	●	●	●	●	●	●
	SKM20ZSPS	●	●	●	-	-	-	-	-
	SKM25ZSPS	●	●	●	-	-	-	-	-
	SKM35ZSPS	●	●	●	-	-	-	-	-
	SRF25ZMX	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRF35ZMX	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRF50ZMX	-	-	●	●	●	●	●	●
	FDT25VF	●	●	●	●	●	●	●	●
	FDT35VF	●	●	●	●	●	●	●	●
	FDT50VF	-	-	●	●	●	●	●	●
	FDT60VF	-	-	-	●	●	●	●	●
	SRR25ZM	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRR35ZM	●	●	●	●	●	●	●	●
	SRR50ZM	-	-	●	●	●	●	●	●
	SRR60ZM	-	-	-	●	●	●	●	●
	FDUM50VF	-	-	●	●	●	●	●	●
	FDE50VG	-	-	●	●	●	●	●	●

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Hạng mục		Model	2 phòng		3 phòng	
			SCM40ZS-S	SCM45ZS-S	SCM50ZS-S1	SCM60ZM-S1
Nguồn điện			1Phase, 220 - 240, 50Hz			
Công suất lạnh (tối thiểu ~ tối đa)		kW	4.0 (1.5~5.9)	4.5 (1.5~6.4)	5.0 (1.8~7.1)	6.0 (1.8~7.5)
Công suất sưởi (tối thiểu ~ tối đa)		kW	4.5 (1.3~6.3)	5.3 (1.3~6.5)	6.0 (1.4~7.5)	6.8 (1.5~7.8)
Công suất điện	Làm lạnh	kW	0.84 (0.59~2.13)	1.04 (0.59~2.30)	1.05 (0.60~2.15)	1.43 (0.50~2.39)
	Sưởi		0.90 (0.54~1.70)	1.15 (0.54~1.92)	1.21 (0.55~2.58)	1.45 (0.60~3.00)
EER	Làm lạnh		4.76	4.33	4.76	4.20
COP	Sưởi		5.00	4.61	4.96	4.69
Dòng điện hoạt động tối đa		A	14	14	14	17
Độ ồn công suất*	Làm lạnh	dB(A)	62	62	61	63
	Sưởi		64	64	63	65
Độ ồn áp suất*	Làm lạnh	dB(A)	48	49	48	50
	Sưởi		50	50	50	52
Lưu lượng gió	Làm lạnh	m³/ phút	32.5	32.5	41.0	42.0
	Sưởi		32.5	32.5	41.0	42.0
Kích thước	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	595 x 780(+90) x 290		640 x 850(+65) x 290	
Trọng lượng tịnh		kg	42	42	49	49.5
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng	Ømm	6.35(1/4") x 2		6.35(1/4") x 3	
	Đường hơi		9.52(3/8") x 2		9.52(3/8") x 3	
Dây nhiệt độ hoạt động ngoài trời	Làm lạnh	°C	-15~43			
	Sưởi		-15~24			
Số dàn lạnh kết nối			2	2	thấp nhất 2 / cao nhất 3	thấp nhất 2 / cao nhất 3
Tổng công suất dàn lạnh			6.0	7.0	8.5	11.0

Các thông số được đo lường theo tiêu chuẩn (IOS-T1)  
Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB và nhiệt độ ngoài trời của 35°CDB. Sưởi ấm: Nhiệt độ trong phòng 20°CDB và nhiệt độ ngoài trời của 7°CDB, 6°CWB  
Thông số độ ồn được đo trong phòng cách âm, trong quá trình hoạt động thực tế, giá trị có thể cao hơn do tác động của môi trường xung quanh  
\* Trong trường hợp SRK71ZR + SRK71ZR, 2 dàn lạnh có thể kết nối được. Trong trường hợp kết hợp với SRK-ZSX, SRK71ZR & FDE50VG, chỉ có thể kết nối 3 dàn lạnh.  
Tổng công suất kết nối của dàn lạnh phải từ 100 ~ 160.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Hạng mục		Model	4 phòng		5/6 phòng		
			SCM71ZM-S1	SCM80ZM-S1	SCM100ZM-S	SCM125ZM-S	
Nguồn điện			1Phase, 220 - 240, 50Hz				
Công suất lạnh (tối thiểu ~ tối đa)			kW	7.1 (1.8~8.8)	8.0 (1.8~9.2)	10.0 (1.8~12.0)	12.5 (1.8~14.0)
Công suất sưởi (tối thiểu ~ tối đa)			kW	8.6 (1.5~9.4)	9.3 (1.5~9.8)	12.0 (1.5~13.5)	13.5 (1.5~14.0)
Công suất điện	Làm lạnh	kW	1.58 (0.48~2.75)	1.95 (0.48~2.83)	2.86 (0.65~4.03)	3.90 (0.65~4.80)	
	Sưởi		2.00 (0.60~3.35)	2.26 (0.60~3.43)	2.93 (0.70~3.40)	3.25 (0.70~3.42)	
EER	Làm lạnh		4.49	4.10	3.50	3.21	
COP	Sưởi		4.30	4.12	4.10	4.15	
Dòng điện hoạt động tối đa			A	20	20	29	29
Độ ồn công suất*	Làm lạnh	dB(A)	63	66	68	69	
	Sưởi		66	66	71	72	
Độ ồn áp suất*	Làm lạnh	dB(A)	50	54	56	57	
	Sưởi		54	54	59	60	
Lưu lượng gió	Làm lạnh	m³/ phút	50.0	56.0	75.0	75.0	
	Sưởi		56.0	56.0	75.0	82.0	
Kích thước	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	750 x 880(+73) x 340		945 x 970(+73) x 370		
Trọng lượng tịnh		kg	62		92		
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng	Ømm	6.35(1/4") x 4		6.35(1/4") x 5	6.35(1/4") x 6	
	Đường hơi		9.52(3/8") x 4		9.52(3/8") x 5	9.52(3/8") x 6	
Dây nhiệt độ hoạt động ngoài trời	Làm lạnh	°C	-15~43				
	Sưởi		-15~24				
Số dàn lạnh kết nối			thấp nhất 2 / cao nhất 4	thấp nhất 2 / cao nhất 4	thấp nhất 4 / cao nhất 5	thấp nhất 4 / cao nhất 6	
Tổng công suất dàn lạnh			12.5	13.5	16.0	19.5	

Các thông số được đo lường theo tiêu chuẩn (IOS-T1)  
Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB và nhiệt độ ngoài trời của 35°CDB. Sưởi ấm: Nhiệt độ trong phòng 20°CDB và nhiệt độ ngoài trời của 7°CDB, 6°CWB  
Thông số độ ồn được đo trong phòng cách âm, trong quá trình hoạt động thực tế, giá trị có thể cao hơn do tác động của môi trường xung quanh  
\* Trong trường hợp SRK71ZR + SRK71ZR, 2 dàn lạnh có thể kết nối được. Trong trường hợp kết hợp với SRK-ZSX, SRK71ZR & FDE50VG, chỉ có thể kết nối 3 dàn lạnh.  
Tổng công suất kết nối của dàn lạnh phải từ 100 ~ 160.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT DÀN LẠNH KẾ HỢP HỆ THỐNG ĐA KẾT NỐI

Diamond Series

SRK-ZSX

Loại treo tường

Model			SRK20ZSX-W	SRK25ZSX-W	SRK35ZSX-W	SRK50ZSX-W	SRK60ZSX-W
Công suất lạnh		kW	2.0	2.5	3.5	5.0	6.0
Công suất sưởi		kW	3.0	3.4	4.5	5.8	6.8
Độ ồn công suất	Làm lạnh	dB(A)	53	55	58	59	62
	Sưởi		55	56	58	62	63
Độ ồn áp suất	Làm lạnh (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	dB(A)	38 / 31 / 24 / 19	39 / 33 / 25 / 19	43 / 35 / 26 / 19	44 / 39 / 31 / 22	46 / 41 / 33 / 22
	Sưởi (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)		38 / 33 / 25 / 19	40 / 34 / 27 / 19	42 / 35 / 28 / 19	46 / 41 / 33 / 23	46 / 42 / 34 / 23
Lưu lượng gió	Làm lạnh (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	m³/phút	11.3 / 9.1 / 6.0 / 5.0	12.2 / 10.0 / 6.7 / 5.0	13.1 / 10.8 / 7.3 / 5.0	14.3 / 12.4 / 7.8 / 5.4	16.3 / 13.4 / 8.9 / 5.4
	Sưởi (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)		12.2 / 10.3 / 7.2 / 5.4	12.8 / 11.0 / 7.8 / 5.4	13.9 / 11.8 / 8.6 / 5.4	17.3 / 14.3 / 9.8 / 6.2	17.8 / 13.7 / 10.9 / 6.2
Kích thước	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	305 x 920 x 220				
Trọng lượng tịnh		kg	13				
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/ Đường hơi	Ømm	6.35 (1/4") / 9.52 (3/8")			6.35(1/4") / 12.7(1/2")	
Bộ lọc			1 bộ lọc khử tác nhân gây dị ứng - 1 bộ lọc khử mùi				

Premium Series

SRK-ZSS

Loại treo tường

Model			SRK20ZSS-W5	SRK25ZSS-W5	SRK35ZSS-W5	SRK50ZSS-W5
Công suất lạnh		kW	2.0	2.5	3.5	5.0
Công suất sưởi		kW	3.0	3.4	4.5	5.8
Độ ồn công suất	Làm lạnh	dB(A)	48	50	54	59
	Sưởi		50	53	56	60
Độ ồn áp suất	Làm lạnh (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	dB(A)	34 / 25 / 22 / 19	36 / 28 / 23 / 19	40 / 30 / 26 / 19	46 / 36 / 29 / 22
	Sưởi (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)		36 / 29 / 23 / 19	39 / 30 / 24 / 19	41 / 36 / 25 / 19	46 / 37 / 31 / 24
Lưu lượng gió	Làm lạnh (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	m³/phút	9.3 / 7.0 / 5.9 / 5.0	9.9 / 8.0 / 5.9 / 5.0	11.3 / 8.7 / 7.0 / 5.0	12.1 / 9.9 / 7.4 / 5.9
	Sưởi (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)		10.0 / 8.5 / 6.5 / 5.9	11.3 / 8.7 / 6.7 / 5.9	12.3 / 11.0 / 7.0 / 5.6	13.9 / 11.2 / 9.1 / 7.4
Kích thước	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	290 x 870 x 230			
Trọng lượng tịnh		kg	9.5			10.0
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/ Đường hơi	Ømm	6.35(1/4") / 9.52(3/8")			6.35(1/4") / 12.7(1/2")
Bộ lọc			1 bộ lọc khử tác nhân gây dị ứng - 1 bộ lọc khử mùi			



| THÔNG SỐ KỸ THUẬT DÀN LẠNH KẾ HỢP HỆ THỐNG ĐA KẾT NỐI

Diamond Series

SRK-ZSX

Loại treo tường

Model			SRK20ZSX-S	SRK25ZSX-S	SRK35ZSX-S	SRK50ZSX-S	SRK60ZSX-S
Công suất lạnh		kW	2.0	2.5	3.5	5.0	6.0
Công suất sưởi		kW	3.0	3.4	4.5	5.8	6.8
Độ ồn công suất	Làm lạnh	dB(A)	53	55	58	59	62
	Sưởi		53	56	58	62	63
Độ ồn áp suất	Làm lạnh (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	dB(A)	38 / 31 / 24 / 19	39 / 33 / 25 / 19	43 / 35 / 26 / 19	44 / 39 / 31 / 22	46 / 41 / 33 / 22
	Sưởi (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)		38 / 32 / 25 / 19	40 / 34 / 27 / 19	41 / 35 / 28 / 19	46 / 41 / 33 / 23	46 / 42 / 34 / 23
Lưu lượng gió	Làm lạnh (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)	m³/phút	11.3 / 9.1 / 6.0 / 5.0	12.2 / 10.0 / 6.7 / 5.0	13.1 / 10.8 / 7.3 / 5.0	14.3 / 12.4 / 7.8 / 5.4	16.3 / 13.4 / 8.9 / 5.4
	Sưởi (Cao/Tb/Thấp/Cực Thấp)		12.2 / 10.3 / 7.2 / 5.4	12.8 / 11.0 / 7.8 / 5.4	13.9 / 11.8 / 8.6 / 5.4	17.3 / 14.3 / 9.8 / 6.2	17.8 / 13.7 / 10.9 / 6.2
Kích thước	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	305 x 920 x 220				
Trọng lượng tịnh		kg	13				
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/ Đường hơi	Ømm	6.35 (1/4") / 9.52 (3/8")			6.35(1/4") / 12.7(1/2")	
Bộ lọc			1 bộ lọc khử tác nhân gây dị ứng - 1 bộ lọc khử mùi				



Diamond Series

SRK-ZR

Loại treo tường

Model			SRK71ZR-S
Công suất lạnh		kW	7.1
Công suất sưởi		kW	8.0
Độ ồn công suất	Làm lạnh	dB(A)	58
	Sưởi		60
Độ ồn áp suất	Làm lạnh <small>(Cao/T.b/Thấp/Cực Thấp)</small>	dB(A)	44 / 41 / 37 / 25
	Sưởi <small>(Cao/T.b/Thấp/Cực Thấp)</small>		46 / 39 / 35 / 28
Lưu lượng gió	Làm lạnh <small>(Cao/T.b/Thấp/Cực Thấp)</small>	m³/phút	20.5 / 18.6 / 16.2 / 10.4
	Sưởi <small>(Cao/T.b/Thấp/Cực Thấp)</small>		25.5 / 19.8 / 17.3 / 13.3
Kích thước	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	339 x 1197 x 262
Trọng lượng tịnh		kg	15.5
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/ Đường hơi	Ømm	6.35 (1/4") / 15.88 (5/8")
Bộ lọc			1 bộ lọc khử tác nhân gây dị ứng - 1 bộ lọc khử mùi



Premium Series

SRK-ZS

Loại treo tường

Model			SRK20ZS-S	SRK25ZS-S	SRK35ZS-S	SRK50ZS-S
Công suất lạnh		kW	2.0	2.5	3.5	5.0
Công suất sưởi		kW	3.0	3.4	4.5	5.8
Độ ồn công suất	Làm lạnh	dB(A)	50	52	56	58
	Sưởi		52	55	58	59
Độ ồn áp suất	Làm lạnh <small>(Cao/T.b/Thấp/Cực Thấp)</small>	dB(A)	34 / 25 / 22 / 19	36 / 28 / 23 / 19	40 / 30 / 26 / 19	45 / 36 / 28 / 22
	Sưởi <small>(Cao/T.b/Thấp/Cực Thấp)</small>		36 / 29 / 23 / 19	39 / 30 / 24 / 19	41 / 36 / 25 / 19	45 / 37 / 31 / 24
Lưu lượng gió	Làm lạnh <small>(Cao/T.b/Thấp/Cực Thấp)</small>	m³/phút	9.3 / 7.0 / 5.9 / 5.0	9.9 / 8.0 / 5.9 / 5.0	11.3 / 8.7 / 7.0 / 5.0	12.1 / 9.9 / 7.4 / 5.9
	Sưởi <small>(Cao/T.b/Thấp/Cực Thấp)</small>		10.0 / 8.5 / 6.5 / 5.9	11.3 / 8.7 / 6.7 / 5.9	12.3 / 11.0 / 7.0 / 5.9	13.9 / 11.2 / 9.1 / 7.4
Kích thước	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	290 x 870 x 230			
Trọng lượng tịnh		kg	9.5			10.0
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/ Đường hơi	Ømm	6.35(1/4") / 9.52(3/8")			6.35(1/4") / 12.7(1/2")
Bộ lọc			1 bộ lọc khử tác nhân gây dị ứng - 1 bộ lọc khử mùi			



Standard Series

SKM-ZSP

Loại treo tường

Model			SKM20ZSP-S	SKM25ZSP-S	SKM35ZSP-S
Công suất lạnh		kW	2.0	2.5	3.5
Công suất sưởi		kW	3.0	3.4	4.5
Độ ồn công suất	Làm lạnh	dB(A)	58	58	59
	Sưởi		56	57	59
Độ ồn áp suất	Làm lạnh <small>(Cao/T.bình/Thấp)</small>	dB(A)	42 / 35 / 24	43 / 35 / 24	44 / 37 / 24
	Sưởi <small>(Cao/T.bình/Thấp)</small>		41 / 35 / 27	41 / 35 / 27	42 / 37 / 29
Lưu lượng gió	Làm lạnh <small>(Cao/T.bình/Thấp)</small>	m³/phút	8.5 / 7.0 / 5.0	8.5 / 7.0 / 5.0	9.0 / 7.5 / 5.0
	Sưởi <small>(Cao/T.bình/Thấp)</small>		8.0 / 7.0 / 5.5	8.0 / 7.0 / 5.5	8.5 / 7.0 / 6.0
Kích thước	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	262 x 769 x 210		
Trọng lượng tịnh		kg	7.6		
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/ Đường hơi	Ømm	6.35 (1/4") / 9.52 (3/8")		
Bộ lọc			-		



## SRF-ZMX

Loại đặt sàn

Model			SRF25ZMX-S	SRF35ZMX-S	SRF50ZMX-S
Công suất lạnh		kW	2.5	3.5	5.0
Công suất sưởi		kW	3.4	4.5	5.8
Độ ồn công suất	Làm lạnh	dB(A)	51	52	58
	Sưởi		51	52	58
Độ ồn áp suất	Làm lạnh (Cao/T.b/Thấp/Cực Thấp)	dB(A)	40 / 32 / 29 / 26	41 / 34 / 32 / 28	46 / 42 / 35 / 32
	Sưởi (Cao/T.b/Thấp/Cực Thấp)		40 / 35 / 33 / 28	41 / 36 / 35 / 31	47 / 41 / 39 / 33
Lưu lượng gió	Làm lạnh (Cao/T.b/Thấp/Cực Thấp)	m³/phút	9.0 / 7.6 / 6.7 / 5.8	9.2 / 7.8 / 7.3 / 6.4	11.5 / 9.6 / 7.4 / 6.6
	Sưởi (Cao/T.b/Thấp/Cực Thấp)		10.5 / 8.2 / 7.7 / 6.6	10.7 / 8.3 / 8.1 / 7.4	12.0 / 10.0 / 9.4 / 7.6
Kích thước	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	600 x 860 x 238		
Trọng lượng tịnh		kg	18	19	
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/ Đường hơi	Ømm	6.35 (1/4") / 9.52 (3/8")		6.35(1/4") / 12.7(1/2")
Bộ lọc			1 bộ lọc khử tác nhân gây dị ứng - 1 bộ lọc khử mùi		



## SRR-ZM

Loại giấu trần

Model			SRR25ZM-S	SRR35ZM-S	SRR50ZM-S	SRR60ZM-S
Công suất lạnh		kW	2.5	3.5	5.0	6.0
Công suất sưởi		kW	3.4	4.5	5.8	6.8
Độ ồn công suất	Làm lạnh	dB(A)	56	57	59	60
	Sưởi		59	60	61	63
Độ ồn áp suất	Làm lạnh <small>(Cao/T.b/Thấp/Cực Thấp)</small>	dB(A)	37 / 33 / 30 / 24	38 / 34 / 31 / 25	41 / 37 / 34 / 29	44 / 38 / 35 / 30
	Sưởi <small>(Cao/T.b/Thấp/Cực Thấp)</small>		40 / 37 / 34 / 28	41 / 38 / 35 / 29	43 / 39 / 37 / 32	45 / 41 / 38 / 33
Lưu lượng gió	Làm lạnh <small>(Cao/T.b/Thấp/Cực Thấp)</small>	m³/phút	9.5 / 8.5 / 6.5 / 4.5	10.0 / 8.5 / 7.0 / 5.0	13.5 / 11.0 / 10.0 / 7.5	14.5 / 11.5 / 10.5 / 8.0
	Sưởi <small>(Cao/T.b/Thấp/Cực Thấp)</small>		10.0 / 9.0 / 8.0 / 6.0	10.5 / 9.5 / 8.5 / 6.5	14.5 / 12.5 / 11.0 / 8.5	15.0 / 13.0 / 11.5 / 9.0
Áp suất tĩnh ngoài		Pa	35 (Áp suất tĩnh ban đầu với bộ lọc khí: 5Pa)		50 (Áp suất tĩnh ban đầu với bộ lọc khí: 5Pa)	
Kích thước	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	200 x 750 x 500		200 x 950 x 500	
Trọng lượng tịnh		kg	20.5		24.0	
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/ Đường hơi	Ømm	6.35(1/4") / 9.52(3/8")		6.35(1/4") / 12.7(1/2")	
Bộ lọc			UT-BAT1EF (tùy chọn)		UT-BAT2EF (tùy chọn)	



## FDTC-VF

Loại âm trần 4 hướng thổi

Model			FDTC25VF	FDTC35VF	FDTC50VF	FDTC60VF
Công suất lạnh		kW	2.5	3.5	5.0	6.0
Công suất sưởi		kW	3.4	4.5	5.8	6.8
Độ ồn công suất	Làm lạnh	dB(A)	56	58	60	60
	Sưởi		56	58	60	60
Độ ồn áp suất	Làm lạnh <small>(Cực cao/Cao/T.bình/Thấp)</small>	dB(A)	38 / 36 / 32 / 29	41 / 40 / 36 / 30	47 / 42 / 36 / 30	47 / 46 / 39 / 30
	Sưởi <small>(Cực cao/Cao/T.bình/Thấp)</small>		39 / 38 / 33 / 29.5	43 / 42 / 35 / 32	47 / 42 / 36 / 32	47 / 46 / 39 / 32
Lưu lượng gió	Làm lạnh <small>(Cực cao/Cao/T.bình/Thấp)</small>	m³/phút	10.0 / 9.0 / 8.0 / 6.5	11.0 / 9.5 / 9.0 / 7.0	13.5 / 11.5 / 9.0 / 7.0	13.5 / 13.5 / 10.0 / 7.0
	Sưởi <small>(Cực cao/Cao/T.bình/Thấp)</small>		10.5 / 9.5 / 8.5 / 7.0	11.5 / 10.0 / 9.0 / 8.0	13.5 / 11.5 / 9.0 / 8.0	13.5 / 13.5 / 10.0 / 8.0
Kích thước	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	248 x 570 x 570 (Mật nạ: 35 x 700 x 700)			
Trọng lượng tịnh		kg	15 (Mật nạ: 3.5 kg)			
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/ Đường hơi	Ømm	6.35(1/4") / 9.52(3/8")			6.35(1/4") / 12.7(1/2")
Mật nạ			TC-PSA-25W-E			

Khi chọn chế độ Powerful-Hi  
Độ ồn (làm lạnh/sưởi ấm): 25VF 38/39 dB(A), 35VF 41/43 dB(A), 50/60VF 47/47 dB(A)  
Lưu lượng gió (làm lạnh/sưởi ấm): 25VF 10/10.5 m³/min, 35VF 11/11.5 m³/min, 50/60VF 13.5 /13.5 m³/min

## FDE-VG

Loại áp trần

Model			FDE50VG	FDUM50VF
Công suất lạnh		kW	5.0	5.0
Công suất sưởi		kW	5.8	5.8
Độ ồn công suất	Làm lạnh	dB(A)	60	60
	Sưởi		60	60
Độ ồn áp suất	Làm lạnh <small>(Cực cao/Cao/T.bình/Thấp)</small>	dB(A)	46 / 38/ 36/ 31	37 / 32 / 29 / 26
	Sưởi <small>(Cực cao/Cao/T.bình/Thấp)</small>		46 / 38/ 36/ 31	37 / 32 / 29 / 26
Lưu lượng gió	Làm lạnh <small>(Cực cao/Cao/T.bình/Thấp)</small>	m³/phút	13.0 / 10.0 / 9.0 / 7.0	13.0 / 10.0 / 9.0 / 8.0
	Sưởi <small>(Cực cao/Cao/T.bình/Thấp)</small>		13.0 / 10.0 / 9.0 / 7.0	13.0 / 10.0 / 9.0 / 8.0
Kích thước	(Cao/Rộng/Sâu)	mm	210 x 1070 x 690	280 x 750 x 635
Trọng lượng tịnh		kg	28	29
Kích cỡ đường ống	Đường lỏng/ Đường hơi	Ømm	6.35(1/4") / 12.7(1/2")	
Bộ lọc			Lưới lọc nhựa x 2 (có thể rửa được )	UM-FL1EF (tùy chọn)

Khi chọn chế độ Powerful-Hi  
FDE50VG: Độ ồn (làm lạnh/sưởi ấm): 46/46 dB(A); Lưu lượng gió 13 m³/min  
FDUM50VF: Độ ồn (làm lạnh/sưởi ấm): 37/37 dB(A); Lưu lượng gió 13 m³/min





CHỌN CÔNG SUẤT DÀN LẠNH KẾT NỐI

| **SCM40ZS-S**      Bảng kết hợp với dàn lạnh SRK-ZSX

DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)				Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)			
			Công suất sưởi mỗi phòng		Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động sưởi ấm	1 phòng	20	3.0	-	1.3	3.0	3.7	520	750	1070	3.7	3.5	3.4
		25	3.4	-	1.3	3.4	4.2	520	920	1210	4.5	4.3	4.1
		35	4.5	-	1.3	4.5	5.0	520	1210	1450	5.9	5.6	5.4
	2 phòng	20 + 20	2.25	2.25	2.0	4.5	6.3	550	900	1700	4.4	4.2	4.0
		20 + 25	2.36	2.94	2.0	5.3	6.3	550	1150	1700	5.4	5.2	5.0
		20 + 35	2.11	3.69	2.0	5.8	6.3	550	1290	1700	6.0	5.8	5.5
		25 + 25	2.90	2.90	2.0	5.8	6.3	550	1290	1700	6.0	5.8	5.5
		25 + 35	2.42	3.38	2.0	5.8	6.3	550	1290	1700	6.0	5.8	5.5

DÀN LẠNH			Công suất lạnh (kW)				Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)			
			Công suất lạnh mỗi phòng		Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
					Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động làm lạnh	1 phòng	20	2.0	-	1.5	2.0	2.8	560	590	880	2.9	2.8	2.7
		25	2.5	-	1.5	2.5	3.4	560	670	1040	3.3	3.2	3.1
		35	3.5	-	1.5	3.5	3.9	560	970	1200	4.8	4.6	4.4
	2 phòng	20 + 20	2.00	2.00	3.0	4.0	5.7	600	840	1750	4.2	4.0	3.8
		20 + 25	2.00	2.50	3.0	4.5	5.9	600	1040	2030	5.0	4.8	4.6
		20 + 35	1.89	3.31	3.0	5.2	5.9	600	1430	2030	6.7	6.4	6.2
		25 + 25	2.50	2.50	3.0	5.0	5.9	600	1280	2030	6.1	5.8	5.6
		25 + 35	2.17	3.03	3.0	5.2	5.9	600	1430	2030	6.7	6.4	6.2

| **SCM40ZS-S**      Bảng kết hợp với dàn lạnh SKM-ZSP

DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)				Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)			
			Công suất sưởi mỗi phòng		Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động sưởi ấm	1 phòng	20	3.0	-	1.3	3.0	3.5	520	950	1070	4.6	4.4	4.2
		25	3.4	-	1.3	3.4	4.0	520	1020	1210	5.0	4.8	4.6
		35	4.5	-	1.3	4.5	4.8	520	1390	1450	6.8	6.5	6.2
	2 phòng	20 + 20	2.25	2.25	2.0	4.5	6.1	550	1020	1700	5.0	4.8	4.6
		20 + 25	2.36	2.94	2.0	5.3	6.1	550	1310	1700	6.2	5.9	5.7
		20 + 35	2.11	3.69	2.0	5.8	6.1	550	1400	1700	6.5	6.3	6.0
		25 + 25	2.90	2.90	2.0	5.8	6.1	550	1400	1700	6.5	6.3	6.0
		25 + 35	2.42	3.38	2.0	5.8	6.1	550	1400	1700	6.5	6.3	6.0

DÀN LẠNH			Công suất lạnh (kW)				Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)			
			Công suất lạnh mỗi phòng		Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
					Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động làm lạnh	1 phòng	20	2.0	-	1.5	2.0	2.7	560	650	880	3.2	3.1	3.0
		25	2.5	-	1.5	2.5	3.2	560	830	1040	4.1	4.0	3.8
		35	3.5	-	1.5	3.5	3.7	560	1100	1200	5.5	5.2	5.0
	2 phòng	20 + 20	2.00	2.00	3.0	4.0	5.6	600	1050	1750	5.2	5.0	4.8
		20 + 25	2.00	2.50	3.0	4.5	5.8	600	1300	2030	6.3	6.0	5.8
		20 + 35	1.89	3.31	3.0	5.2	5.8	600	1600	2030	7.5	7.2	6.9
		25 + 25	2.50	2.50	3.0	5.0	5.8	600	1420	2030	6.7	6.4	6.2
		25 + 35	2.17	3.03	3.0	5.2	5.8	600	1600	2030	7.5	7.2	6.9

| **SCM40ZS-S**      Bảng kết hợp với các dàn lạnh khác nhau

DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)				Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)			
			Công suất sưởi mỗi phòng		Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
					Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động sưởi ấm	1 phòng	20	3.0	-	1.3	3.0	3.5	520	900	1070	4.4	4.2	4.0
		25	3.4	-	1.3	3.4	4.0	520	1070	1210	5.2	5.0	4.8
		35	4.5	-	1.3	4.5	4.8	520	1340	1450	6.5	6.3	6.0
	2 phòng	20 + 20	2.25	2.25	2.0	4.5	6.1	550	930	1700	4.5	4.3	4.2
		20 + 25	2.36	2.94	2.0	5.3	6.1	550	1240	1700	5.9	5.6	5.4
		20 + 35	2.11	3.69	2.0	5.8	6.1	550	1330	1700	6.2	5.9	5.7
		25 + 25	2.90	2.90	2.0	5.8	6.1	550	1330	1700	6.2	5.9	5.7
		25 + 35	2.42	3.38	2.0	5.8	6.1	550	1330	1700	6.2	5.9	5.7

DÀN LẠNH			Công suất lạnh (kW)				Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)			
			Công suất lạnh mỗi phòng		Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
					Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động làm lạnh	1 phòng	20	2.0	-	1.5	2.0	2.7	560	620	880	3.1	3.0	2.8
		25	2.5	-	1.5	2.5	3.2	560	710	1040	3.5	3.4	3.2
		35	3.5	-	1.5	3.5	3.7	560	1030	1200	5.1	4.9	4.7
	2 phòng	20 + 20	2.00	2.00	3.0	4.0	5.6	600	880	1750	4.4	4.2	4.0
		20 + 25	2.00	2.50	3.0	4.5	5.8	600	1090	2030	5.3	5.0	4.8
		20 + 35	1.89	3.31	3.0	5.2	5.8	600	1500	2030	7.0	6.7	6.5
		25 + 25	2.50	2.50	3.0	5.0	5.8	600	1340	2030	6.4	6.1	5.8
		25 + 35	2.17	3.03	3.0	5.2	5.8	600	1500	2030	7.0	6.7	6.5

| **SCM45ZS-S**      Bảng kết hợp với dàn lạnh SRK-ZSX

DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)				Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)			
			Công suất sưởi mỗi phòng		Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động sưởi ấm	1 phòng	20	3.0	-	1.3	3.0	3.7	520	750	1070	3.7	3.5	3.4
		25	3.4	-	1.3	3.4	4.2	520	920	1210	4.5	4.3	4.1
		35	4.5	-	1.3	4.5	5.0	520	1210	1450	5.9	5.6	5.4
	2 phòng	20 + 20	2.25	2.25	2.0	4.5	6.5	550	900	1900	4.4	4.2	4.0
		20 + 25	2.36	2.94	2.0	5.3	6.5	550	1150	1900	5.4	5.2	5.0
		20 + 35	2.18	3.82	2.0	6.0	6.5	550	1500	1900	6.9	6.6	6.3
		25 + 25	3.00	3.00	2.0	6.0	6.5	550	1500	1900	6.9	6.6	6.3
		25 + 35	2.50	3.50	2.0	6.0	6.5	550	1500	1900	6.9	6.6	6.3
		35 + 35	3.00	3.00	2.0	6.0	6.5	550	1500	1900	6.9	6.6	6.3

DÀN LẠNH			Công suất lạnh (kW)				Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)			
			Công suất lạnh mỗi phòng		Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động làm lạnh	1 phòng	2.0	-	1.5	2.0	2.8	560	590	880	2.9	2.8	2.7	3.4
		2.5	-	1.5	2.5	3.4	560	670	1040	3.3	3.2	3.1	4.1
		3.5	-	1.5	3.5	3.9	560	970	1200	4.8	4.6	4.4	5.4
	2 phòng	2.00	2.00	3.0	4.0	5.7	600	840	1750	4.2	4.0	3.8	4.0
		2.00	2.50	3.0	4.5	5.9	600	1040	2030	5.0	4.8	4.6	5.0
		2.00	3.50	3.0	5.5	6.3	600	1490	2160	7.0	6.7	6.4	6.3
		2.50	2.50	3.0	5.0	6.2	600	1280	2110	6.1	5.8	5.6	6.3
		2.42	3.38	3.0	5.8	6.4	600	1740	2200	8.0	7.6	7.3	6.3
		2.90	2.90	3.0	5.8	6.4	600	1740	2200	8.0	7.6	7.3	6.3



| **SCM50ZS-S1**    Bảng kết hợp với dàn lạnh SRK-ZSX

DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)						Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
			Công suất sưởi mỗi phòng			Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	C	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động sưởi ấm	1 phòng	20	3.0	-	-	1.4	3.0	3.7	480	820	1100	4.1	3.9	3.7
		25	3.4	-	-	1.4	3.4	4.2	480	980	1240	4.9	4.7	4.5
		35	4.5	-	-	1.4	4.5	5.0	480	1280	1490	6.3	6.0	5.8
		50	5.8	-	-	1.4	5.8	6.2	480	1740	2260	8.0	7.6	7.3
	2 phòng	20 + 20	2.95	2.95	-	2.0	5.9	7.3	540	1480	2580	7.1	6.8	6.5
		20 + 25	2.67	3.33	-	2.0	6.0	7.3	540	1530	2580	7.3	6.9	6.7
		20 + 35	2.29	4.01	-	2.0	6.3	7.3	540	1620	2580	7.6	7.2	6.9
		20 + 50	1.89	4.71	-	2.0	6.6	7.3	540	1710	2580	7.9	7.5	7.2
		25 + 25	3.05	3.05	-	2.0	6.1	7.3	540	1560	2580	7.4	7.0	6.8
		25 + 35	2.67	3.73	-	2.0	6.4	7.3	540	1650	2580	7.7	7.3	7.0
		25 + 50	2.20	4.40	-	2.0	6.6	7.3	540	1710	2580	7.9	7.5	7.2
		35 + 35	3.30	3.30	-	2.0	6.6	7.3	540	1710	2580	7.9	7.5	7.2
	3 phòng	35 + 50	2.72	3.88	-	2.0	6.6	7.3	540	1710	2580	7.9	7.5	7.2
		20 + 20 + 20	2.00	2.00	2.00	3.0	6.0	7.5	600	1240	2580	6.2	5.9	5.7
		20 + 20 + 25	1.91	1.91	2.38	3.0	6.2	7.5	600	1400	2580	6.8	6.5	6.2
		20 + 20 + 35	1.76	1.76	3.08	3.0	6.6	7.5	600	1560	2580	7.4	7.0	6.8
		20 + 25 + 25	1.83	2.29	2.29	3.0	6.4	7.5	600	1470	2580	7.0	6.7	6.5
		20 + 25 + 35	1.70	2.13	2.98	3.0	6.8	7.5	600	1620	2580	7.6	7.2	6.9
		25 + 25 + 25	2.20	2.20	2.20	3.0	6.6	7.5	600	1560	2580	7.4	7.0	6.8
		25 + 25 + 35	2.06	2.06	2.88	3.0	7.0	7.5	600	1690	2580	7.8	7.5	7.2

DÀN LẠNH		Công suất lạnh (kW)						Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
		Công suất lạnh mỗi phòng			Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
		A	B	C	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
1 phòng	20	2.0	-	-	1.8	2.0	2.8	500	550	900	2.7	2.6	2.5
	25	2.5	-	-	1.8	2.5	3.4	500	720	1070	3.6	3.4	3.3
	35	3.5	-	-	1.8	3.5	3.9	500	1080	1230	5.4	5.1	4.9
	50	5.0	-	-	1.8	5.0	5.5	500	1700	2000	8.0	7.6	7.3
2 phòng	20 + 20	2.00	2.00	-	3.0	4.0	5.7	570	910	1800	4.5	4.3	4.2
	20 + 25	1.91	2.39	-	3.0	4.3	5.9	570	1070	1980	5.3	5.1	4.9
	20 + 35	1.82	3.18	-	3.0	5.0	6.2	570	1430	2070	6.9	6.6	6.3
	20 + 50	1.71	4.29	-	3.0	6.0	6.5	570	1960	2150	9.0	8.6	8.2
	25 + 25	2.35	2.35	-	3.0	4.7	6.2	570	1270	2070	6.2	5.9	5.7
	25 + 35	2.21	3.09	-	3.0	5.3	6.5	570	1600	2150	7.6	7.2	6.9
	25 + 50	2.00	4.00	-	3.0	6.0	6.5	570	1960	2150	9.0	8.6	8.2
	35 + 35	3.00	3.00	-	3.0	6.0	6.5	570	1960	2150	9.0	8.6	8.2
3 phòng	35 + 50	2.47	3.53	-	3.0	6.0	6.5	570	1960	2150	9.0	8.6	8.2
	20 + 20 + 20	1.67	1.67	1.67	3.4	5.0	7.1	690	1050	2150	5.2	5.0	4.8
	20 + 20 + 25	1.60	1.60	2.00	3.4	5.2	7.1	690	1160	2150	5.7	5.5	5.2
	20 + 20 + 35	1.49	1.49	2.61	3.4	5.6	7.1	690	1330	2150	6.5	6.2	5.9
	20 + 25 + 25	1.54	1.93	1.93	3.4	5.4	7.1	690	1260	2150	6.2	5.9	5.6
	20 + 25 + 35	1.45	1.81	2.54	3.4	5.8	7.1	690	1430	2150	6.9	6.6	6.3
	25 + 25 + 25	1.87	1.87	1.87	3.4	5.6	7.1	690	1330	2150	6.5	6.2	5.9
	25 + 25 + 35	1.76	1.76	2.47	3.4	6.0	7.1	690	1490	2150	7.1	6.8	6.5

| **SCM50ZS-S1**    Bảng kết hợp với dàn lạnh SKM-ZSP

DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)						Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
			Công suất sưởi mỗi phòng			Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	C	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động sưởi ấm	1 phòng	20	3.0	-	-	1.4	3.0	3.5	480	1040	1100	5.2	4.9	4.7
		25	3.4	-	-	1.4	3.4	4.0	480	1200	1240	6.0	5.7	5.5
		35	4.5	-	-	1.4	4.5	4.8	480	1490	1490	7.4	7.0	6.7
	2 phòng	20 + 20	2.95	2.95	-	2.0	5.9	7.0	540	1530	2580	7.3	7.0	6.7
		20 + 25	2.67	3.33	-	2.0	6.0	7.0	540	1580	2580	7.5	7.2	6.9
		20 + 35	2.29	4.01	-	2.0	6.3	7.0	540	1670	2580	7.8	7.5	7.2
		25 + 25	3.05	3.05	-	2.0	6.1	7.0	540	1610	2580	7.6	7.3	7.0
		25 + 35	2.67	3.73	-	2.0	6.4	7.0	540	1700	2580	7.9	7.6	7.3
		35 + 35	3.30	3.30	-	2.0	6.6	7.0	540	1760	2580	8.1	7.8	7.4
	3 phòng	20 + 20 + 20	2.00	2.00	2.00	3.0	6.0	7.3	600	1360	2580	6.8	6.5	6.2
		20 + 20 + 25	1.91	1.91	2.38	3.0	6.2	7.3	600	1450	2580	7.0	6.7	6.4
		20 + 20 + 35	1.76	1.76	3.08	3.0	6.6	7.3	600	1620	2580	7.6	7.3	7.0
		20 + 25 + 25	1.83	2.29	2.29	3.0	6.4	7.3	600	1530	2580	7.3	7.0	6.7
		20 + 25 + 35	1.70	2.13	2.98	3.0	6.8	7.3	600	1680	2580	7.9	7.5	7.2
		25 + 25 + 25	2.20	2.20	2.20	3.0	6.6	7.3	600	1620	2580	7.6	7.3	7.0
		25 + 25 + 35	2.06	2.06	2.88	3.0	7.0	7.3	600	1750	2580	8.1	7.7	7.4

DÀN LẠNH			Công suất lạnh (kW)						Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
			Công suất lạnh mỗi phòng			Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	C	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động làm lạnh	1 phòng	20	2.0	-	-	1.8	2.0	2.7	500	610	900	3.0	2.9	2.8
		25	2.5	-	-	1.8	2.5	3.2	500	800	1070	4.0	3.8	3.7
		35	3.5	-	-	1.8	3.5	3.7	500	1170	1230	5.8	5.6	5.3
	2 phòng	20 + 20	2.00	2.00	-	3.0	4.0	5.6	570	1000	1800	5.0	4.8	4.6
		20 + 25	1.91	2.39	-	3.0	4.3	5.8	570	1150	1980	5.7	5.5	5.2
		20 + 35	1.82	3.18	-	3.0	5.0	6.1	570	1530	2070	7.4	7.0	6.7
		25 + 25	2.35	2.35	-	3.0	4.7	6.1	570	1520	2070	7.4	7.1	6.8
		25 + 35	2.21	3.09	-	3.0	5.3	6.3	570	1720	2150	8.1	7.8	7.5
		35 + 35	3.00	3.00	-	3.0	6.0	6.3	570	2050	2150	9.4	9.0	8.6
	3 phòng	20 + 20 + 20	1.67	1.67	1.67	3.4	5.0	6.9	690	1160	2150	5.8	5.5	5.3
		20 + 20 + 25	1.60	1.60	2.00	3.4	5.2	6.9	690	1250	2150	6.2	5.9	5.6
		20 + 20 + 35	1.49	1.49	2.61	3.4	5.6	6.9	690	1400	2150	6.8	6.5	6.2
		20 + 25 + 25	1.54	1.93	1.93	3.4	5.4	6.9	690	1350	2150	6.6	6.3	6.0
		20 + 25 + 35	1.45	1.81	2.54	3.4	5.8	6.9	690	1500	2150	7.2	6.9	6.6
		25 + 25 + 25	1.87	1.87	1.87	3.4	5.6	6.9	690	1400	2150	6.8	6.5	6.2
		25 + 25 + 35	1.76	1.76	2.47	3.4	6.0	6.9	690	1600	2150	7.7	7.3	7.0

| **SCM50ZS-S1**    Bảng kết hợp với các dàn lạnh khác nhau

DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)						Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
			Công suất sưởi mỗi phòng			Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	C	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động sưởi ấm	1 phòng	20	3.0	-	-	1.4	3.0	3.5	480	1020	1100	5.1	4.9	4.6
		25	3.4	-	-	1.4	3.4	4.0	480	1180	1240	5.9	5.6	5.4
		35	4.5	-	-	1.4	4.5	4.8	480	1470	1490	7.3	6.9	6.7
		50	5.8	-	-	1.4	5.8	6.0	480	1910	2260	8.8	8.4	8.0
	2 phòng	20 + 20	2.95	2.95	-	2.0	5.9	7.0	540	1510	2580	7.2	6.9	6.6
		20 + 25	2.67	3.33	-	2.0	6.0	7.0	540	1560	2580	7.4	7.1	6.8
		20 + 35	2.29	4.01	-	2.0	6.3	7.0	540	1650	2580	7.7	7.4	7.1
		20 + 50	1.89	4.71	-	2.0	6.6	7.0	540	1740	2580	8.0	7.7	7.4
		25 + 25	3.05	3.05	-	2.0	6.1	7.0	540	1590	2580	7.5	7.2	6.9
		25 + 35	2.67	3.73	-	2.0	6.4	7.0	540	1680	2580	7.8	7.5	7.2
		25 + 50	2.20	4.40	-	2.0	6.6	7.0	540	1740	2580	8.0	7.7	7.4
		35 + 35	3.30	3.30	-	2.0	6.6	7.0	540	1740	2580	8.0	7.7	7.4
	3 phòng	35 + 50	2.72	3.88	-	2.0	6.6	7.0	540	1740	2580	8.0	7.7	7.4
		20 + 20 + 20	2.00	2.00	2.00	3.0	6.0	7.3	600	1340	2580	6.7	6.4	6.1
		20 + 20 + 25	1.91	1.91	2.38	3.0	6.2	7.3	600	1430	2580	6.9	6.6	6.4
		20 + 20 + 35	1.76	1.76	3.08	3.0	6.6	7.3	600	1600	2580	7.6	7.2	6.9
		20 + 25 + 25	1.83	2.29	2.29	3.0	6.4	7.3	600	1510	2580	7.2	6.9	6.6
		20 + 25 + 35	1.70	2.13	2.98	3.0	6.8	7.3	600	1660	2580	7.8	7.4	7.1
		25 + 25 + 25	2.20	2.20	2.20	3.0	6.6	7.3	600	1600	2580	7.6	7.2	6.9
25 + 25 + 35		2.06	2.06	2.88	3.0	7.0	7.3	600	1730	2580	8.0	7.7	7.3	



| **SCM60ZM-S1** Bảng kết hợp với dàn lạnh SRK-ZSX

DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)						Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
			Công suất sưởi mỗi phòng			Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	C	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động sưởi ấm	1 phòng	20	3.0	-	-	1.5	3.0	3.7	600	780	1330	3.6	3.4	3.3
		25	3.4	-	-	1.5	3.4	4.2	600	950	1510	4.4	4.2	4.0
		35	4.5	-	-	1.5	4.5	5.0	600	1290	1790	5.9	5.7	5.4
		50	5.8	-	-	1.5	5.8	6.4	600	1780	2310	8.2	7.8	7.5
		60	6.8	-	-	1.5	6.8	7.3	600	2120	2660	9.7	9.3	8.9
	2 phòng	20+20	3.00	3.00	-	2.1	6.0	7.3	630	1490	2100	6.8	6.5	6.3
		20+25	2.71	3.39	-	2.1	6.1	7.5	630	1570	2550	7.2	6.9	6.6
		20+35	2.36	4.14	-	2.1	6.5	7.6	630	1680	3000	7.7	7.4	7.1
		20+50	2.00	5.00	-	2.1	7.0	7.6	630	1900	3000	8.7	8.3	8.0
		20+60	1.78	5.33	-	2.1	7.1	7.6	630	1940	3000	8.9	8.5	8.2
		25+25	3.15	3.15	-	2.1	6.3	7.6	630	1630	3000	7.5	7.2	6.9
		25+35	2.79	3.91	-	2.1	6.7	7.6	630	1760	3000	8.1	7.7	7.4
		25+50	2.37	4.73	-	2.1	7.1	7.6	630	1940	3000	8.9	8.5	8.2
		25+60	2.09	5.01	-	2.1	7.1	7.6	630	1940	3000	8.9	8.5	8.2
		35+35	3.50	3.50	-	2.1	7.0	7.6	630	1900	3000	8.7	8.3	8.0
		35+50	2.92	4.18	-	2.1	7.1	7.6	630	1940	3000	8.9	8.5	8.2
		35+60	2.62	4.48	-	2.1	7.1	7.6	630	1940	3000	8.9	8.5	8.2
		50+50	3.55	3.55	-	2.1	7.1	7.6	630	1940	3000	8.9	8.5	8.2
		50+60	3.23	3.87	-	2.1	7.1	7.6	630	1940	3000	8.9	8.5	8.2
		20+20+20	2.20	2.20	2.20	3.2	6.6	7.8	660	1350	3000	6.4	6.1	5.9
	3 phòng	20+20+25	2.06	2.06	2.58	3.2	6.7	7.8	660	1390	3000	6.6	6.3	6.0
		20+20+35	1.81	1.81	3.17	3.2	6.8	7.8	660	1510	3000	7.1	6.8	6.6
		20+20+50	1.56	1.56	3.89	3.2	7.0	7.8	660	1690	3000	8.0	7.7	7.3
		20+20+60	1.44	1.44	4.32	3.2	7.2	7.8	660	1860	3000	8.8	8.4	8.1
		20+25+25	1.94	2.43	2.43	3.2	6.8	7.8	660	1510	3000	7.1	6.8	6.6
		20+25+35	1.73	2.16	3.02	3.2	6.9	7.8	660	1560	3000	7.4	7.1	6.8
		20+25+50	1.49	1.87	3.74	3.2	7.1	7.8	660	1740	3000	8.2	7.9	7.6
		20+25+60	1.37	1.71	4.11	3.2	7.2	7.8	660	1860	3000	8.8	8.4	8.1
		20+35+35	1.56	2.72	2.72	3.2	7.0	7.8	660	1690	3000	8.0	7.7	7.3
		20+35+50	1.37	2.40	3.43	3.2	7.2	7.8	660	1860	3000	8.8	8.4	8.1
		25+25+25	2.27	2.27	2.27	3.2	6.8	7.8	660	1510	3000	7.1	6.8	6.6
		25+25+35	2.06	2.06	2.88	3.2	7.0	7.8	660	1690	3000	8.0	7.7	7.3
		25+25+50	1.80	1.80	3.60	3.2	7.2	7.8	660	1860	3000	8.8	8.4	8.1
		25+25+60	1.64	1.64	3.93	3.2	7.2	7.8	660	1860	3000	8.8	8.4	8.1
		25+35+35	1.87	2.62	2.62	3.2	7.1	7.8	660	1740	3000	8.2	7.9	7.6
		25+35+50	1.64	2.29	3.27	3.2	7.2	7.8	660	1860	3000	8.8	8.4	8.1
		35+35+35	2.40	2.40	2.40	3.2	7.2	7.8	660	1860	3000	8.8	8.4	8.1

DÀN LẠNH			Công suất lạnh (kW)						Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
			Công suất lạnh mỗi phòng			Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	C	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động làm lạnh	1 phòng	20	2.0	-	-	1.8	2.0	2.8	500	540	950	2.5	2.4	2.3
		25	2.5	-	-	1.8	2.5	3.4	500	720	1080	3.3	3.2	3.0
		35	3.5	-	-	1.8	3.5	3.9	500	1090	1240	5.0	4.8	4.6
		50	5.0	-	-	1.8	5.0	5.8	500	1780	2100	8.2	7.8	7.5
		60	6.0	-	-	1.8	6.0	6.3	500	2260	2370	10.4	9.9	9.5
	2 phòng	20+20	2.00	2.00	-	3.0	4.0	5.7	570	750	1750	3.4	3.3	3.2
		20+25	2.00	2.50	-	3.0	4.5	5.9	570	990	1910	4.5	4.3	4.2
		20+35	1.93	3.37	-	3.0	5.3	6.2	570	1550	2110	7.1	6.8	6.5
		20+50	1.89	4.71	-	3.0	6.6	6.9	570	2280	2390	10.5	10.0	9.6
		20+60	1.68	5.03	-	3.0	6.7	6.9	570	2320	2390	10.7	10.2	9.8
		25+25	2.45	2.45	-	3.0	4.9	6.2	570	1270	2110	5.8	5.6	5.3
		25+35	2.42	3.38	-	3.0	5.8	6.5	570	1840	2270	8.4	8.1	7.7
		25+50	2.23	4.47	-	3.0	6.7	6.9	570	2320	2390	10.7	10.2	9.8
		25+60	1.97	4.73	-	3.0	6.7	6.9	570	2320	2390	10.7	10.2	9.8
		35+35	3.30	3.30	-	3.0	6.6	6.9	570	2280	2390	10.5	10.0	9.6
		35+50	2.76	3.94	-	3.0	6.7	6.9	570	2320	2390	10.7	10.2	9.8
	3 phòng	35+60	2.47	4.23	-	3.0	6.7	6.9	570	2320	2390	10.7	10.2	9.8
		50+50	3.35	3.35	-	3.0	6.7	6.9	570	2320	2390	10.7	10.2	9.8
		50+60	3.05	3.65	-	3.0	6.7	6.9	570	2320	2390	10.7	10.2	9.8
		20+20+20	1.90	1.90	1.90	3.6	5.7	7.5	690	1390	2390	6.6	6.3	6.0
		20+20+25	1.82	1.82	2.27	3.6	5.9	7.5	690	1410	2390	6.7	6.4	6.1
		20+20+35	1.60	1.60	2.80	3.6	6.0	7.5	690	1430	2390	6.8	6.5	6.2
		20+20+50	1.40	1.40	3.50	3.6	6.3	7.5	690	1480	2390	7.0	6.7	6.4
		20+20+60	1.28	1.28	3.84	3.6	6.4	7.5	690	1500	2390	7.1	6.8	6.5
		20+25+25	1.69	2.11	2.11	3.6	5.9	7.5	690	1410	2390	6.7	6.4	6.1
		20+25+35	1.53	1.91	2.67	3.6	6.1	7.5	690	1460	2390	6.9	6.6	6.3
		20+25+50	1.35	1.68	3.37	3.6	6.4	7.5	690	1500	2390	7.1	6.8	6.5
		20+25+60	1.26	1.57	3.77	3.6	6.6	7.5	690	1520	2390	7.2	6.9	6.6
		20+35+35	1.40	2.45	2.45	3.6	6.3	7.5	690	1480	2390	7.0	6.7	6.4
		20+35+50	1.26	2.20	3.14	3.6	6.6	7.5	690	1520	2390	7.2	6.9	6.6
		25+25+25	2.00	2.00	2.00	3.6	6.0	7.5	690	1430	2390	6.8	6.5	6.2
		25+25+35	1.79	1.79	2.51	3.6	6.1	7.5	690	1460	2390	6.9	6.6	6.3
		25+25+50	1.60	1.60	3.20	3.6	6.4	7.5	690	1500	2390	7.1	6.8	6.5
		25+25+60	1.52	1.52	3.65	3.6	6.7	7.5	690	1540	2390	7.3	7.0	6.7
		25+35+35	1.68	2.36	2.36	3.6	6.4	7.5	690	1500	2390	7.1	6.8	6.5
		25+35+50	1.52	2.13	3.05	3.6	6.7	7.5	690	1540	2390	7.3	7.0	6.7
		35+35+35	2.20	2.20	2.20	3.6	6.6	7.5	690	1520	2390	7.2	6.9	6.6

| **SCM60ZM-S1** Bảng kết hợp với các dàn lạnh khác nhau

DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)						Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
			Công suất sưởi mỗi phòng			Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	C	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động sưởi ấm	1 phòng	20	3.0	-	-	1.5	3.0	3.5	600	970	1330	4.5	4.3	4.1
		25	3.4	-	-	1.5	3.4	4.0	600	1140	1510	5.2	5.0	4.8
		35	4.5	-	-	1.5	4.5	4.8	600	1480	1790	6.8	6.5	6.2
		50	5.8	-	-	1.5	5.8	6.1	600	1960	2310	9.0	8.6	8.2
		60	6.8	-	-	1.5	6.8	7.0	600	2250	2660	10.3	9.9	9.5
	2 phòng	20+20	3.00	3.00	-	2.1	6.0	7.0	630	1520	2100	7.0	6.7	6.4
		20+25	2.71	3.39	-	2.1	6.1	7.2	630	1600	2550	7.3	7.0	6.7
		20+35	2.36	4.14	-	2.1	6.5	7.3	630	1710	3000	7.9	7.5	7.2
		20+50	2.00	5.00	-	2.1	7.0	7.3	630	1940	3000	8.9	8.5	8.2
		20+60	1.78	5.33	-	2.1	7.1	7.3	630	1980	3000	9.1	8.7	8.3
		25+25	3.15	3.15	-	2.1	6.3	7.3	630	1660	3000	7.6	7.3	7.0
		25+35	2.79	3.91	-	2.1	6.7	7.3	630	1790	3000	8.2	7.9	7.5
		25+50	2.37	4.73	-	2.1	7.1	7.3	630	1980	3000	9.1	8.7	8.3
		25+60	2.09	5.01	-	2.1	7.1	7.3	630	1980	3000	9.1	8.7	8.3
		35+35	3.50	3.50	-	2.1	7.0	7.3	630	1940	3000	8.9	8.5	8.2
		35+50	2.92	4.18	-	2.1	7.1	7.3	630	1980	3000	9.1	8.7	8.3
		35+60	2.62	4.48	-	2.1	7.1	7.3	630	1980	3000	9.1	8.7	8.3
		50+50	3.55	3.55	-	2.1	7.1	7.3	630	1980	3000	9.1	8.7	8.3
		50+60	3.23	3.87	-	2.1	7.1	7.3	630	1980	3000	9.1	8.7	8.3
		20+20+20	2.20	2.20	2.20	3.2	6.6	7.6	660	1380	3000	6.5	6.3	6.0
		20+20+25	2.06	2.06	2.58	3.2	6.7	7.6	660	1420	3000	6.7	6.4	6.2
		20+20+35	1.81	1.81	3.17	3.2	6.8	7.6	660	1540	3000	7.3	7.0	6.7
		20+20+50	1.56	1.56	3.89	3.2	7.0	7.6	660	1730	3000	8.2	7.8	7.5
	20+20+60	1.44	1.44	4.32	3.2	7.2	7.6	660	1900	3000	9.0	8.6	8.2	
	20+25+25	1.94	2.43	2.43	3.2	6.8	7.6	660	1540	3000	7.3	7.0	6.7	
	20+25+35	1.73	2.16	3.02	3.2	6.9	7.6	660	1590	3000	7.5	7.2	6.9	
	20+25+50	1.49	1.87	3.74	3.2	7.1	7.6	660	1780	3000	8.4	8.1	7.7	
	20+25+60	1.37	1.71	4.11	3.2	7.2	7.6	660	1900	3000	9.0	8.6	8.2	
20+35+35	1.56	2.72	2.72	3.2	7.0	7.6	660	1730	3000	8.2	7.8	7.5		
20+35+50	1.37	2.40	3.43	3.2	7.2	7.6	660	1900	3000	9.0	8.6	8.2		
25+25+25	2.27	2.27	2.27	3.2	6.8	7.6	660	1540	3000	7.3	7.0	6.7		
25+25+35	2.06	2.06	2.88	3.2	7.0	7.6	660	1730	3000	8.2	7.8	7.5		
25+25+50	1.80	1.80	3.60	3.2	7.2	7.6	660	1900	3000	9.0	8.6	8.2		
25+25+60	1.64	1.64	3.93	3.2	7.2	7.6	660	1900	3000	9.0	8.6	8.2		
25+35+35	1.87	2.62	2.62	3.2	7.1	7.6	660	1780	3000	8.4	8.1	7.7		
25+35+50	1.64	2.29	3.27	3.2	7.2	7.6	660	1900	3000	9.0	8.6	8.2		
35+35+35	2.40	2.40	2.40	3.2	7.2	7.6	660	1900	3000	9.0	8.6	8.2		

| SCM712M-S1 Bảng kết hợp với dàn lạnh SRK-ZSX

DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)							Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
			Công suất sưởi mỗi phòng				Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	C	D	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động sưởi ấm	1 phòng	20	3.0	-	-	-	1.5	3.0	3.7	600	840	1330	3.9	3.7	3.5
		25	3.4	-	-	-	1.5	3.4	4.2	600	1000	1510	4.6	4.4	4.2
		35	4.5	-	-	-	1.5	4.5	5.0	600	1330	1790	6.1	5.8	5.6
		50	5.8	-	-	-	1.5	5.8	6.5	600	1780	2310	8.2	7.8	7.5
		60	6.8	-	-	-	1.5	6.8	7.5	600	2100	2660	9.6	9.2	8.8
		20 + 20	2.70	2.70	-	-	2.1	5.4	7.4	630	1340	1870	6.2	5.9	5.6
	2 phòng	20 + 25	2.62	3.28	-	-	2.1	5.9	7.7	630	1530	2130	7.0	6.7	6.4
		20 + 35	2.51	4.39	-	-	2.1	6.9	8.3	630	1910	2650	8.8	8.4	8.0
		20 + 50	2.34	5.86	-	-	2.1	8.2	8.7	630	2430	3350	11.2	10.7	10.2
		20 + 60	2.05	6.15	-	-	2.1	8.2	8.7	630	2430	3350	11.2	10.7	10.2
		25 + 25	3.20	3.20	-	-	2.1	6.4	8.1	630	1700	2480	7.8	7.5	7.2
		25 + 35	3.08	4.32	-	-	2.1	7.4	8.6	630	2090	2910	9.6	9.2	8.8
		25 + 50	2.73	5.47	-	-	2.1	8.2	8.7	630	2430	3350	11.2	10.7	10.2
		25 + 60	2.41	5.79	-	-	2.1	8.2	8.7	630	2430	3350	11.2	10.7	10.2
		35 + 35	4.10	4.10	-	-	2.1	8.2	8.7	630	2430	3350	11.2	10.7	10.2
		35 + 50	3.38	4.82	-	-	2.1	8.2	8.7	630	2430	3350	11.2	10.7	10.2
		35 + 60	3.02	5.18	-	-	2.1	8.2	8.7	630	2430	3350	11.2	10.7	10.2
		50 + 50	4.10	4.10	-	-	2.1	8.2	8.7	630	2430	3350	11.2	10.7	10.2
		50 + 60	3.73	4.47	-	-	2.1	8.2	8.7	630	2430	3350	11.2	10.7	10.2
		60 + 60	4.10	4.10	-	-	2.1	8.2	8.7	630	2430	3350	11.2	10.7	10.2
	3 phòng	20 + 20 + 20	2.57	2.57	2.57	-	3.2	7.7	9.1	660	1830	3350	8.4	8.0	7.7
		20 + 20 + 25	2.46	2.46	3.08	-	3.2	8.0	9.1	660	1930	3350	8.9	8.5	8.1
		20 + 20 + 35	2.24	2.24	3.92	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		20 + 20 + 50	1.87	1.87	4.67	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		20 + 20 + 60	1.68	1.68	5.04	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		20 + 25 + 25	2.34	2.93	2.93	-	3.2	8.2	9.1	660	1990	3350	9.1	8.7	8.4
		20 + 25 + 35	2.10	2.63	3.68	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		20 + 25 + 50	1.77	2.21	4.42	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		20 + 25 + 60	1.60	2.00	4.80	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		20 + 35 + 35	1.87	3.27	3.27	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		20 + 35 + 50	1.60	2.80	4.00	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		20 + 35 + 60	1.46	2.56	4.38	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		20 + 50 + 50	1.40	3.50	3.50	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		25 + 25 + 25	2.80	2.80	2.80	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		25 + 25 + 35	2.47	2.47	3.46	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		25 + 25 + 50	2.10	2.10	4.20	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		25 + 25 + 60	1.91	1.91	4.58	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		25 + 35 + 35	2.21	3.09	3.09	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		25 + 35 + 50	1.91	2.67	3.82	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		25 + 35 + 60	1.75	2.45	4.20	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		25 + 50 + 50	1.68	3.36	3.36	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		35 + 35 + 35	2.80	2.80	2.80	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
		35 + 35 + 50	2.45	2.45	3.50	-	3.2	8.4	9.1	660	2060	3350	9.5	9.0	8.7
	4 phòng	20 + 20 + 20 + 20	2.10	2.10	2.10	2.10	3.6	8.4	9.4	800	1960	3350	9.0	8.6	8.2
		20 + 20 + 20 + 25	1.98	1.98	1.98	2.47	3.6	8.4	9.4	800	1960	3350	9.0	8.6	8.2
		20 + 20 + 20 + 35	1.79	1.79	1.79	3.13	3.6	8.5	9.4	800	1980	3350	9.1	8.7	8.3
		20 + 20 + 20 + 50	1.56	1.56	1.56	3.91	3.6	8.6	9.4	800	2000	3350	9.2	8.8	8.4
		20 + 20 + 20 + 60	1.43	1.43	1.43	4.30	3.6	8.6	9.4	800	2000	3350	9.2	8.8	8.4
		20 + 20 + 25 + 25	1.89	1.89	2.36	2.36	3.6	8.5	9.4	800	1980	3350	9.1	8.7	8.3
		20 + 20 + 25 + 35	1.70	1.70	2.13	2.98	3.6	8.5	9.4	800	1980	3350	9.1	8.7	8.3
		20 + 20 + 25 + 50	1.50	1.50	1.87	3.74	3.6	8.6	9.4	800	2000	3350	9.2	8.8	8.4
		20 + 20 + 25 + 60	1.38	1.38	1.72	4.13	3.6	8.6	9.4	800	2000	3350	9.2	8.8	8.4
		20 + 20 + 35 + 35	1.56	1.56	2.74	2.74	3.6	8.6	9.4	800	2000	3350	9.2	8.8	8.4
		20 + 20 + 35 + 50	1.38	1.38	2.41	3.44	3.6	8.6	9.4	800	2000	3350	9.2	8.8	8.4
		20 + 25 + 25 + 25	1.79	2.24	2.24	2.24	3.6	8.5	9.4	800	1980	3350	9.1	8.7	8.3
		20 + 25 + 25 + 35	1.64	2.05	2.05	2.87	3.6	8.6	9.4	800	2000	3350	9.2	8.8	8.4
		20 + 25 + 25 + 50	1.43	1.79	1.79	3.58	3.6	8.6	9.4	800	2000	3350	9.2	8.8	8.4
		20 + 25 + 35 + 35	1.50	1.87	2.62	2.62	3.6	8.6	9.4	800	2000	3350	9.2	8.8	8.4
		20 + 35 + 35 + 35	1.38	2.41	2.41	2.41	3.6	8.6	9.4	800	2000	3350	9.2	8.8	8.4
		25 + 25 + 25 + 25	2.13	2.13	2.13	2.13	3.6	8.5	9.4	800	1980	3350	9.1	8.7	8.3
		25 + 25 + 25 + 35	1.95	1.95	1.95	2.74	3.6	8.6	9.4	800	2000	3350	9.2	8.8	8.4
		25 + 25 + 25 + 50	1.72	1.72	1.72	3.44	3.6	8.6	9.4	800	2000	3350	9.2	8.8	8.4
		25 + 25 + 35 + 35	1.79	1.79	2.51	2.51	3.6	8.6	9.4	800	2000	3350	9.2	8.8	8.4

DÀN LẠNH			Công suất lạnh (kW)						Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
			Công suất lạnh mỗi phòng				Tổng công suất		Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	C	D	Tối thiểu	Tiêu chuẩn						
1 phòng	20	2.0	-	-	-	1.8	2.0	2.8	480	500	950	2.3	2.2	2.1
	25	2.5	-	-	-	1.8	2.5	3.4	480	680	1080	3.1	3.0	2.9
	35	3.5	-	-	-	1.8	3.5	3.9	480	1010	1240	4.6	4.4	4.3
	50	5.0	-	-	-	1.8	5.0	6.1	480	1530	2100	7.0	6.7	6.4
	60	6.0	-	-	-	1.8	6.0	7.0	480	1880	2700	8.6	8.3	7.9
2 phòng	20 + 20	2.00	2.00	-	-	3.0	4.0	6.1	550	830	1910	3.8	3.6	3.5
	20 + 25	2.00	2.50	-	-	3.0	4.5	6.4	550	1030	2060	4.7	4.5	4.3
	20 + 35	2.00	3.50	-	-	3.0	5.5	6.9	550	1390	2320	6.4	6.1	5.9
	20 + 50	1.94	4.86	-	-	3.0	6.8	7.7	550	1860	2750	8.5	8.2	7.8
	20 + 60	1.70	5.10	-	-	3.0	6.8	7.7	550	1860	2750	8.5	8.2	7.8
	25 + 25	2.50	2.50	-	-	3.0	5.0	6.8	550	1190	2270	5.5	5.2	5.0
	25 + 35	2.46	3.44	-	-	3.0	5.9	7.2	550	1560	2470	7.2	6.9	6.6
	25 + 50	2.27	4.53	-	-	3.0	6.8	7.7	550	1860	2750	8.5	8.2	7.8
	25 + 60	2.00	4.80	-	-	3.0	6.8	7.7	550	1860	2750	8.5	8.2	7.8
	35 + 35	3.40	3.40	-	-	3.0	6.8	7.6	550	1860	2680	8.5	8.2	7.8
	35 + 50	2.80	4.00	-	-	3.0	6.8	7.7	550	1860	2750	8.5	8.2	7.8
	35 + 60	2.51	4.29	-	-	3.0	6.8	7.7	550	1860	2750	8.5	8.2	7.8
	50 + 50	3.40	3.40	-	-	3.0	6.8	7.7	550	1860	2750	8.5	8.2	7.8
Hoạt động làm lạnh	50 + 60	3.09	3.71	-	-	3.0	6.8	7.7	550	1860	2750	8.5	8.2	7.8
	60 + 60	3.40	3.40	-	-	3.0	6.8	7.7	550	1860	2750	8.5	8.2	7.8
	20 + 20 + 20	2.00	2.00	2.00	-	3.7	6.0	8.2	670	1300	2750	6.0	5.7	5.5
	20 + 20 + 25	2.00	2.00	2.50	-	3.7	6.5	8.2	670	1450	2750	6.7	6.4	6.1
	20 + 20 + 35	1.84	1.84	3.22	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	20 + 20 + 50	1.53	1.53	3.83	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	20 + 20 + 60	1.38	1.38	4.14	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	20 + 25 + 25	1.94	2.43	2.43	-	3.7	6.8	8.2	670	1610	2750	7.4	7.1	6.8
	20 + 25 + 35	1.73	2.16	3.02	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	20 + 25 + 50	1.45	1.82	3.63	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	20 + 25 + 60	1.31	1.64	3.94	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	20 + 35 + 35	1.53	2.68	2.68	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	20 + 35 + 50	1.31	2.30	3.29	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	20 + 35 + 60	1.20	2.10	3.60	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	20 + 50 + 50	1.15	2.88	2.88	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	25 + 25 + 25	2.30	2.30	2.30	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	25 + 25 + 35	2.03	2.03	2.84	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	25 + 25 + 50	1.73	1.73	3.45	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	25 + 25 + 60	1.57	1.57	3.76	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	25 + 35 + 35	1.82	2.54	2.54	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	25 + 35 + 50	1.57	2.20	3.14	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	25 + 35 + 60	1.44	2.01	3.45	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	25 + 50 + 50	1.38	2.76	2.76	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	35 + 35 + 35	2.30	2.30	2.30	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	35 + 35 + 50	2.01	2.01	2.88	-	3.7	6.9	8.2	670	1670	2750	7.7	7.3	7.0
	20 + 20 + 20 + 20	1.73	1.73	1.73	1.73	4.4	6.9	8.8	890	1550	2750	7.1	6.8	6.5
	20 + 20 + 20 + 25	1.62	1.62	1.62	2.03	4.4	6.9	8.8	890	1550	2750	7.1	6.8	6.5
	20 + 20 + 20 + 35	1.49	1.49	1.49	2.62	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6
	20 + 20 + 20 + 50	1.29	1.29	1.29	3.23	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6
	20 + 20 + 20 + 60	1.18	1.18	1.18	3.55	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6
20 + 20 + 25 + 25	1.53	1.53	1.92	1.92	4.4	6.9	8.8	890	1550	2750	7.1	6.8	6.5	
20 + 20 + 25 + 35	1.42	1.42	1.78	2.49	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6	
20 + 20 + 25 + 50	1.23	1.23	1.54	3.09	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6	
20 + 20 + 25 + 60	1.14	1.14	1.42	3.41	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6	
20 + 20 + 35 + 35	1.29	1.29	2.26	2.26	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6	
20 + 20 + 35 + 50	1.14	1.14	1.99	2.84	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6	
20 + 25 + 25 + 25	1.49	1.87	1.87	1.87	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6	
20 + 25 + 25 + 35	1.35	1.69	1.69	2.37	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6	
20 + 25 + 25 + 50	1.18	1.48	1.48	2.96	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6	
20 + 25 + 35 + 35	1.23	1.54	2.16	2.16	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6	
20 + 35 + 35 + 35	1.14	1.99	1.99	1.99	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6	
25 + 25 + 25 + 25	1.78	1.78	1.78	1.78	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6	
25 + 25 + 25 + 35	1.61	1.61	1.61	2.26	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6	
25 + 25 + 25 + 50	1.42	1.42	1.42	2.84	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6	
25 + 25 + 35 + 35	1.48	1.48	2.07	2.07	4.4	7.1	8.8	890	1580	2750	7.3	6.9	6.6	



| SCM712M-S1 Bảng kết hợp với các dàn lạnh khác nhau

DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)							Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
			Công suất sưởi mỗi phòng				Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	C	D	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động sưởi ấm	1 phòng	20	3.0	-	-	-	1.5	3.0	3.5	600	1060	1330	4.9	4.7	4.5
		25	3.4	-	-	-	1.5	3.4	4.0	600	1220	1510	5.6	5.4	5.1
		35	4.5	-	-	-	1.5	4.5	4.8	600	1510	1790	6.9	6.6	6.4
		50	5.8	-	-	-	1.5	5.8	6.2	600	1950	2310	9.0	8.6	8.2
		60	6.8	-	-	-	1.5	6.8	7.1	600	2240	2660	10.3	9.8	9.4
	2 phòng	20 + 20	2.70	2.70	-	-	2.1	5.4	7.0	630	1370	1870	6.3	6.0	5.8
		20 + 25	2.62	3.28	-	-	2.1	5.9	7.3	630	1560	2130	7.2	6.9	6.6
		20 + 35	2.51	4.39	-	-	2.1	6.9	7.9	630	1950	2650	9.0	8.6	8.2
		20 + 50	2.34	5.66	-	-	2.1	8.2	8.3	630	2490	3350	11.4	10.9	10.5
		20 + 60	2.05	6.15	-	-	2.1	8.2	8.3	630	2490	3350	11.4	10.9	10.5
		25 + 25	3.20	3.20	-	-	2.1	6.4	7.7	630	1740	2480	8.0	7.6	7.3
		25 + 35	3.08	4.32	-	-	2.1	7.4	8.2	630	2130	2910	9.8	9.4	9.0
		25 + 50	2.73	5.47	-	-	2.1	8.2	8.3	630	2490	3350	11.4	10.9	10.5
		25 + 60	2.41	5.79	-	-	2.1	8.2	8.3	630	2490	3350	11.4	10.9	10.5
		35 + 35	4.10	4.10	-	-	2.1	8.2	8.3	630	2490	3350	11.4	10.9	10.5
		35 + 50	3.38	4.82	-	-	2.1	8.2	8.3	630	2490	3350	11.4	10.9	10.5
		35 + 60	3.02	5.18	-	-	2.1	8.2	8.3	630	2490	3350	11.4	10.9	10.5
		50 + 50	4.10	4.10	-	-	2.1	8.2	8.3	630	2490	3350	11.4	10.9	10.5
		50 + 60	3.73	4.47	-	-	2.1	8.2	8.3	630	2490	3350	11.4	10.9	10.5
		60 + 60	4.10	4.10	-	-	2.1	8.2	8.3	630	2490	3350	11.4	10.9	10.5
	3 phòng	20 + 20 + 20	2.57	2.57	2.57	-	3.2	7.7	8.9	660	1870	3350	8.6	8.2	7.9
		20 + 20 + 25	2.46	2.46	3.08	-	3.2	8.0	8.9	660	1970	3350	9.0	8.7	8.3
		20 + 20 + 35	2.24	2.24	3.92	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		20 + 20 + 50	1.87	1.87	4.67	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		20 + 20 + 60	1.68	1.68	5.04	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		20 + 25 + 25	2.34	2.93	2.93	-	3.2	8.2	8.9	660	2030	3350	9.3	8.9	8.5
		20 + 25 + 35	2.10	2.63	3.68	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		20 + 25 + 50	1.77	2.21	4.42	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		20 + 25 + 60	1.60	2.00	4.80	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		20 + 35 + 35	1.87	3.27	3.27	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		20 + 35 + 50	1.60	2.80	4.00	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		20 + 35 + 60	1.46	2.56	4.38	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		20 + 50 + 50	1.40	3.50	3.50	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		25 + 25 + 25	2.80	2.80	2.80	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		25 + 25 + 35	2.47	2.47	3.46	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		25 + 25 + 50	2.10	2.10	4.20	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		25 + 25 + 60	1.91	1.91	4.58	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		25 + 35 + 35	2.21	3.09	3.09	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		25 + 35 + 50	1.91	2.67	3.82	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		25 + 35 + 60	1.75	2.45	4.20	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		25 + 50 + 50	1.68	3.36	3.36	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		35 + 35 + 35	2.80	2.80	2.80	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
		35 + 35 + 50	2.45	2.45	3.50	-	3.2	8.4	8.9	660	2100	3350	9.6	9.2	8.8
	4 phòng	20 + 20 + 20 + 20	2.10	2.10	2.10	2.10	3.6	8.4	9.1	800	2010	3350	9.2	8.8	8.5
		20 + 20 + 20 + 25	1.98	1.98	1.98	2.47	3.6	8.4	9.1	800	2010	3350	9.2	8.8	8.5
		20 + 20 + 20 + 35	1.79	1.79	1.79	3.13	3.6	8.5	9.1	800	2030	3350	9.3	8.9	8.5
		20 + 20 + 20 + 50	1.56	1.56	1.56	3.91	3.6	8.6	9.1	800	2050	3350	9.4	9.0	8.6
		20 + 20 + 20 + 60	1.43	1.43	1.43	4.30	3.6	8.6	9.1	800	2050	3350	9.4	9.0	8.6
		20 + 20 + 25 + 25	1.89	1.89	2.36	2.36	3.6	8.5	9.1	800	2030	3350	9.3	8.9	8.5
		20 + 20 + 25 + 35	1.70	1.70	2.13	2.98	3.6	8.5	9.1	800	2030	3350	9.3	8.9	8.5
		20 + 20 + 25 + 50	1.50	1.50	1.87	3.74	3.6	8.6	9.1	800	2050	3350	9.4	9.0	8.6
		20 + 20 + 25 + 60	1.38	1.38	1.72	4.13	3.6	8.6	9.1	800	2050	3350	9.4	9.0	8.6
		20 + 20 + 35 + 35	1.56	1.56	2.74	2.74	3.6	8.6	9.1	800	2050	3350	9.4	9.0	8.6
		20 + 20 + 35 + 50	1.38	1.38	2.41	3.44	3.6	8.6	9.1	800	2050	3350	9.4	9.0	8.6
		20 + 25 + 25 + 25	1.79	2.24	2.24	2.24	3.6	8.5	9.1	800	2030	3350	9.3	8.9	8.5
		20 + 25 + 25 + 35	1.64	2.05	2.05	2.87	3.6	8.6	9.1	800	2050	3350	9.4	9.0	8.6
		20 + 25 + 25 + 50	1.43	1.79	1.79	3.58	3.6	8.6	9.1	800	2050	3350	9.4	9.0	8.6
		20 + 25 + 35 + 35	1.50	1.87	2.62	2.62	3.6	8.6	9.1	800	2050	3350	9.4	9.0	8.6
		20 + 35 + 35 + 35	1.38	2.41	2.41	2.41	3.6	8.6	9.1	800	2050	3350	9.4	9.0	8.6
		25 + 25 + 25 + 25	2.13	2.13	2.13	2.13	3.6	8.5	9.1	800	2030	3350	9.3	8.9	8.5
		25 + 25 + 25 + 35	1.95	1.95	1.95	2.74	3.6	8.6	9.1	800	2050	3350	9.4	9.0	8.6
		25 + 25 + 25 + 50	1.72	1.72	1.72	3.44	3.6	8.6	9.1	800	2050	3350	9.4	9.0	8.6
		25 + 25 + 35 + 35	1.79	1.79	2.51	2.51	3.6	8.6	9.1	800	2050	3350	9.4	9.0	8.6

DÀN LẠNH			Công suất lạnh (kW)							Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
			Công suất lạnh mỗi phòng				Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	C	D	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
1 phòng	20	2.0	-	-	-	1.8	2.0	2.7	480	530	950	2.4	2.3	2.2	
	25	2.5	-	-	-	1.8	2.5	3.2	480	730	1080	3.4	3.2	3.1	
	35	3.5	-	-	-	1.8	3.5	3.7	480	1120	1240	5.1	4.9	4.7	
	50	5.0	-	-	-	1.8	5.0	5.8	480	1710	2100	7.9	7.5	7.2	
	60	6.0	-	-	-	1.8	6.0	6.7	480	2140	2700	9.8	9.4	9.0	
2 phòng	20 + 20	2.00	2.00	-	-	3.0	4.0	5.8	550	930	1910	4.3	4.1	3.9	
	20 + 25	2.00	2.50	-	-	3.0	4.5	6.1	550	1170	2060	5.4	5.1	4.9	
	20 + 35	2.00	3.50	-	-	3.0	5.5	6.6	550	1590	2320	7.3	7.0	6.7	
	20 + 50	1.94	4.86	-	-	3.0	6.8	7.3	550	2150	2750	9.9	9.4	9.0	
	20 + 60	1.70	5.10	-	-	3.0	6.8	7.3	550	2150	2750	9.9	9.4	9.0	
	25 + 25	2.50	2.50	-	-	3.0	5.0	6.5	550	1360	2270	6.2	6.0	5.7	
	25 + 35	2.46	3.44	-	-	3.0	5.9	6.8	550	1780	2470	8.2	7.8	7.5	
	25 + 50	2.27	4.53	-	-	3.0	6.8	7.3	550	2150	2750	9.9	9.4	9.0	
	25 + 60	2.00	4.80	-	-	3.0	6.8	7.3	550	2150	2750	9.9	9.4	9.0	
	35 + 35	3.40	3.40	-	-	3.0	6.8	7.2	550	2150	2680	9.9	9.4	9.0	
	35 + 50	2.80	4.00	-	-	3.0	6.8	7.3	550	2150	2750	9.9	9.4	9.0	
	35 + 60	2.51	4.29	-	-	3.0	6.8	7.3	550	2150	2750	9.9	9.4	9.0	
	50 + 50	3.40	3.40	-	-	3.0	6.8	7.3	550	2150	2750	9.9	9.4	9.0	
	50 + 60	3.09	3.71	-	-	3.0	6.8	7.3	550	2150	2750	9.9	9.4	9.0	
	60 + 60	3.40	3.40	-	-	3.0	6.8	7.3	550	2150	2750	9.9	9.4	9.0	
Hoạt động làm lạnh	20 + 20 + 20	2.00	2.00	2.00	-	3.7	6.0	7.8	670	1450	2750	6.7	6.4	6.1	
	20 + 20 + 25	2.00	2.00	2.50	-	3.7	6.5	7.8	670	1630	2750	7.5	7.2	6.9	
	20 + 20 + 35	1.84	1.84	3.22	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	20 + 20 + 50	1.53	1.53	3.83	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	20 + 20 + 60	1.38	1.38	4.14	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	20 + 25 + 25	1.94	2.43	2.43	-	3.7	6.8	7.8	670	1820	2750	8.4	8.0	7.7	
	20 + 25 + 35	1.73	2.16	3.02	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	20 + 25 + 50	1.45	1.82	3.63	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	20 + 25 + 60	1.31	1.64	3.94	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	20 + 35 + 35	1.53	2.68	2.68	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	20 + 35 + 50	1.31	2.30	3.29	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	20 + 35 + 60	1.20	2.10	3.60	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	20 + 50 + 50	1.15	2.88	2.88	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	25 + 25 + 25	2.30	2.30	2.30	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	25 + 25 + 35	2.03	2.03	2.84	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	25 + 25 + 50	1.73	1.73	3.45	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	25 + 25 + 60	1.57	1.57	3.76	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	25 + 35 + 35	1.82	2.54	2.54	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	25 + 35 + 50	1.57	2.20	3.14	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	25 + 35 + 60	1.44	2.01	3.45	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	25 + 50 + 50	1.38	2.76	2.76	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	35 + 35 + 35	2.30	2.30	2.30	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	35 + 35 + 50	2.01	2.01	2.88	-	3.7	6.9	7.8	670	1910	2750	8.8	8.4	8.0	
	20 + 20 + 20 + 20	1.73	1.73	1.73	1.73	4.4	6.9	8.3	890	1750	2750	8.0	7.7	7.4	
	20 + 20 + 20 + 25	1.62	1.62	1.62	2.03	4.4	6.9	8.3	890	1750	2750	8.0	7.7	7.4	
	20 + 20 + 20 + 35	1.49	1.49	1.49	2.62	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5	
	20 + 20 + 20 + 50	1.29	1.29	1.29	3.23	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5	
	20 + 20 + 20 + 60	1.18	1.18	1.18	3.55	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5	
	20 + 20 + 25 + 25	1.53	1.53	1.92	1.92	4.4	6.9	8.3	890	1750	2750	8.0	7.7	7.4	
	20 + 20 + 25 + 35	1.42	1.42	1.78	2.49	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5	
	20 + 20 + 25 + 50	1.23	1.23	1.54	3.09	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5	
	20 + 20 + 25 + 60	1.14	1.14	1.42	3.41	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5	
	20 + 20 + 35 + 35	1.29	1.29	2.26	2.26	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5	
	20 + 20 + 35 + 50	1.14	1.14	1.99	2.84	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5	
	20 + 25 + 25 + 25	1.49	1.87	1.87	1.87	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5	
20 + 25 + 25 + 35	1.35	1.69	1.69	2.37	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5		
20 + 25 + 25 + 50	1.18	1.48	1.48	2.96	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5		
20 + 25 + 35 + 35	1.23	1.54	2.16	2.16	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5		
20 + 35 + 35 + 35	1.14	1.99	1.99	1.99	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5		
25 + 25 + 25 + 25	1.78	1.78	1.78	1.78	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5		
25 + 25 + 25 + 35	1.61	1.61	1.61	2.26	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5		
25 + 25 + 25 + 50	1.42	1.42	1.42	2.84	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5		
25 + 25 + 35 + 35	1.48	1.48	2.07	2.07	4.4	7.1	8.3	890	1790	2750	8.2	7.9	7.5		

DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)							Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
			Công suất sưởi mỗi phòng				Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	C	D	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động sưởi ấm	1 phòng	20	3.0	-	-	-	1.5	3.0	3.7	600	840	1330	3.9	3.7	3.5
		25	3.4	-	-	-	1.5	3.4	4.2	600	1000	1510	4.6	4.4	4.2
		35	4.5	-	-	-	1.5	4.5	5.0	600	1330	1790	6.1	5.8	5.6
		50	5.8	-	-	-	1.5	5.8	6.5	600	1780	2310	8.2	7.8	7.5
		60	6.8	-	-	-	1.5	6.8	7.5	600	2100	2660	9.6	9.2	8.8
	2 phòng	20 + 20	2.70	2.70	-	-	2.1	5.4	7.4	630	1340	1870	6.2	5.9	5.6
		20 + 25	2.62	3.28	-	-	2.1	5.9	7.7	630	1530	2130	7.0	6.7	6.4
		20 + 35	2.51	4.39	-	-	2.1	6.9	8.3	630	1910	2650	8.8	8.4	8.0
		20 + 50	2.37	5.93	-	-	2.1	8.3	8.8	630	2460	3430	11.3	10.8	10.4
		20 + 60	2.08	6.23	-	-	2.1	8.3	8.8	630	2460	3430	11.3	10.8	10.4
		25 + 25	3.20	3.20	-	-	2.1	6.4	8.1	630	1700	2480	7.8	7.5	7.2
		25 + 35	3.08	4.32	-	-	2.1	7.4	8.6	630	2090	2910	9.6	9.2	8.8
		25 + 50	2.77	5.53	-	-	2.1	8.3	8.8	630	2460	3430	11.3	10.8	10.4
		25 + 60	2.44	5.86	-	-	2.1	8.3	8.8	630	2460	3430	11.3	10.8	10.4
		35 + 35	4.15	4.15	-	-	2.1	8.3	8.8	630	2460	3430	11.3	10.8	10.4
		35 + 50	3.42	4.88	-	-	2.1	8.3	8.8	630	2460	3430	11.3	10.8	10.4
		35 + 60	3.06	5.24	-	-	2.1	8.3	8.8	630	2460	3430	11.3	10.8	10.4
		50 + 50	4.15	4.15	-	-	2.1	8.3	8.8	630	2460	3430	11.3	10.8	10.4
		50 + 60	3.77	4.53	-	-	2.1	8.3	8.8	630	2460	3430	11.3	10.8	10.4
		60 + 60	4.15	4.15	-	-	2.1	8.3	8.8	630	2460	3430	11.3	10.8	10.4
	3 phòng	20 + 20 + 20	2.57	2.57	2.57	-	3.2	7.7	9.3	660	1830	3430	8.4	8.0	7.7
		20 + 20 + 25	2.46	2.46	3.08	-	3.2	8.0	9.3	660	1930	3430	8.9	8.5	8.1
		20 + 20 + 35	2.27	2.27	3.97	-	3.2	8.5	9.3	660	2090	3430	9.6	9.2	8.8
		20 + 20 + 50	2.00	2.00	5.00	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		20 + 20 + 60	1.80	1.80	5.40	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		20 + 25 + 25	2.34	2.93	2.93	-	3.2	8.2	9.3	660	1990	3430	9.1	8.7	8.4
		20 + 25 + 35	2.20	2.75	3.85	-	3.2	8.8	9.3	660	2180	3430	10.0	9.6	9.2
		20 + 25 + 50	1.89	2.37	4.74	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		20 + 25 + 60	1.71	2.14	5.14	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		20 + 35 + 35	2.00	3.50	3.50	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		20 + 35 + 50	1.71	3.00	4.29	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		20 + 35 + 60	1.57	2.74	4.70	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		20 + 50 + 50	1.50	3.75	3.75	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		20 + 50 + 60	1.38	3.46	4.15	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		25 + 25 + 25	2.83	2.83	2.83	-	3.2	8.5	9.3	660	2090	3430	9.6	9.2	8.8
		25 + 25 + 35	2.65	2.65	3.71	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		25 + 25 + 50	2.25	2.25	4.50	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		25 + 25 + 60	2.05	2.05	4.91	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		25 + 35 + 35	2.37	3.32	3.32	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		25 + 35 + 50	2.05	2.86	4.09	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		25 + 35 + 60	1.88	2.63	4.50	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		25 + 50 + 50	1.80	3.60	3.60	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		25 + 50 + 60	1.67	3.33	4.00	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		35 + 35 + 35	3.00	3.00	3.00	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		35 + 35 + 50	2.63	2.63	3.75	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		35 + 35 + 60	2.42	2.42	4.15	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
		35 + 50 + 50	2.33	3.33	3.33	-	3.2	9.0	9.3	660	2250	3430	10.3	9.9	9.5
	4 phòng	20 + 20 + 20 + 20	2.28	2.28	2.28	2.28	3.6	9.1	9.8	800	2220	3430	10.2	9.7	9.3
		20 + 20 + 20 + 25	2.14	2.14	2.14	2.68	3.6	9.1	9.8	800	2220	3430	10.2	9.7	9.3
		20 + 20 + 20 + 35	1.94	1.94	1.94	3.39	3.6	9.2	9.8	800	2240	3430	10.3	9.8	9.4
		20 + 20 + 20 + 50	1.67	1.67	1.67	4.18	3.6	9.2	9.8	800	2240	3430	10.3	9.8	9.4
		20 + 20 + 20 + 60	1.55	1.55	1.55	4.65	3.6	9.3	9.8	800	2260	3430	10.4	10.0	9.5
		20 + 20 + 25 + 25	2.04	2.04	2.56	2.56	3.6	9.2	9.8	800	2240	3430	10.3	9.8	9.4
		20 + 20 + 25 + 35	1.84	1.84	2.30	3.22	3.6	9.2	9.8	800	2240	3430	10.3	9.8	9.4
		20 + 20 + 25 + 50	1.62	1.62	2.02	4.04	3.6	9.3	9.8	800	2260	3430	10.4	10.0	9.5
		20 + 20 + 25 + 60	1.49	1.49	1.86	4.46	3.6	9.3	9.8	800	2260	3430	10.4	10.0	9.5
		20 + 20 + 35 + 35	1.67	1.67	2.93	2.93	3.6	9.2	9.8	800	2240	3430	10.3	9.8	9.4
		20 + 20 + 35 + 50	1.49	1.49	2.60	3.72	3.6	9.3	9.8	800	2260	3430	10.4	10.0	9.5
		20 + 20 + 35 + 60	1.38	1.38	2.41	4.13	3.6	9.3	9.8	800	2260	3430	10.4	10.0	9.5
		20 + 25 + 25 + 25	1.94	2.42	2.42	2.42	3.6	9.2	9.8	800	2240	3430	10.3	9.8	9.4
		20 + 25 + 25 + 35	1.75	2.19	2.19	3.07	3.6	9.2	9.8	800	2240	3430	10.3	9.8	9.4
		20 + 25 + 25 + 50	1.55	1.94	1.94	3.88	3.6	9.3	9.8	800	2260	3430	10.4	10.0	9.5
		20 + 25 + 25 + 60	1.43	1.79	1.79	4.29	3.6	9.3	9.8	800	2260	3430	10.4	10.0	9.5
		20 + 25 + 35 + 35	1.62	2.02	2.83	2.83	3.6	9.3	9.8	800	2260	3430	10.4	10.0	9.5
		20 + 25 + 35 + 50	1.43	1.79	2.50	3.58	3.6	9.3	9.8	800	2260	3430	10.4	10.0	9.5
		20 + 35 + 35 + 35	1.49	2.60	2.60	2.60	3.6	9.3	9.8	800	2260	3430	10.4	10.0	9.5
		25 + 25 + 25 + 25	2.30	2.30	2.30	2.30	3.6	9.2	9.8	800	2240	3430	10.3	9.8	9.4
		25 + 25 + 25 + 35	2.09	2.09	2.09	2.93	3.6	9.2	9.8	800	2240	3430	10.3	9.8	9.4
		25 + 25 + 25 + 50	1.86	1.86	1.86	3.72	3.6	9.3	9.8	800	2260	3430	10.4	10.0	9.5
		25 + 25 + 25 + 60	1.72	1.72	1.72	4.13	3.6	9.3	9.8	800	2260	3430	10.4	10.0	9.5
		25 + 25 + 35 + 35	1.94	1.94	2.71	2.71	3.6	9.3	9.8	800	2260	3430	10.4	10.0	9.5
		25 + 25 + 35 + 50	1.72	1.72	2.41	3.44	3.6	9.3	9.8	800	2260	3430	10.4	10.0	9.5
		25 + 35 + 35 + 35	1.79	2.50	2.50	2.50	3.6	9.3	9.8	800	2260	3430	10.4	10.0	9.5

DÀN LẠNH		Công suất lạnh (kW)							Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
		Công suất lạnh mỗi phòng				Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
		A	B	C	D	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
1 phòng	20	2.0	-	-	-	1.8	2.0	2.8	480	500	950	2.3	2.2	2.1
	25	2.5	-	-	-	1.8	2.5	3.4	480	680	1080	3.1	3.0	2.9
	35	3.5	-	-	-	1.8	3.5	3.9	480	1010	1240	4.6	4.4	4.3
	50	5.0	-	-	-	1.8	5.0	6.1	480	1530	2100	7.0	6.7	6.4
	60	6.0	-	-	-	1.8	6.0	7.0	480	1880	2700	8.6	8.3	7.9
2 phòng	20 + 20	2.00	2.00	-	-	3.0	4.0	6.1	550	830	1910	3.8	3.6	3.5
	20 + 25	2.00	2.50	-	-	3.0	4.5	6.4	550	1030	2060	4.7	4.5	4.3
	20 + 35	2.00	3.50	-	-	3.0	5.5	6.9	550	1390	2320	6.4	6.1	5.9
	20 + 50	1.97	4.93	-	-	3.0	6.9	7.9	550	1910	2830	8.8	8.4	8.0
	20 + 60	1.85	5.55	-	-	3.0	7.4	7.9	550	2090	2830	9.6	9.2	8.8
	25 + 25	2.50	2.50	-	-	3.0	5.0	6.8	550	1190	2270	5.5	5.2	5.0
	25 + 35	2.46	3.44	-	-	3.0	5.9	7.2	550	1560	2470	7.2	6.9	6.6
	25 + 50	2.47	4.93	-	-	3.0	7.4	7.9	550	2090	2830	9.6	9.2	8.8
	25 + 60	2.18	5.22	-	-	3.0	7.4	7.9	550	2090	2830	9.6	9.2	8.8
	35 + 35	3.45	3.45	-	-	3.0	6.9	7.6	550	1910	2680	8.8	8.4	8.0
	35 + 50	3.05	4.35	-	-	3.0	7.4	7.9	550	2090	2830	9.6	9.2	8.8
	35 + 60	2.73	4.67	-	-	3.0	7.4	7.9	550	2090	2830	9.6	9.2	8.8
	50 + 50	3.70	3.70	-	-	3.0	7.4	7.9	550	2090	2830	9.6	9.2	8.8
	50 + 60	3.36	4.04	-	-	3.0	7.4	7.9	550	2090	2830	9.6	9.2	8.8
	60 + 60	3.70	3.70	-	-	3.0	7.4	7.9	550	2090	2830	9.6	9.2	8.8
Hoạt động làm lạnh	20 + 20 + 20	2.00	2.00	2.00	-	3.7	6.0	8.5	670	1300	2830	6.0	5.7	5.5
	20 + 20 + 25	2.00	2.00	2.50	-	3.7	6.5	8.5	670	1450	2830	6.7	6.4	6.1
	20 + 20 + 35	1.89	1.89	3.31	-	3.7	7.1	8.5	670	1730	2830	7.9	7.6	7.3
	20 + 20 + 50	1.73	1.73	4.33	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	20 + 20 + 60	1.56	1.56	4.68	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	20 + 25 + 25	1.94	2.43	2.43	-	3.7	6.8	8.5	670	1610	2830	7.4	7.1	6.8
	20 + 25 + 35	1.88	2.34	3.28	-	3.7	7.5	8.5	670	1870	2830	8.6	8.2	7.9
	20 + 25 + 50	1.64	2.05	4.11	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	20 + 25 + 60	1.49	1.86	4.46	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	20 + 35 + 35	1.73	3.03	3.03	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	20 + 35 + 50	1.49	2.60	3.71	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	20 + 35 + 60	1.36	2.37	4.07	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	20 + 50 + 50	1.30	3.25	3.25	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	20 + 50 + 60	1.20	3.00	3.60	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	25 + 25 + 25	2.37	2.37	2.37	-	3.7	7.1	8.5	670	1730	2830	7.9	7.6	7.3
	25 + 25 + 35	2.29	2.29	3.21	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	25 + 25 + 50	1.95	1.95	3.90	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	25 + 25 + 60	1.77	1.77	4.25	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	25 + 35 + 35	2.05	2.87	2.87	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	25 + 35 + 50	1.77	2.48	3.55	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	25 + 35 + 60	1.63	2.28	3.90	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	25 + 50 + 50	1.56	3.12	3.12	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	25 + 50 + 60	1.44	2.89	3.47	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	35 + 35 + 35	2.60	2.60	2.60	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	35 + 35 + 50	2.28	2.28	3.25	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	35 + 35 + 60	2.10	2.10	3.60	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	35 + 50 + 50	2.02	2.89	2.89	-	3.7	7.8	8.5	670	2030	2830	9.3	8.9	8.5
	4 phòng	20 + 20 + 20 + 20	1.95	1.95	1.95	1.95	4.4	7.8	9.2	890	1920	2830	8.8	8.4
20 + 20 + 20 + 25		1.84	1.84	1.84	2.29	4.4	7.8	9.2	890	1920	2830	8.8	8.4	8.1
20 + 20 + 20 + 35		1.66	1.66	1.66	2.91	4.4	7.9	9.2	890	1940	2830	8.9	8.5	8.2
20 + 20 + 20 + 50		1.44	1.44	1.44	3.59	4.4	7.9	9.2	890	1940	2830	8.9	8.5	8.2
20 + 20 + 20 + 60		1.33	1.33	1.33	4.00	4.4	8.0	9.2	890	1950	2830	9.9	8.6	9.0
20 + 20 + 25 + 25		1.76	1.76	2.19	2.19	4.4	7.9	9.2	890	1940	2830	8.9	8.5	8.2
20 + 20 + 25 + 35		1.58	1.58	1.98	2.77	4.4	7.9	9.2	890	1940	2830	8.9	8.5	8.2
20 + 20 + 25 + 50		1.37	1.37	1.72	3.43	4.4	7.9	9.2	890	1940	2830	8.9	8.5	8.2
20 + 20 + 25 + 60		1.28	1.28	1.60	3.84	4.4	8.0	9.2	890	1950	2830	9.9	8.6	9.0
20 + 20 + 35 + 35		1.44	1.44	2.51	2.51	4.4	7.9	9.2	890	1940	2830	8.9	8.5	8.2
20 + 20 + 35 + 50		1.28	1.28	2.24	3.20	4.4	8.0	9.2	890	1950	2830	9.9	8.6	9.0
20 + 20 + 35 + 60		1.19	1.19	2.07	3.56	4.4	8.0	9.2	890	1950	2830	9.9	8.6	9.0
20 + 25 + 25 + 25		1.66	2.08	2.08	2.08	4.4	7.9	9.2	890	1940	2830	8.9	8.5	8.2
20 + 25 + 25 + 35		1.50	1.88	1.88	2.63	4.4	7.9	9.2	890	1940	2830	8.9	8.5	8.2
20 + 25 + 25 + 50		1.33	1.67	1.67	3.33	4.4	8.0	9.2	890	1950	2830	9.9	8.6	9.0
20 + 25 + 25 + 60		1.23	1.54	1.54	3.69	4.4	8.0	9.2	890	1950	2830	9.9	8.6	9.0
20 + 25 + 35 + 35		1.37	1.72	2.40	2.40	4.4	7.9	9.2	890	1940	2830	8.9	8.5	8.2
20 + 25 + 35 + 50		1.23	1.54	2.15	3.08	4.4	8.0	9.2	890	1950	2830	9.9	8.6	9.0
20 + 35 + 35 + 35		1.28	2.24	2.24	2.24	4.4	8.0	9.2	890	1950	2830	9.9	8.6	9.0
25 + 25 + 25 + 25		1.98	1.98	1.98	1.98	4.4	7.9	9.2	890	1940	2830	8.9	8.5	8.2
25 + 25 + 25 + 35		1.80	1.80	1.80	2.51	4.4	7.9	9.2	890	1940	2830	8.9	8.5	8.2
25 + 25 + 25 + 50		1.60	1.60	1.60	3.20	4.4	8.0	9.2	890	1950	2830	9.9	8.6	9.0
25 + 25 + 25 + 60		1.48	1.48	1.48	3.56	4.4	8.0	9.2	890	1950	2830	9.9	8.6	9.0
25 + 25 + 35 + 35		1.67	1.67	2.33	2.33	4.4	8.0	9.2	890	1950	2830	9.9	8.6	9.0
25 + 25 + 35 + 50		1.48	1.48	2.07	2.96	4.4	8.0	9.2	890	1950	2830	9.9	8.6	9.0
25 + 35 + 35 + 35		1.54	2.15	2.15	2.15	4.4	8.0	9.2	890	1950	2830	9.9	8.6	9.0



DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)							Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
			Công suất sưởi mỗi phòng				Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	C	D	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
Hoạt động sưởi ấm	1 phòng	20	3.0	-	-	-	1.5	3.0	3.5	600	1060	1330	4.9	4.7	4.5
		25	3.4	-	-	-	1.5	3.4	4.0	600	1220	1510	5.6	5.4	5.1
		35	4.5	-	-	-	1.5	4.5	4.8	600	1510	1790	6.9	6.6	6.4
		50	5.8	-	-	-	1.5	5.8	6.2	600	1950	2310	9.0	8.6	8.2
		60	6.8	-	-	-	1.5	6.8	7.1	600	2240	2660	10.3	9.8	9.4
	2 phòng	20 + 20	2.70	2.70	-	-	2.1	5.4	7.0	630	1370	1870	6.3	6.0	5.8
		20 + 25	2.62	3.28	-	-	2.1	5.9	7.3	630	1560	2130	7.2	6.9	6.6
		20 + 35	2.51	4.39	-	-	2.1	6.9	7.9	630	1950	2650	9.0	8.6	8.2
		20 + 50	2.37	5.93	-	-	2.1	8.3	8.4	630	2510	3430	11.5	11.0	10.6
		20 + 60	2.08	6.23	-	-	2.1	8.3	8.4	630	2510	3430	11.5	11.0	10.6
		25 + 25	3.20	3.20	-	-	2.1	6.4	7.7	630	1740	2480	8.0	7.6	7.3
		25 + 35	3.08	4.32	-	-	2.1	7.4	8.2	630	2130	2910	9.8	9.4	9.0
		25 + 50	2.77	5.53	-	-	2.1	8.3	8.4	630	2510	3430	11.5	11.0	10.6
		25 + 60	2.44	5.86	-	-	2.1	8.3	8.4	630	2510	3430	11.5	11.0	10.6
		35 + 35	4.15	4.15	-	-	2.1	8.3	8.4	630	2510	3430	11.5	11.0	10.6
		35 + 50	3.42	4.88	-	-	2.1	8.3	8.4	630	2510	3430	11.5	11.0	10.6
		35 + 60	3.06	5.24	-	-	2.1	8.3	8.4	630	2510	3430	11.5	11.0	10.6
		50 + 50	4.15	4.15	-	-	2.1	8.3	8.4	630	2510	3430	11.5	11.0	10.6
		50 + 60	3.77	4.53	-	-	2.1	8.3	8.4	630	2510	3430	11.5	11.0	10.6
		60 + 60	4.15	4.15	-	-	2.1	8.3	8.4	630	2510	3430	11.5	11.0	10.6
	3 phòng	20 + 20 + 20	2.57	2.57	2.57	-	3.2	7.7	9.1	660	1870	3430	8.6	8.2	7.9
		20 + 20 + 25	2.46	2.46	3.08	-	3.2	8.0	9.1	660	1970	3430	9.0	8.7	8.3
		20 + 20 + 35	2.27	2.27	3.97	-	3.2	8.5	9.1	660	2130	3430	9.8	9.4	9.0
		20 + 20 + 50	2.00	2.00	5.00	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		20 + 20 + 60	1.80	1.80	5.40	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		20 + 25 + 25	2.34	2.93	2.93	-	3.2	8.2	9.1	660	2030	3430	9.3	8.9	8.5
		20 + 25 + 35	2.20	2.75	3.85	-	3.2	8.8	9.1	660	2220	3430	10.2	9.7	9.3
		20 + 25 + 50	1.89	2.37	4.74	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		20 + 25 + 60	1.71	2.14	5.14	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		20 + 35 + 35	2.00	3.50	3.50	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		20 + 35 + 50	1.71	3.00	4.29	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		20 + 35 + 60	1.57	2.74	4.70	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		20 + 50 + 50	1.50	3.75	3.75	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		20 + 50 + 60	1.38	3.46	4.15	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		25 + 25 + 25	2.83	2.83	2.83	-	3.2	8.5	9.1	660	2130	3430	9.8	9.4	9.0
		25 + 25 + 35	2.65	2.65	3.71	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		25 + 25 + 50	2.25	2.25	4.50	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		25 + 25 + 60	2.05	2.05	4.91	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		25 + 35 + 35	2.37	3.32	3.32	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		25 + 35 + 50	2.05	2.86	4.09	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		25 + 35 + 60	1.88	2.63	4.50	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		25 + 50 + 50	1.80	3.60	3.60	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		25 + 50 + 60	1.67	3.33	4.00	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		35 + 35 + 35	3.00	3.00	3.00	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		35 + 35 + 50	2.63	2.63	3.75	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		35 + 35 + 60	2.42	2.42	4.15	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
		35 + 50 + 50	2.33	3.33	3.33	-	3.2	9.0	9.1	660	2300	3430	10.6	10.1	9.7
	4 phòng	20 + 20 + 20 + 20	2.28	2.28	2.28	2.28	3.6	9.1	9.5	800	2270	3430	10.4	10.0	9.6
		20 + 20 + 20 + 25	2.14	2.14	2.14	2.68	3.6	9.1	9.5	800	2270	3430	10.4	10.0	9.6
		20 + 20 + 20 + 35	1.94	1.94	1.94	3.39	3.6	9.2	9.5	800	2290	3430	10.5	10.1	9.6
		20 + 20 + 20 + 50	1.67	1.67	1.67	4.18	3.6	9.2	9.5	800	2290	3430	10.5	10.1	9.6
		20 + 20 + 20 + 60	1.55	1.55	1.55	4.65	3.6	9.3	9.5	800	2310	3430	10.7	10.2	9.8
		20 + 20 + 25 + 25	2.04	2.04	2.56	2.56	3.6	9.2	9.5	800	2290	3430	10.5	10.1	9.6
		20 + 20 + 25 + 35	1.84	1.84	2.30	3.22	3.6	9.2	9.5	800	2290	3430	10.5	10.1	9.6
		20 + 20 + 25 + 50	1.62	1.62	2.02	4.04	3.6	9.3	9.5	800	2310	3430	10.7	10.2	9.8
		20 + 20 + 25 + 60	1.49	1.49	1.86	4.46	3.6	9.3	9.5	800	2310	3430	10.7	10.2	9.8
		20 + 20 + 35 + 35	1.67	1.67	2.93	2.93	3.6	9.2	9.5	800	2290	3430	10.5	10.1	9.6
		20 + 20 + 35 + 50	1.49	1.49	2.60	3.72	3.6	9.3	9.5	800	2310	3430	10.7	10.2	9.8
		20 + 20 + 35 + 60	1.38	1.38	2.41	4.13	3.6	9.3	9.5	800	2310	3430	10.7	10.2	9.8
		20 + 25 + 25 + 25	1.94	2.42	2.42	2.42	3.6	9.2	9.5	800	2290	3430	10.5	10.1	9.6
		20 + 25 + 25 + 35	1.75	2.19	2.19	3.07	3.6	9.2	9.5	800	2290	3430	10.5	10.1	9.6
		20 + 25 + 25 + 50	1.55	1.94	1.94	3.88	3.6	9.3	9.5	800	2310	3430	10.7	10.2	9.8
		20 + 25 + 25 + 60	1.43	1.79	1.79	4.29	3.6	9.3	9.5	800	2310	3430	10.7	10.2	9.8
		20 + 25 + 35 + 35	1.62	2.02	2.83	2.83	3.6	9.3	9.5	800	2310	3430	10.7	10.2	9.8
		20 + 25 + 35 + 50	1.43	1.79	2.50	3.58	3.6	9.3	9.5	800	2310	3430	10.7	10.2	9.8
		20 + 35 + 35 + 35	1.49	2.60	2.60	2.60	3.6	9.3	9.5	800	2310	3430	10.7	10.2	9.8
		25 + 25 + 25 + 25	2.30	2.30	2.30	2.30	3.6	9.2	9.5	800	2290	3430	10.5	10.1	9.6
		25 + 25 + 25 + 35	2.09	2.09	2.09	2.93	3.6	9.2	9.5	800	2290	3430	10.5	10.1	9.6
		25 + 25 + 25 + 50	1.86	1.86	1.86	3.72	3.6	9.3	9.5	800	2310	3430	10.7	10.2	9.8
		25 + 25 + 25 + 60	1.72	1.72	1.72	4.13	3.6	9.3	9.5	800	2310	3430	10.7	10.2	9.8
		25 + 25 + 35 + 35	1.94	1.94	2.71	2.71	3.6	9.3	9.5	800	2310	3430	10.7	10.2	9.8
		25 + 25 + 35 + 50	1.72	1.72	2.41	3.44	3.6	9.3	9.5	800	2310	3430	10.7	10.2	9.8
		25 + 35 + 35 + 35	1.79	2.50	2.50	2.50	3.6	9.3	9.5	800	2310	3430	10.7	10.2	9.8

DÀN LẠNH		Công suất lạnh (kW)							Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
		Công suất lạnh mỗi phòng				Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
		A	B	C	D	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
1 phòng	20	2.0	-	-	-	1.8	2.0	2.7	480	530	950	2.4	2.3	2.2
	25	2.5	-	-	-	1.8	2.5	3.2	480	730	1080	3.4	3.2	3.1
	35	3.5	-	-	-	1.8	3.5	3.7	480	1120	1240	5.1	4.9	4.7
	50	5.0	-	-	-	1.8	5.0	5.8	480	1710	2100	7.9	7.5	7.2
	60	6.0	-	-	-	1.8	6.0	6.7	480	2140	2700	9.8	9.4	9.0
2 phòng	20 + 20	2.00	2.00	-	-	3.0	4.0	5.8	550	930	1910	4.3	4.1	3.9
	20 + 25	2.00	2.50	-	-	3.0	4.5	6.1	550	1170	2060	5.4	5.1	4.9
	20 + 35	2.00	3.50	-	-	3.0	5.5	6.6	550	1590	2320	7.3	7.0	6.7
	20 + 50	1.97	4.93	-	-	3.0	6.9	7.5	550	2200	2830	10.1	9.7	9.3
	20 + 60	1.85	5.55	-	-	3.0	7.4	7.5	550	2430	2830	11.2	10.7	10.2
	25 + 25	2.50	2.50	-	-	3.0	5.0	6.5	550	1360	2270	6.2	6.0	5.7
	25 + 35	2.46	3.44	-	-	3.0	5.9	6.8	550	1780	2470	8.2	7.8	7.5
	25 + 50	2.47	4.93	-	-	3.0	7.4	7.5	550	2430	2830	11.2	10.7	10.2
	25 + 60	2.18	5.22	-	-	3.0	7.4	7.5	550	2430	2830	11.2	10.7	10.2
	35 + 35	3.45	3.45	-	-	3.0	6.9	7.5	550	2200	2680	10.1	9.7	9.3
	35 + 50	3.05	4.35	-	-	3.0	7.4	7.5	550	2430	2830	11.2	10.7	10.2
	35 + 60	2.73	4.67	-	-	3.0	7.4	7.5	550	2430	2830	11.2	10.7	10.2
	50 + 50	3.70	3.70	-	-	3.0	7.4	7.5	550	2430	2830	11.2	10.7	10.2
	50 + 60	3.36	4.04	-	-	3.0	7.4	7.5	550	2430	2830	11.2	10.7	10.2
	60 + 60	3.70	3.70	-	-	3.0	7.4	7.5	550	2430	2830	11.2	10.7	10.2
Hoạt động làm lạnh	20 + 20 + 20	2.00	2.00	2.00	-	3.7	6.0	8.1	670	1450	2830	6.7	6.4	6.1
	20 + 20 + 25	2.00	2.00	2.50	-	3.7	6.5	8.1	670	1630	2830	7.5	7.2	6.9
	20 + 20 + 35	1.89	1.89	3.31	-	3.7	7.1	8.1	670	1950	2830	9.0	8.6	8.2
	20 + 20 + 50	1.73	1.73	4.33	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	20 + 20 + 60	1.56	1.56	4.68	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	20 + 25 + 25	1.94	2.43	2.43	-	3.7	6.8	8.1	670	1820	2830	8.4	8.0	7.7
	20 + 25 + 35	1.88	2.34	3.28	-	3.7	7.5	8.1	670	2130	2830	9.8	9.4	9.0
	20 + 25 + 50	1.64	2.05	4.11	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	20 + 25 + 60	1.49	1.86	4.46	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	20 + 35 + 35	1.73	3.03	3.03	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	20 + 35 + 50	1.49	2.60	3.71	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	20 + 35 + 60	1.36	2.37	4.07	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	20 + 50 + 50	1.30	3.25	3.25	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	20 + 50 + 60	1.20	3.00	3.60	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	25 + 25 + 25	2.37	2.37	2.37	-	3.7	7.1	8.1	670	1950	2830	9.0	8.6	8.2
	25 + 25 + 35	2.29	2.29	3.21	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	25 + 25 + 50	1.95	1.95	3.90	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	25 + 25 + 60	1.77	1.77	4.25	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	25 + 35 + 35	2.05	2.87	2.87	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	25 + 35 + 50	1.77	2.48	3.55	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	25 + 35 + 60	1.63	2.28	3.90	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	25 + 50 + 50	1.56	3.12	3.12	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	25 + 50 + 60	1.44	2.89	3.47	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	35 + 35 + 35	2.60	2.60	2.60	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
	35 + 35 + 50	2.28	2.28	3.25	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8
35 + 35 + 60	2.10	2.10	3.60	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8	
35 + 50 + 50	2.02	2.89	2.89	-	3.7	7.8	8.1	670	2320	2830	10.7	10.2	9.8	
4 phòng	20 + 20 + 20 + 20	1.95	1.95	1.95	1.95	4.4	7.8	8.7	890	2180	2830	9.9	9.5	9.1
	20 + 20 + 20 + 25	1.84	1.84	1.84	2.29	4.4	7.8	8.7	890	2180	2830	9.9	9.5	9.1
	20 + 20 + 20 + 35	1.66	1.66	1.66	2.91	4.4	7.9	8.7	890	2200	2830	10.0	9.6	9.2
	20 + 20 + 20 + 50	1.44	1.44	1.44	3.59	4.4	7.9	8.7	890	2200	2830	10.0	9.6	9.2
	20 + 20 + 20 + 60	1.33	1.33	1.33	4.00	4.4	8.0	8.7	890	2220	2830	10.1	9.7	9.3
	20 + 20 + 25 + 25	1.76	1.76	2.19	2.19	4.4	7.9	8.7	890	2200	2830	10.0	9.6	9.2
	20 + 20 + 25 + 35	1.58	1.58	1.98	2.77	4.4	7.9	8.7	890	2200	2830	10.0	9.6	9.2
	20 + 20 + 25 + 50	1.37	1.37	1.72	3.43	4.4	7.9	8.7	890	2200	2830	10.0	9.6	9.2
	20 + 20 + 25 + 60	1.28	1.28	1.60	3.84	4.4	8.0	8.7	890	2220	2830	10.1	9.7	9.3
	20 + 20 + 35 + 35	1.44	1.44	2.51	2.51	4.4	7.9	8.7	890	2200	2830	10.0	9.6	9.2
	20 + 20 + 35 + 50	1.28	1.28	2.24	3.20	4.4	8.0	8.7	890	2220	2830	10.1	9.7	9.3
	20 + 20 + 35 + 60	1.19	1.19	2.07	3.56	4.4	8.0	8.7	890	2220	2830	10.1	9.7	9.3
	20 + 25 + 25 + 25	1.66	2.08	2.08	2.08	4.4	7.9	8.7	890	2200	2830	10.0	9.6	9.2
	20 + 25 + 25 + 35	1.50	1.88	1.88	2.63	4.4	7.9	8.7	890	2200	2830	10.0	9.6	9.2
	20 + 25 + 25 + 50	1.33	1.67	1.67	3.33	4.4	8.0	8.7	890	2220	2830	10.1	9.7	9.3
	20 + 25 + 25 + 60	1.23	1.54	1.54	3.69	4.4	8.0	8.7	890	2220	2830	10.1	9.7	9.3
	20 + 25 + 35 + 35	1.37	1.72	2.40	2.40	4.4	7.9	8.7	890	2200	2830	10.0	9.6	9.2
	20 + 25 + 35 + 50	1.23	1.54	2.15	3.08	4.4	8.0	8.7	890	2220	2830	10.1	9.7	9.3
	20 + 35 + 35 + 35	1.28	2.24	2.24	2.24	4.4	8.0	8.7	890	2220	2830	10.1	9.7	9.3
	25 + 25 + 25 + 25	1.98	1.98	1.98	1.98	4.4	7.9	8.7	890	2200	2830	10.0	9.6	9.2
	25 + 25 + 25 + 35	1.80	1.80	1.80	2.51	4.4	7.9	8.7	890	2200	2830	10.0	9.6	9.2
	25 + 25 + 25 + 50	1.60	1.60	1.60	3.20	4.4	8.0	8.7	890	2220	2830	10.1	9.7	9.3
	25 + 25 + 25 + 60	1.48	1.48	1.48	3.56	4.4	8.0	8.7	890	2220	2830	10.1	9.7	9.3
	25 + 25 + 35 + 35	1.67	1.67	2.33	2.33	4.4	8.0	8.7	890	2220	2830	10.1	9.7	9.3
	25 + 25 + 35 + 50	1.48	1.48	2.07	2.96	4.4	8.0	8.7	890	2220	2830	10.1	9.7	9.3
25 + 35 + 35 + 35	1.54	2.15	2.15	2.15	4.4	8.0	8.7	890	2220	2830	10.1	9.7	9.3	

DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)							Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)				
			Công suất sưởi mỗi phòng					Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V	
			A	B	C	D	E	F	Tối thiểu	Tiêu chuẩn							
Hoạt động sưởi ấm	1 phòng	20	3.0	-	-	-	-	-	1.5	3.0	3.7	700	1010	1330	4.6	4.4	4.3
		25	3.4	-	-	-	-	-	1.5	3.4	4.2	700	1150	1540	5.3	5.1	4.8
		35	4.5	-	-	-	-	-	1.5	4.5	5.0	700	1540	1840	7.1	6.8	6.5
		50	5.8	-	-	-	-	-	1.5	5.8	6.5	700	2000	2410	9.2	8.8	8.4
		60	6.8	-	-	-	-	-	1.5	6.8	7.5	700	2360	2760	10.8	10.4	9.9
	2 phòng	20+20	3.00	3.00	-	-	-	-	2.1	6.0	7.4	750	1510	1460	6.9	6.6	6.4
		20+25	2.84	3.56	-	-	-	-	2.1	6.4	7.9	750	1630	2210	7.5	7.2	6.9
		20+35	2.73	4.77	-	-	-	-	2.1	7.5	8.7	750	1950	2520	9.0	8.6	8.2
		20+50	2.51	6.29	-	-	-	-	2.1	8.8	10.2	750	2380	3220	10.9	10.5	10.0
		20+60	2.45	7.35	-	-	-	-	2.1	9.8	11.2	750	2780	3620	12.8	12.2	11.7
		25+25	3.40	3.40	-	-	-	-	2.1	6.8	8.4	750	1740	2420	8.0	7.6	7.3
		25+35	3.29	4.61	-	-	-	-	2.1	7.9	9.2	750	2100	2820	9.6	9.2	8.8
		25+50	3.07	6.13	-	-	-	-	2.1	9.2	10.7	750	2580	3610	11.8	11.3	10.9
		25+60	3.00	7.20	-	-	-	-	2.1	10.2	11.7	750	2980	3790	13.7	13.1	12.5
		35+35	4.50	4.50	-	-	-	-	2.1	9.0	10.0	750	2470	3210	11.3	10.8	10.4
		35+50	4.24	6.06	-	-	-	-	2.1	10.3	11.5	750	2980	3710	13.7	13.1	12.5
		35+60	4.16	7.14	-	-	-	-	2.1	11.3	12.5	750	3430	4100	15.7	15.1	14.4
		50+50	5.80	5.80	-	-	-	-	2.1	11.6	13.0	750	3580	4320	16.4	15.7	15.1
		50+60	5.45	6.55	-	-	-	-	2.1	12.0	13.5	750	3720	4520	17.1	16.3	15.7
		60+60	6.00	6.00	-	-	-	-	2.1	12.0	13.5	750	3720	4520	17.1	16.3	15.7
	3 phòng	20+20+20	3.00	3.00	3.00	-	-	-	3.2	9.0	11.1	780	2230	3350	10.2	9.8	9.4
		20+20+25	2.89	2.89	3.62	-	-	-	3.2	9.4	11.6	780	2350	3550	10.8	10.3	9.9
		20+20+35	2.80	2.80	4.90	-	-	-	3.2	10.5	12.4	780	2710	3820	12.4	11.9	11.4
		20+20+50	2.62	2.62	6.56	-	-	-	3.2	11.8	13.5	780	3210	4190	14.7	14.1	13.5
		20+20+60	2.40	2.40	7.20	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3350	4190	15.4	14.7	14.1
		20+25+25	2.80	3.50	3.50	-	-	-	3.2	9.8	12.1	780	2510	3720	11.5	11.0	10.6
		20+25+35	2.73	3.41	4.77	-	-	-	3.2	10.9	12.9	780	2910	3990	13.4	12.8	12.2
		20+25+50	2.53	3.16	6.32	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3350	4190	15.4	14.7	14.1
		20+25+60	2.29	2.86	6.86	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3350	4190	15.4	14.7	14.1
		20+35+35	2.67	4.67	4.67	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3360	4190	15.4	14.8	14.1
		20+35+50	2.29	4.00	5.71	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3350	4190	15.4	14.7	14.1
		20+35+60	2.09	3.65	6.26	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3340	4190	15.3	14.7	14.1
		20+50+50	2.00	5.00	5.00	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3340	4190	15.3	14.7	14.1
		20+50+60	1.85	4.62	5.54	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3340	4190	15.3	14.7	14.1
		20+60+60	1.71	5.14	5.14	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3330	4190	15.3	14.6	14.0
		25+25+25	3.40	3.40	3.40	-	-	-	3.2	10.2	12.6	780	2710	3880	12.4	11.9	11.4
		25+25+35	3.32	3.32	4.65	-	-	-	3.2	11.3	13.4	780	3110	4120	14.3	13.7	13.1
		25+25+50	3.00	3.00	6.00	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3350	4190	15.4	14.7	14.1
		25+25+60	2.73	2.73	6.55	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3350	4190	15.4	14.7	14.1
		25+35+35	3.16	4.42	4.42	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3350	4190	15.4	14.7	14.1
		25+35+50	2.73	3.82	5.45	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3350	4190	15.4	14.7	14.1
		25+35+60	2.50	3.50	6.00	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3340	4190	15.3	14.7	14.1
		25+50+50	2.40	4.80	4.80	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3340	4190	15.3	14.7	14.1
		25+50+60	2.22	4.44	5.33	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3330	4190	15.3	14.6	14.0
		25+60+60	2.07	4.97	4.97	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3330	4190	15.3	14.6	14.0
		35+35+35	4.00	4.00	4.00	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3350	4190	15.4	14.7	14.1
		35+35+50	3.50	3.50	5.00	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3340	4190	15.3	14.7	14.1
		35+35+60	3.23	3.23	5.54	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3340	4190	15.3	14.7	14.1
		35+50+50	3.11	4.44	4.44	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3330	4190	15.3	14.6	14.0
		35+50+60	2.90	4.14	4.97	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3330	4190	15.3	14.6	14.0
		35+60+60	2.71	4.65	4.65	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3320	4190	15.2	14.6	14.0
		50+50+50	4.00	4.00	4.00	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3330	4190	15.3	14.6	14.0
		50+50+60	3.75	3.75	4.50	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3320	4190	15.2	14.6	14.0
	4 phòng	20+20+20+20	3.00	3.00	3.00	3.00	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3230	3840	14.7	14.1	13.5
		20+20+20+25	2.82	2.82	2.82	3.53	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3230	3840	14.7	14.1	13.5
		20+20+20+35	2.53	2.53	2.53	4.42	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3230	3840	14.7	14.1	13.5
		20+20+20+50	2.18	2.18	2.18	5.45	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3220	3840	14.7	14.0	13.4
		20+20+20+60	2.00	2.00	2.00	6.00	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3220	3840	14.7	14.0	13.4
		20+20+25+25	2.67	2.67	3.33	3.33	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3230	3840	14.7	14.1	13.5
		20+20+25+35	2.40	2.40	3.00	4.20	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3220	3840	14.7	14.0	13.4
		20+20+25+50	2.09	2.09	2.61	5.22	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3220	3840	14.7	14.0	13.4
		20+20+25+60	1.92	1.92	2.40	5.76	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3340	3840	15.2	14.5	13.9
		20+20+35+35	2.18	2.18	3.82	3.82	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3220	3840	14.7	14.0	13.4
		20+20+35+50	1.92	1.92	3.36	4.80	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3340	3840	15.2	14.5	13.9
		20+20+35+60	1.78	1.78	3.11	5.33	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3210	3840	14.6	14.0	13.4
		20+20+50+50	1.71	1.71	4.29	4.29	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3210	3840	14.6	14.0	13.4
		20+20+50+60	1.60	1.60	4.00	4.80	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3210	3840	14.6	14.0	13.4
		20+20+60+60	1.50	1.50	4.50	4.50	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3200	3840	14.6	13.9	13.3
		20+25+25+25	2.53	3.16	3.16	3.16	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3230	3840	14.7	14.1	13.5
		20+25+25+35	2.29	2.86	2.86	4.00	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3220	3840	14.7	14.0	13.4
		20+25+25+50	2.00	2.50	2.50	5.00	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3220	3840	14.7	14.0	13.4
		20+25+25+60	1.85	2.31	2.31	5.54	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3340	3840	15.2	14.5	13.9
		20+25+35+35	2.09	2.61	3.65	3.65	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3220	3840	14.7	14.0	13.4
		20+25+35+50	1.85	2.31	3.23	4.62	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3340	3840	15.2	14.5	13.9
		20+25+35+60	1.71	2.14	3.00	5.14	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3210	3840	14.6	14.0	13.4
		20+25+50+50	1.66	2.07	4.14	4.14	-	-	3.6	12.0	13.5	950	3210	3840	14.6	14.0	13.4
		20+25+50+60	1.55	1.													



DÀN LẠNH			Công suất lạnh (kW)							Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)					
			Công suất lạnh mỗi phòng						Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V	
			A	B	C	D	E	F	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa							
Hoạt động làm lạnh	1 phòng	20	2.0	-	-	-	-	-	1.8	2.0	2.8	650	750	1100	3.4	3.3	3.2	
		25	2.5	-	-	-	-	-	1.8	2.5	3.4	650	950	1350	4.4	4.2	4.0	
		35	3.5	-	-	-	-	-	1.8	3.5	3.9	650	1400	1600	6.4	6.1	5.9	
		50	5.0	-	-	-	-	-	1.8	5.0	6.1	650	2000	2500	9.2	8.8	8.4	
		60	6.0	-	-	-	-	-	1.8	6.0	7.0	650	2450	3000	11.2	10.8	10.3	
	2 phòng	20+20	2.00	2.00	-	-	-	-	3.0	4.0	5.6	740	910	1460	4.2	4.0	3.8	
		20+25	2.00	2.50	-	-	-	-	3.0	4.5	6.2	740	1050	1820	4.8	4.6	4.4	
		20+35	2.00	3.50	-	-	-	-	3.0	5.5	6.7	740	1430	2020	6.6	6.3	6.0	
		20+50	2.00	5.00	-	-	-	-	3.0	7.0	8.9	740	2180	2820	10.0	9.6	9.2	
		20+60	2.00	6.00	-	-	-	-	3.0	8.0	9.8	740	2530	3360	11.6	11.1	10.6	
		25+25	2.50	2.50	-	-	-	-	3.0	5.0	6.8	740	1350	2200	6.2	5.9	5.7	
		25+35	2.50	3.50	-	-	-	-	3.0	6.0	7.3	740	1720	2320	7.9	7.6	7.2	
		25+50	2.50	5.00	-	-	-	-	3.0	7.5	9.5	740	2350	3220	10.8	10.3	9.9	
		25+60	2.50	6.00	-	-	-	-	3.0	8.5	9.8	740	2680	3360	12.3	11.8	11.3	
		35+35	3.50	3.50	-	-	-	-	3.0	7.0	7.8	740	2180	2820	10.0	9.6	9.2	
		35+50	3.50	5.00	-	-	-	-	3.0	8.5	10.0	740	2680	3620	12.3	11.8	11.3	
		35+60	3.50	6.00	-	-	-	-	3.0	9.5	10.9	740	3120	3990	14.3	13.7	13.1	
		50+50	5.00	5.00	-	-	-	-	3.0	10.0	12.0	740	3350	4400	15.4	14.7	14.1	
		50+60	4.55	5.45	-	-	-	-	3.0	10.0	12.0	740	3350	4400	15.4	14.7	14.1	
		60+60	5.00	5.00	-	-	-	-	3.0	10.0	12.0	740	3340	4400	15.3	14.7	14.1	
	3 phòng	20+20+20	2.00	2.00	2.00	-	-	-	3.7	6.0	8.4	880	1460	2560	6.7	6.4	6.1	
		20+20+25	2.00	2.00	2.50	-	-	-	3.7	6.5	9.0	880	1650	2700	7.6	7.2	6.9	
		20+20+35	2.00	2.00	3.50	-	-	-	3.7	7.5	9.5	880	1980	3120	9.1	8.7	8.3	
		20+20+50	2.00	2.00	5.00	-	-	-	3.7	9.0	11.7	880	2600	4120	11.9	11.4	10.9	
		20+20+60	2.00	2.00	6.00	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3120	4250	14.3	13.7	13.1	
		20+25+25	2.00	2.50	2.50	-	-	-	3.7	7.0	9.6	880	1850	3210	8.5	8.1	7.8	
		20+25+35	2.00	2.50	3.50	-	-	-	3.7	8.0	10.1	880	2320	3630	10.7	10.2	9.8	
		20+25+50	2.00	2.50	5.00	-	-	-	3.7	9.5	12.0	880	2980	4250	13.7	13.1	12.5	
		20+25+60	1.90	2.38	5.71	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3120	4250	14.3	13.7	13.1	
		20+35+35	2.00	3.50	3.50	-	-	-	3.7	9.0	10.6	880	2780	3750	12.8	12.2	11.7	
		20+35+50	1.90	3.33	4.76	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3120	4250	14.3	13.7	13.1	
		20+35+60	1.74	3.04	5.22	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3110	4250	14.3	13.7	13.1	
		20+50+50	1.67	4.17	4.17	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3110	4250	14.3	13.7	13.1	
		20+50+60	1.54	3.85	4.62	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3110	4250	14.3	13.7	13.1	
		20+60+60	1.43	4.29	4.29	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3100	4250	14.2	13.6	13.0	
		25+25+25	2.50	2.50	2.50	-	-	-	3.7	7.5	10.2	880	2030	3640	9.3	8.9	8.5	
		25+25+35	2.50	2.50	3.50	-	-	-	3.7	8.5	10.7	880	2520	3900	11.6	11.1	10.6	
		25+25+50	2.50	2.50	5.00	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3120	4250	14.3	13.7	13.1	
		25+25+60	2.27	2.27	5.45	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3120	4250	14.3	13.7	13.1	
		25+35+35	2.50	3.50	3.50	-	-	-	3.7	9.5	11.2	880	2980	3990	13.7	13.1	12.5	
		25+35+50	2.27	3.18	4.55	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3120	4250	14.3	13.7	13.1	
		25+35+60	2.08	2.92	5.00	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3110	4250	14.3	13.7	13.1	
		25+50+50	2.00	4.00	4.00	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3110	4250	14.3	13.7	13.1	
		25+50+60	1.85	3.70	4.44	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3100	4250	14.2	13.6	13.0	
		25+60+60	1.72	4.14	4.14	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3100	4250	14.2	13.6	13.0	
		35+35+35	3.33	3.33	3.33	-	-	-	3.7	10.0	11.7	880	3120	4180	14.3	13.7	13.1	
		35+35+50	2.92	2.92	4.17	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3110	4250	14.3	13.7	13.1	
		35+35+60	2.69	2.69	4.62	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3110	4250	14.3	13.7	13.1	
		35+50+50	2.59	3.70	3.70	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3100	4250	14.2	13.6	13.0	
		35+50+60	2.41	3.45	4.14				3.7	10.0	12.0	880	3100	4250	14.2	13.6	13.0	
		35+60+60	2.26	3.87	3.87				3.7	10.0	12.0	880	3090	4250	14.2	13.6	13.0	
	4 phòng	50+50+50	3.33	3.33	3.33	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	3100	4250	14.2	13.6	13.0	
		50+50+60	3.13	3.13	3.75	-	-	-	3.7	10.0	12.0	880	-	3090	4250	14.2	13.6	13.0
		20+20+20+20	2.00	2.00	2.00	2.00	-	-	4.4	8.0	11.2	1100	2050	3680	9.3	8.9	8.6	
		20+20+20+25	2.00	2.00	2.00	2.50	-	-	4.4	8.5	11.8	1100	2320	3890	10.6	10.1	9.7	
		20+20+20+35	2.00	2.00	2.00	3.50	-	-	4.4	9.5	12.0	1100	2820	4050	12.8	12.3	11.8	
		20+20+20+50	1.82	1.82	1.82	4.55	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3020	4050	13.7	13.1	12.6	
		20+20+20+60	1.67	1.67	1.67	5.00	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3020	4050	13.7	13.1	12.6	
		20+20+25+25	2.00	2.00	2.50	2.50	-	-	4.4	9.0	12.0	1100	2520	4050	11.5	11.0	10.5	
		20+20+25+35	2.00	2.00	2.50	3.50	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3030	4050	13.8	13.2	12.6	
		20+20+25+50	1.74	1.74	2.17	4.35	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3020	4050	13.7	13.1	12.6	
		20+20+25+60	1.60	1.60	2.00	4.80	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3010	4050	13.7	13.1	12.6	
		20+20+35+35	1.82	1.82	3.18	3.18	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3020	4050	13.7	13.1	12.6	
		20+20+35+50	1.60	1.60	2.80	4.00	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3010	4050	13.7	13.1	12.6	
		20+20+35+60	1.48	1.48	2.59	4.44	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3010	4050	13.7	13.1	12.6	
		20+20+50+50	1.43	1.43	3.57	3.57	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3010	4050	13.7	13.1	12.6	
		20+20+50+60	1.33	1.33	3.33	4.00	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3000	4050	13.7	13.1	12.5	
		20+20+60+60	1.25	1.25	3.75	3.75	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	2990	4050	13.6	13.0	12.5	
		20+25+25+25	2.00	2.50	2.50	2.50	-	-	4.4	9.5	12.0	1100	2820	4050	12.8	12.3	11.8	
		20+25+25+35	1.90	2.38	2.38	3.33	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3030	4050	13.8	13.2	12.6	
		20+25+25+50	1.67	2.08	2.08	4.17	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3020	4050	13.7	13.1	12.6	
		20+25+25+60	1.54	1.92	1.92	4.62	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3010	4050	13.7	13.1	12.6	
		20+25+35+35	1.74	2.17	3.04	3.04	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3020	4050	13.7	13.1	12.6	
		20+25+35+50	1.54	1.92	2.69	3.85	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3010	4050	13.7	13.1	12.6	
		20+25+35+60	1.43	1.79	2.50	4.29	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3010	4050	13.7	13.1	12.6	
		20+25+50+50	1.38	1.72	3.45	3.45	-	-	4.4	10.0	12.0	1100	3000	4050	13.7	13.1	12.5	
		20+25+50+60	1.29	1.61	3.23</													

DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)									Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)		
			Công suất sưởi mỗi phòng						Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	C	D	E	F	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
1 phòng	20	3.0	-	-	-	-	-	1.5	3.0	3.6	700	1220	1330	5.6	5.4	5.1	
	25	3.4	-	-	-	-	-	1.5	3.4	4.1	700	1265	1540	5.8	5.6	5.3	
	35	4.5	-	-	-	-	-	1.5	4.5	4.9	700	1650	1840	7.6	7.2	6.9	
	50	5.8	-	-	-	-	-	1.5	5.8	6.4	700	2120	2410	9.7	9.3	8.9	
	60	6.8	-	-	-	-	-	1.5	6.8	7.4	700	2500	2760	11.5	11.0	10.5	
	71	8.0	-	-	-	-	-	1.5	8.0	8.1	700	3020	3090	13.9	13.3	12.7	
	20+20	3.00	3.00	-	-	-	-	2.1	6.0	7.2	750	1540	1860	7.1	6.8	6.5	
	20+25	2.84	3.56	-	-	-	-	2.1	6.4	7.7	750	1660	2210	7.6	7.3	7.0	
	20+35	2.73	4.77	-	-	-	-	2.1	7.5	8.5	750	1990	2520	9.1	8.7	8.4	
	20+50	2.51	6.29	-	-	-	-	2.1	8.8	10.0	750	2430	3220	11.2	10.7	10.2	
2 phòng	20+60	2.45	7.35	-	-	-	-	2.1	9.8	11.0	750	2840	3620	13.0	12.5	12.0	
	20+71	2.42	8.58	-	-	-	-	2.1	11.0	11.6	750	2840	3620	13.0	12.5	12.0	
	25+25	3.40	3.40	-	-	-	-	2.1	6.8	8.2	750	1770	2420	8.1	7.8	7.4	
	25+35	3.29	4.61	-	-	-	-	2.1	7.9	9.0	750	2140	2820	9.8	9.4	9.0	
	25+50	3.07	6.13	-	-	-	-	2.1	9.2	10.5	750	2630	3610	12.1	11.6	11.1	
	25+60	3.00	7.20	-	-	-	-	2.1	10.2	11.5	750	3040	3790	14.0	13.4	12.8	
	25+71	2.97	8.43	-	-	-	-	2.1	11.4	12.1	750	3440	4250	15.8	15.1	14.5	
	35+35	4.50	4.50	-	-	-	-	2.1	9.0	9.8	750	2520	3210	11.6	11.1	10.6	
	35+50	4.24	6.06	-	-	-	-	2.1	10.3	11.3	750	3040	3710	14.0	13.4	12.8	
	35+60	4.16	7.14	-	-	-	-	2.1	11.3	12.3	750	3420	4320	15.7	15.0	14.4	
3 phòng	35+71	3.96	8.04	-	-	-	-	2.1	12.0	12.9	750	4030	4690	18.5	17.7	17.0	
	50+50	5.80	5.80	-	-	-	-	2.1	11.6	12.8	750	3660	4620	16.8	16.1	15.4	
	50+60	5.45	6.55	-	-	-	-	2.1	12.0	13.3	750	4030	4920	18.5	17.7	17.0	
	50+71	4.96	7.04					2.1	12.0	13.3	750	4030	4920	18.5	17.7	17.0	
	60+60	6.00	6.00	-	-	-	-	2.1	12.0	13.3	750	4030	4920	18.5	17.7	17.0	
	60+71	5.50	6.50	-	-	-	-	2.1	12.0	13.3	750	4030	4920	18.5	17.7	17.0	
	71+71	6.00	6.00	-	-	-	-	2.1	12.0	13.3	750	4030	4920	18.5	17.7	17.0	
	20+20+20	3.00	3.00	3.00	-	-	-	3.2	9.0	10.9	780	2270	3350	10.4	10.0	9.6	
	20+20+25	2.89	2.89	3.62	-	-	-	3.2	9.4	11.4	780	2400	3550	11.0	10.5	10.1	
	20+20+35	2.80	2.80	4.90	-	-	-	3.2	10.5	12.2	780	2760	3820	12.7	12.1	11.6	
4 phòng	20+20+50	2.62	2.62	6.56	-	-	-	3.2	11.8	13.3	780	3270	4290	15.0	14.4	13.8	
	20+20+60	2.40	2.40	7.20	-	-	-	3.2	12.0	13.3	780	3420	4290	15.7	15.0	14.4	
	20+20+71	2.16	2.16	7.68	-	-	-	3.2	12.0	13.3	780	3410	4290	15.7	15.0	14.4	
	20+25+25	2.80	3.50	3.50	-	-	-	3.2	9.8	11.9	780	2560	3720	11.8	11.2	10.8	
	20+25+35	2.73	3.41	4.77	-	-	-	3.2	10.9	12.7	780	2970	3990	13.6	13.0	12.5	
	20+25+50	2.53	3.16	6.32	-	-	-	3.2	12.0	13.3	780	3420	4290	15.7	15.0	14.4	
	20+25+60	2.29	2.86	6.86	-	-	-	3.2	12.0	13.3	780	3420	4290	15.7	15.0	14.4	
	20+25+71	2.07	2.59	7.34	-	-	-	3.2	12.0	13.3	780	3410	4290	15.7	15.0	14.4	
	20+35+35	2.67	4.67	4.67	-	-	-	3.2	12.0	13.3	780	3420	4290	15.7	15.0	14.4	
	20+35+50	2.29	4.00	5.71	-	-	-	3.2	12.0	13.3	780	3420	4290	15.7	15.0	14.4	



DÀN LẠNH			Công suất lạnh (kW)								Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)			
			Công suất lạnh mỗi phòng						Tổng công suất		Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V	
			A	B	C	D	E	F	Tối thiểu	Tiêu chuẩn							Tối đa
1 phòng	20	2.0	-	-	-	-	-	1.8	2.0	2.7	650	780	1100	3.6	3.4	3.3	
	25	2.5	-	-	-	-	-	1.8	2.5	3.2	650	1000	1350	4.6	4.4	4.2	
	35	3.5	-	-	-	-	-	1.8	3.5	3.7	650	1500	1600	6.9	6.6	6.3	
	50	5.0	-	-	-	-	-	1.8	5.0	5.8	650	2150	2500	9.9	9.4	9.0	
	60	6.0	-	-	-	-	-	1.8	6.0	6.7	650	2720	3000	12.5	11.9	11.4	
2 phòng	71	7.1	-	-	-	-	-	1.8	7.1	7.2	650	3250	3080	14.9	14.3	13.7	
	20+20	2.00	2.00	-	-	-	-	3.0	4.0	5.4	740	960	1460	4.4	4.2	4.0	
	20+25	2.00	2.50	-	-	-	-	3.0	4.5	5.9	740	1100	1820	5.1	4.8	4.6	
	20+35	2.00	3.50	-	-	-	-	3.0	5.5	6.4	740	1500	2020	6.9	6.6	6.3	
	20+50	2.00	5.00	-	-	-	-	3.0	7.0	8.5	740	2290	2820	10.5	10.1	9.6	
	20+60	2.00	6.00	-	-	-	-	3.0	8.0	9.4	740	2660	3360	12.2	11.7	11.2	
	20+71	2.00	7.10	-	-	-	-	3.0	9.1	9.9	740	3100	3780	14.1	13.5	12.9	
	25+25	2.50	2.50	-	-	-	-	3.0	5.0	6.8	740	1420	2200	6.5	6.2	6.0	
	25+35	2.50	3.50	-	-	-	-	3.0	6.0	6.9	740	1810	2320	8.3	7.9	7.6	
	25+50	2.50	5.00	-	-	-	-	3.0	7.5	9.0	740	2470	3220	11.3	10.8	10.4	
	25+60	2.50	6.00	-	-	-	-	3.0	8.5	9.4	740	2810	3360	12.9	12.3	11.8	
	25+71	2.53	7.17	-	-	-	-	3.0	9.7	10.4	740	3350	4020	15.4	14.7	14.1	
	35+35	3.50	3.50	-	-	-	-	3.0	7.0	7.4	740	2290	2820	10.5	10.1	9.6	
	35+50	3.50	5.00	-	-	-	-	3.0	8.5	9.5	740	2810	3620	12.9	12.3	11.8	
	35+60	3.50	6.00	-	-	-	-	3.0	9.5	10.4	740	3280	3990	15.1	14.4	13.8	
	35+71	3.30	6.70	-	-	-	-	3.0	10.0	10.9	740	3480	4250	15.8	15.1	14.5	
	50+50	5.00	5.00	-	-	-	-	3.0	10.0	11.6	740	3480	4350	16.0	15.3	14.6	
	50+60	4.55	5.45	-	-	-	-	3.0	10.0	11.8	740	3480	4410	16.0	15.3	14.6	
	50+71	4.13	5.87	-	-	-	-	3.0	10.0	11.8	740	3470	4410	15.8	15.1	14.5	
	60+60	5.00	5.00	-	-	-	-	3.0	10.0	11.8	740	3470	4410	15.9	15.2	14.6	
	60+71	4.58	5.42	-	-	-	-	3.0	10.0	11.8	740	3470	4410	15.8	15.1	14.5	
	71+71	5.00	5.00	-	-	-	-	3.0	10.0	11.8	740	3460	4410	15.6	14.9	14.3	
	3 phòng	20+20+20	2.00	2.00	2.00	-	-	-	3.7	6.0	8.1	880	1530	2490	7.0	6.7	6.4
		20+20+25	2.00	2.00	2.50	-	-	-	3.7	6.5	8.6	880	1730	2700	7.9	7.6	7.3
		20+20+35	2.00	2.00	3.50	-	-	-	3.7	7.5	9.1	880	2080	3120	9.6	9.1	8.8
20+20+50		2.00	2.00	5.00	-	-	-	3.7	9.0	11.2	880	2730	4000	12.5	12.0	11.5	
20+20+60		2.00	2.00	6.00	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3280	4250	15.1	14.4	13.8	
20+20+71		1.80	1.80	6.40	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3280	4250	15.1	14.4	13.8	
20+25+25		2.00	2.50	2.50	-	-	-	3.7	7.0	9.1	880	1940	3210	8.9	8.5	8.2	
20+25+35		2.00	2.50	3.50	-	-	-	3.7	8.0	9.6	880	2440	3630	11.2	10.7	10.3	
20+25+50		2.00	2.50	5.00	-	-	-	3.7	9.5	11.5	880	3130	4120	14.4	13.7	13.2	
20+25+60		1.90	2.38	5.71	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3280	4250	15.1	14.4	13.8	
20+25+71		1.72	2.16	6.12	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3280	4250	15.1	14.4	13.8	
20+35+35		2.00	3.50	3.50	-	-	-	3.7	9.0	10.1	880	2920	3640	13.4	12.8	12.3	
20+35+50		1.90	3.33	4.76	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3280	4250	15.1	14.4	13.8	
20+35+60		1.74	3.04	5.22	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3280	4250	15.1	14.4	13.8	
20+35+71		1.59	2.78	5.63	-	-	-	4.7	10.0	11.8	880	3270	4250	15.0	14.4	13.8	
20+50+50		1.67	4.17	4.17	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3270	4250	15.0	14.4	13.8	
20+50+60		1.54	3.85	4.62	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3270	4250	15.0	14.4	13.8	
20+50+71		1.42	3.55	5.04	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3260	4250	15.0	14.3	13.7	
20+60+60		1.43	4.29	4.29	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3260	4250	15.0	14.3	13.7	
20+60+71		1.32	3.97	4.70	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3260	4250	15.0	14.3	13.7	
25+25+25		2.50	2.50	2.50	-	-	-	3.7	7.5	9.4	880	2130	3340	9.8	9.4	9.0	
25+25+35		2.50	2.50	3.50	-	-	-	3.7	8.5	9.9	880	2650	3540	12.2	11.6	11.2	
25+25+50		2.50	2.50	5.00	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3280	4250	15.1	14.4	13.8	
25+25+60		2.27	2.27	5.45	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3280	4250	15.1	14.4	13.8	
25+25+71		2.07	2.07	5.87	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3270	4250	15.0	14.4	13.8	
25+35+35		2.50	3.50	3.50	-	-	-	3.7	9.5	10.4	880	3130	3950	14.4	13.7	13.2	
25+35+50		2.27	3.18	4.55	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3280	4250	15.1	14.4	13.8	
25+35+60		2.08	2.92	5.00	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3270	4250	15.0	14.4	13.8	
25+35+71		1.91	2.67	5.42	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3270	4250	15.0	14.4	13.8	
25+50+50		2.00	4.00	4.00	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3270	4250	15.0	14.4	13.8	
25+50+60		1.85	3.70	4.44	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3270	4250	15.0	14.4	13.8	
25+50+71		1.71	3.42	4.86	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3260	4250	21.4	20.5	19.7	
25+60+60		1.72	4.14	4.14	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3260	4250	21.4	20.5	19.7	
25+60+71		1.60	3.85	4.55	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3260	4250	21.4	20.5	19.7	
35+35+35		3.33	3.33	3.33	-	-	-	3.7	10.0	10.9	880	3280	4120	15.1	14.4	13.8	
35+35+50		2.92	2.92	4.17	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3270	4250	15.0	14.4	13.8	
35+35+60		2.69	2.69	4.62	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3270	4250	15.0	14.4	13.8	
35+35+71		2.48	2.48	5.04	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3260	4250	14.8	14.2	13.6	
35+50+50		2.59	3.70	3.70	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3270	4250	15.0	14.4	13.8	
35+50+60		2.41	3.45	4.14	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3260	4250	15.0	14.3	13.7	
35+50+71		2.24	3.21	4.55	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3260	4250	15.0	14.3	13.7	
35+60+60		2.26	3.87	3.87	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3260	4250	15.0	14.3	13.7	
4 phòng	50+50+50	3.33	3.33	3.33	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3260	4250	15.0	14.3	13.7	
	50+50+60	3.13	3.13	3.75	-	-	-	3.7	10.0	11.8	880	3260	4250	15.0	14.3	13.7	
	20+20+20+20	2.00	2.00	2.00	2.00	-	-	4.4	8.0	10.8	1100	2110	3680	9.6	9.2	8.8	
	20+20+20+25	2.00	2.00	2.00	2.50	-	-	4.4	8.5	11.1	1100	2390	3890	10.9	10.4	10.0	
	20+20+20+35	2.00	2.00	2.00	3.50	-	-	4.4	9.5	11.6	1100	2900	3990	13.2	12.6	12.1	
	20+20+20+50	1.82	1.82	1.82	4.55	-	-	4.4	10.0	11.8	1100	3210	4050	14.6	14.0	13.4	
	20+20+20+60	1.67	1.67	1.67	5.00	-	-	4.4	10.0	11.8	1100	3210	4050	14.6	14.0	13.4	
	20+20+20+71	1.53	1.53	1.53	5.42	-	-	4.4	10.0	11.8	1100	3200	4050	14.4	13.8	13.2	
	20+20+25+25	2.00	2.00	2.50	2.50	-	-	4.4	9.0	11.6	1100	2600	3990	11.8	11.3	10.8	
	20+20+25+35	2.00	2.00	2.50	3.50	-	-	4.4	10.0	11.8	1100	3220	4050	14.7	14.0	13.4	
	20+20+25+50	1.74	1.74	2.17	4.35	-	-	4.4	10.0	11.8	1100	3210	4050	14.6	14.0	13.4	
	20+20+25+60	1.60	1.60	2.00	4.80	-	-	4.4	10.0	11.8	1100	3210	4050	14.6	14.0	13.4	
	20+20+25+71	1.47	1.47	1.84	5.22	-	-	4.4	10.0	11.8	1100	3200	4050	14.6	13.9	13.3	
	20+20+35+35	1.82	1.82	3.18	3.												

| SCM125ZM-S Bảng kết hợp với dàn lạnh SRK-ZSX

DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)							Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)						
			Công suất sưởi mỗi phòng					Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V			
			A	B	C	D	E	F	Tối thiểu	Tiêu chuẩn							Tối đa		
1	phòng	20	3.0	-	-	-	-	-	1.5	3.0	3.7	700	1010	1330	4.6	4.4	4.3		
		25	3.4	-	-	-	-	-	1.5	3.4	4.2	700	1150	1540	5.3	5.1	4.8		
		35	4.5	-	-	-	-	-	1.5	4.5	5.0	700	1540	1840	7.1	6.8	6.5		
		50	5.8	-	-	-	-	-	1.5	5.8	6.5	700	2000	2410	9.2	8.8	8.4		
		60	6.8	-	-	-	-	-	1.5	6.8	7.5	700	2360	2760	10.8	10.4	9.9		
2	phòng	20+20	3.00	3.00	-	-	-	-	2.1	6.0	7.4	750	1510	1460	6.9	6.6	6.4		
		20+25	2.84	3.56	-	-	-	-	2.1	6.4	7.9	750	1630	2210	7.5	7.2	6.9		
		20+35	2.73	4.77	-	-	-	-	2.1	7.5	8.7	750	1950	2520	9.0	8.6	8.2		
		20+50	2.51	6.29	-	-	-	-	2.1	8.8	10.2	750	2380	3220	10.9	10.5	10.0		
		20+60	2.45	7.35	-	-	-	-	2.1	9.8	11.2	750	2780	3620	12.8	12.2	11.7		
		25+25	3.40	3.40	-	-	-	-	2.1	6.8	8.4	750	1740	2420	8.0	7.6	7.3		
		25+35	3.29	4.61	-	-	-	-	2.1	7.9	9.2	750	2100	2820	9.6	9.2	8.8		
		25+50	3.07	6.13	-	-	-	-	2.1	9.2	10.7	750	2580	3610	11.8	11.3	10.9		
		25+60	3.00	7.20	-	-	-	-	2.1	10.2	11.7	750	2980	3790	13.7	13.1	12.5		
		35+35	4.50	4.50	-	-	-	-	2.1	9.0	10.0	750	2470	3210	11.3	10.8	10.4		
		35+50	4.24	6.06	-	-	-	-	2.1	10.3	11.5	750	2980	3710	13.7	13.1	12.5		
		35+60	4.16	7.14	-	-	-	-	2.1	11.3	12.5	750	3350	4320	15.4	14.7	14.1		
		50+50	5.80	5.80	-	-	-	-	2.1	11.6	13.0	750	3590	4620	16.5	15.8	15.1		
		50+60	5.73	6.87	-	-	-	-	2.1	12.6	14.0	750	4010	5230	18.4	17.6	16.9		
		60+60	6.75	6.75	-	-	-	-	2.1	13.5	14.0	750	4450	5230	20.4	19.5	18.7		
3	phòng	20+20+20	3.00	3.00	3.00	-	-	-	3.2	9.0	11.1	780	2230	3350	10.2	9.8	9.4		
		20+20+25	2.89	2.89	3.62	-	-	-	3.2	9.4	11.6	780	2350	3550	10.8	10.3	9.9		
		20+20+35	2.80	2.80	4.90	-	-	-	3.2	10.5	12.4	780	2710	3820	12.4	11.9	11.4		
		20+20+50	2.62	2.62	6.56	-	-	-	3.2	11.8	13.9	780	3210	4290	14.7	14.1	13.5		
		20+20+60	2.56	2.56	7.68	-	-	-	3.2	12.8	14.0	780	3620	4350	16.6	15.9	15.2		
		20+25+25	2.80	3.50	3.50	-	-	-	3.2	9.8	12.1	780	2510	3720	11.5	11.0	10.6		
		20+25+35	2.73	3.41	4.77	-	-	-	3.2	10.9	12.9	780	2910	3990	13.4	12.8	12.2		
		20+25+50	2.57	3.21	6.42	-	-	-	3.2	12.2	14.0	780	3410	4350	15.7	15.0	14.4		
		20+25+60	2.51	3.14	7.54	-	-	-	3.2	13.2	14.0	780	3910	4350	18.0	17.2	16.5		
		20+35+35	2.67	4.67	4.67	-	-	-	3.2	12.0	13.7	780	3390	4220	15.6	14.9	14.3		
		20+35+50	2.53	4.43	6.33	-	-	-	3.2	13.3	14.0	780	3900	4350	17.9	17.1	16.4		
		20+35+60	2.35	4.11	7.04	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4050	4350	18.6	17.8	17.0		
		20+50+50	2.25	5.63	5.63	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4050	4350	18.6	17.8	17.0		
		20+50+60	2.08	5.19	6.23	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4050	4350	18.6	17.8	17.0		
		20+60+60	1.93	5.79	5.79	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4050	4350	18.6	17.8	17.0		
		25+25+25	3.40	3.40	3.40	-	-	-	3.2	10.2	12.6	780	2710	3880	12.4	11.9	11.4		
		25+25+35	3.32	3.32	4.65	-	-	-	3.2	11.3	13.4	780	3110	4120	14.3	13.7	13.1		
		25+25+50	3.15	3.15	6.30	-	-	-	3.2	12.6	14.0	780	3620	4350	16.6	15.9	15.2		
		25+25+60	3.07	3.07	7.36	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4050	4350	18.6	17.8	17.0		
		25+35+35	3.26	4.57	4.57	-	-	-	3.2	12.4	14.0	780	3710	4350	17.0	16.3	15.6		
		25+35+50	3.07	4.30	6.14	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4060	4350	18.6	17.8	17.1		
		25+35+60	2.81	3.94	6.75	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4060	4350	18.6	17.8	17.1		
		25+50+50	2.70	5.40	5.40	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4050	4350	18.6	17.8	17.0		
		25+50+60	2.50	5.00	6.00	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4050	4350	18.6	17.8	17.0		
		25+60+60	2.33	5.59	5.59	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4050	4350	18.6	17.8	17.0		
		35+35+35	4.50	4.50	4.50	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4060	4350	18.6	17.8	17.1		
		35+35+50	3.94	3.94	5.63	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4060	4350	18.6	17.8	17.1		
		35+35+60	3.63	3.63	6.23	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4050	4350	18.6	17.8	17.0		
		35+50+50	3.50	5.00	5.00	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4050	4350	18.6	17.8	17.0		
		35+50+60	3.26	4.66	5.59	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4050	4350	18.6	17.8	17.0		
		35+60+60	3.05	5.23	5.23	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4050	4350	18.6	17.8	17.0		
		50+50+50	4.50	4.50	4.50	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4040	4350	18.5	17.7	17.0		
		50+50+60	4.22	4.22	5.06	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4040	4350	18.5	17.7	17.0		
		50+60+60	3.97	4.76	4.76	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4040	4350	18.5	17.7	17.0		
		60+60+60	4.50	4.50	4.50	-	-	-	3.2	13.5	14.0	780	4030	4350	18.5	17.7	17.0		
		4	phòng	20+20+20+20	3.00	3.00	3.00	3.00	-	-	3.6	12.0	14.0	950	3210	3920	14.6	14.0	13.4
				20+20+20+25	2.92	2.92	2.92	3.65	-	-	3.6	12.4	14.0	950	3390	3920	15.4	14.8	14.1
				20+20+20+35	2.84	2.84	2.84	4.97	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3700	3920	16.8	16.1	15.4
				20+20+20+50	2.45	2.45	2.45	6.14	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3690	3920	16.8	16.1	15.4
				20+20+20+60	2.25	2.25	2.25	6.75	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3690	3920	16.8	16.1	15.4
				20+20+25+25	2.84	2.84	3.56	3.56	-	-	3.6	12.8	14.0	950	3440	3920	15.7	15.0	14.3
				20+20+25+35	2.70	2.70	3.38	4.73	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3700	3920	16.8	16.1	15.4
				20+20+25+50	2.35	2.35	2.93	5.87	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3690	3920	16.8	16.1	15.4
				20+20+25+60	2.16	2.16	2.70	6.48	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3680	3920	16.7	16.0	15.3
				20+20+35+35	2.45	2.45	4.30	4.30	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3690	3920	16.8	16.1	15.4
20+20+35+50	2.16			2.16	3.78	5.40	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3680	3920	16.7	16.0	15.3		
20+20+35+60	2.00			2.00	3.50	6.00	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3680	3920	16.7	16.0	15.3		
20+20+50+50	1.93			1.93	4.82	4.82	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3670	3920	16.7	16.0	15.3		
20+20+50+60	1.80			1.80	4.50	5.40	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3670	3920	16.7	16.0	15.3		
20+20+60+60	1.69			1.69	5.06	5.06	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3670	3920	16.7	16.0	15.3		
20+25+25+25	2.78			3.47	3.47	3.47	-	-	3.6	13.2	14.0	950	3550	3920	16.2	15.5	14.8		
20+25+25+35	2.57			3.21	3.21	4.50	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3700	3920	16.8	16.1	15.4		
20+25+25+50	2.25			2.81	2.81	5.63	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3690	3920	16.8	16.1	15.4		
20+25+25+60	2.08			2.60	2.60	6.23	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3680	3920	16.7	16.0	15.3		
20+25+35+35	2.35			2.93	4.11	4.11	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3690	3920	16.8	16.1	15.4		
20+25+35+50	2.08			2.60	3.63	5.19	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3680	3920	16.7	16.0	15.3		
20+25+35+60	1.93			2.41	3.38	5.79	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3670	3920	16.7	16.0	15.3		
20+25+50+50	1.86			2.33	4.66	4.66	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3670	3920	16.7	16.0	15.3		
20+25+50+60	1.74			2.18	4.35	5.23	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3670	3920	16.7	16.0	15.3		
20+25+60+60	1.64			2.05	4.91	4.91	-	-	3.6	13.5	14.0	950	3660	3920	16.7	15			



DÀN LẠNH		Công suất sưởi (kW)							Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)					
		Công suất sưởi mỗi phòng						Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V	
		A	B	C	D	E	F	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa							
Hoạt động sưởi ấm	6 phòng	20+20+25+25+25+25	1.93	1.93	2.41	2.41	2.41	2.41	4.5	13.5	14.0	1150	3250	3420	14.8	14.1	13.6
		20+20+25+25+25+35	1.80	1.80	2.25	2.25	2.25	3.15	4.5	13.5	14.0	1150	3250	3420	14.8	14.1	13.6
		20+20+25+25+25+50	1.64	1.64	2.05	2.05	2.05	4.09	4.5	13.5	14.0	1150	3240	3420	14.7	14.1	13.5
		20+20+25+25+25+60	1.54	1.54	1.93	1.93	1.93	4.63	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5
		20+20+25+25+35+35	1.69	1.69	2.11	2.11	2.95	2.95	4.5	13.5	14.0	1150	3240	3420	14.7	14.1	13.5
		20+20+25+25+35+50	1.54	1.54	1.93	1.93	2.70	3.86	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5
		20+20+25+25+35+60	1.46	1.46	1.82	1.82	2.55	4.38	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5
		20+20+25+25+50+50	1.42	1.42	1.78	1.78	3.55	3.55	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5
		20+20+25+35+35+35	1.59	1.59	1.99	2.78	2.78	2.78	4.5	13.5	14.0	1150	3240	3420	14.7	14.1	13.5
		20+20+25+35+35+50	1.46	1.46	1.82	2.55	2.55	3.65	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5
		20+20+25+35+35+60	1.38	1.38	1.73	2.42	2.42	4.15	4.5	13.5	14.0	1150	3220	3420	14.7	14.0	13.4
		20+20+35+35+35+35	1.50	1.50	2.63	2.63	2.63	2.63	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5
		20+20+35+35+35+50	1.38	1.38	2.42	2.42	2.42	3.46	4.5	13.5	14.0	1150	3220	3420	14.7	14.0	13.4
		20+25+25+25+25+25	1.86	2.33	2.33	2.33	2.33	2.33	4.5	13.5	14.0	1150	3250	3420	14.8	14.1	13.6
		20+25+25+25+25+35	1.74	2.18	2.18	2.18	2.18	3.05	4.5	13.5	14.0	1150	3240	3420	14.7	14.1	13.5
		20+25+25+25+25+50	1.59	1.99	1.99	1.99	1.99	3.97	4.5	13.5	14.0	1150	3240	3420	14.7	14.1	13.5
		20+25+25+25+25+60	1.50	1.88	1.88	1.88	1.88	4.50	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5
		20+25+25+25+35+35	1.64	2.05	2.05	2.05	2.86	2.86	4.5	13.5	14.0	1150	3240	3420	14.7	14.1	13.5
		20+25+25+25+35+50	1.50	1.88	1.88	1.88	2.63	3.75	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5
		20+25+25+25+35+60	1.42	1.78	1.78	1.78	2.49	4.26	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5
		20+25+25+25+50+50	1.38	1.73	1.73	1.73	3.46	3.46	4.5	13.5	14.0	1150	3220	3420	14.7	14.0	13.4
		20+25+25+35+35+35	1.54	1.93	1.93	2.70	2.70	2.70	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5
		20+25+25+35+35+50	1.42	1.78	1.78	2.49	2.49	3.55	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5
		20+25+35+35+35+35	1.46	1.82	2.55	2.55	2.55	2.55	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5
		20+35+35+35+35+35	1.38	2.42	2.42	2.42	2.42	2.42	4.5	13.5	14.0	1150	3220	3420	14.7	14.0	13.4
		25+25+25+25+25+25	2.25	2.25	2.25	2.25	2.25	2.25	4.5	13.5	14.0	1150	3240	3420	14.7	14.1	13.5
		25+25+25+25+25+35	2.11	2.11	2.11	2.11	2.11	2.95	4.5	13.5	14.0	1150	3240	3420	14.7	14.1	13.5
		25+25+25+25+25+50	1.93	1.93	1.93	1.93	3.86	3.86	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5
		25+25+25+25+25+60	1.82	1.82	1.82	1.82	4.38	4.38	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5
		25+25+25+25+35+35	1.99	1.99	1.99	1.99	2.78	2.78	4.5	13.5	14.0	1150	3240	3420	14.7	14.1	13.5
		25+25+25+25+35+50	1.82	1.82	1.82	1.82	2.55	3.65	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5
		25+25+25+25+35+60	1.73	1.73	1.73	1.73	2.42	4.15	4.5	13.5	14.0	1150	3220	3420	14.7	14.0	13.4
		25+25+25+35+35+35	1.88	1.88	1.88	2.63	2.63	2.63	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5
		25+25+25+35+35+50	1.73	1.73	1.73	2.42	2.42	3.46	4.5	13.5	14.0	1150	3220	3420	14.7	14.0	13.4
		25+25+35+35+35+35	1.78	1.78	2.49	2.49	2.49	2.49	4.5	13.5	14.0	1150	3230	3420	14.7	14.1	13.5

DÀN LẠNH		Công suất lạnh (kW)							Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)					
		Công suất lạnh mỗi phòng					Tổng công suất		Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V			
		A	B	C	D	E	F	Tối thiểu							Tiêu chuẩn	Tối đa	
1 phòng	20	2.0	-	-	-	-	-	1.8	2.0	2.8	650	750	1100	3.4	3.3	3.2	
	25	2.5	-	-	-	-	-	1.8	2.5	3.4	650	950	1350	4.4	4.2	4.0	
	35	3.5	-	-	-	-	-	1.8	3.5	3.9	650	1400	1600	6.4	6.1	5.9	
	50	5.0	-	-	-	-	-	1.8	5.0	6.1	650	2000	2500	9.2	8.8	8.4	
	60	6.0	-	-	-	-	-	1.8	6.0	7.0	650	2450	3000	11.2	10.8	10.3	
2 phòng	20+20	2.00	2.00	-	-	-	-	3.0	4.0	5.6	740	910	1460	4.2	4.0	3.8	
	20+25	2.00	2.50	-	-	-	-	3.0	4.5	6.2	740	1050	1820	4.8	4.6	4.4	
	20+35	2.00	3.50	-	-	-	-	3.0	5.5	6.7	740	1430	2020	6.6	6.3	6.0	
	20+50	2.00	5.00	-	-	-	-	3.0	7.0	8.9	740	2180	2820	10.0	9.6	9.2	
	20+60	2.00	6.00	-	-	-	-	3.0	8.0	9.8	740	2530	3360	11.6	11.1	10.6	
	25+25	2.50	2.50	-	-	-	-	3.0	5.0	6.8	740	1350	2200	6.2	5.9	5.7	
	25+35	2.50	3.50	-	-	-	-	3.0	6.0	7.3	740	1720	2320	7.9	7.6	7.2	
	25+50	2.50	5.00	-	-	-	-	3.0	7.5	9.5	740	2350	3220	10.8	10.3	9.9	
	25+60	2.50	6.00	-	-	-	-	3.0	8.5	9.8	740	2680	3360	12.3	11.8	11.3	
	35+35	3.50	3.50	-	-	-	-	3.0	7.0	7.8	740	2180	2820	10.0	9.6	9.2	
	35+50	3.50	5.00	-	-	-	-	3.0	8.5	10.0	740	2680	3620	12.3	11.8	11.3	
	35+60	3.50	6.00	-	-	-	-	3.0	9.5	10.9	740	3120	3990	14.3	13.7	13.1	
	50+50	5.00	5.00	-	-	-	-	3.0	10.0	12.2	740	3350	4450	15.4	14.7	14.1	
	50+60	5.00	6.00	-	-	-	-	3.0	11.0	12.5	740	3685	4520	16.9	16.2	15.5	
	60+60	6.00	6.00	-	-	-	-	3.0	12.0	12.5	740	4200	4520	19.3	18.4	17.7	
3 phòng	20+20+20	2.00	2.00	2.00	-	-	-	3.7	6.0	8.4	880	1460	2560	6.7	6.4	6.1	
	20+20+25	2.00	2.00	2.50	-	-	-	3.7	6.5	9.0	880	1650	2700	7.6	7.2	6.9	
	20+20+35	2.00	2.00	3.50	-	-	-	3.7	7.5	9.5	880	1980	3120	9.1	8.7	8.3	
	20+20+50	2.00	2.00	5.00	-	-	-	3.7	9.0	11.7	880	2600	4120	11.9	11.4	10.9	
	20+20+60	2.00	2.00	6.00	-	-	-	3.7	10.0	12.6	880	3120	4680	14.3	13.7	13.1	
	20+25+25	2.00	2.50	2.50	-	-	-	3.7	7.0	9.6	880	1850	3210	8.5	8.1	7.8	
	20+25+35	2.00	2.50	3.50	-	-	-	3.7	8.0	10.1	880	2320	3630	10.7	10.2	9.8	
	20+25+50	2.00	2.50	5.00	-	-	-	3.7	9.5	12.3	880	2980	4510	13.7	13.1	12.5	
	20+25+60	2.00	2.50	6.00	-	-	-	3.7	10.5	12.8	880	3590	4800	16.5	15.8	15.1	
	20+35+35	2.00	3.50	3.50	-	-	-	3.7	9.0	10.6	880	2780	4120	12.8	12.2	11.7	
	20+35+50	2.00	3.50	5.00	-	-	-	3.7	10.5	12.8	880	3590	4800	16.5	15.8	15.1	
	20+35+60	2.00	3.50	6.00	-	-	-	3.7	11.5	12.8	880	3950	4800	18.1	17.3	16.6	
	20+50+50	2.00	5.00	5.00	-	-	-	3.7	12.0	12.8	880	4230	4800	19.4	18.6	17.8	
	20+50+60	1.92	4.81	5.77	-	-	-	3.7	12.5	12.8	880	4450	4800	20.4	19.5	18.7	
	20+60+60	1.79	5.36	5.36	-	-	-	3.7	12.5	12.8	880	4450	4800	20.4	19.5	18.7	
	25+25+25	2.50	2.50	2.50	-	-	-	3.7	7.5	10.2	880	2030	3640	9.3	8.9	8.5	
	25+25+35	2.50	2.50	3.50	-	-	-	3.7	8.5	10.7	880	2520	3900	11.6	11.1	10.6	
	25+25+50	2.50	2.50	5.00	-	-	-	3.7	10.0	12.8	880	3260	4800	15.0	14.3	13.7	
	25+25+60	2.50	2.50	6.00	-	-	-	3.7	11.0	12.8	880	3720	4800	17.1	16.3	15.7	
	25+35+35	2.50	3.50	3.50	-	-	-	3.7	9.5	11.2	880	2980	4510	13.7	13.1	12.5	
	25+35+50	2.50	3.50	5.00	-	-	-	3.7	11.0	12.8	880	3720	4800	17.1	16.3	15.7	
	25+35+60	2.50	3.50	6.00	-	-	-	3.7	12.0	12.8	880	4230	4800	19.4	18.6	17.8	
	25+50+50	2.50	5.00	5.00	-	-	-	3.7	12.5	12.8	880	4450	4800	20.4	19.5	18.7	
	25+50+60	2.31	4.63	5.56	-	-	-	3.7	12.5	12.8	880	4450	4800	20.4	19.5	18.7	
	25+60+60	2.16	5.17	5.17	-	-	-	3.7	12.5	12.8	880	4450	4800	20.4	19.5	18.7	
	35+35+35	3.50	3.50	3.50	-	-	-	3.7	10.5	11.7	880	3590	4180	16.5	15.8	15.1	
	35+35+50	3.50	3.50	5.00	-	-	-	3.7	12.0	12.8	880	4230	4800	19.4	18.6	17.8	
	35+35+60	3.37	3.37	5.77	-	-	-	3.7	12.5	12.8	880	4450	4800	20.4	19.5	18.7	
	35+50+50	3.24	4.63	4.63	-	-	-	3.7	12.5	12.8	880	4450	4800	20.4	19.5	18.7	
	35+50+60	3.02	4.31	5.17	-	-	-	3.7	12.5	12.8	880	4450	4800	20.2	19.3	18.5	
	35+60+60	2.82	4.84	4.84	-	-	-	3.7	12.5	12.8	880	4450	4800	20.2	19.3	18.5	
	50+50+50	4.17	4.17	4.17	-	-	-	3.7	12.5	12.8	880	4440	4800	20.4	19.5	18.7	
	50+50+60	3.91	3.91	4.69	-	-	-	3.7	12.5	12.8	880	4440	4800	20.4	19.5	18.7	
	50+60+60	3.68	4.41	4.41	-	-	-	3.7	12.5	12.8	880	4430	4800	20.3	19.5	18.6	
	60+60+60	4.17	4.17	4.17	-	-	-	3.7	12.5	12.8	880	4430	4800	20.3	19.5	18.6	
	Hoạt động làm lạnh	20+20+20+20	2.00	2.00	2.00	2.00	-	-	4.4	8.0	11.2	1100	2050	3680	9.3	8.9	8.6
		20+20+20+25	2.00	2.00	2.00	2.50	-	-	4.4	8.5	11.8	1100	2320	3890	10.6	10.1	9.7
		20+20+20+35	2.00	2.00	2.00	3.50	-	-	4.4	9.5	12.3	1100	2820	4530	12.8	12.3	11.8
		20+20+20+50	2.00	2.00	2.00	5.00	-	-	4.4	11.0	13.0	1100	3480	4800	15.8	15.1	14.5
		20+20+20+60	2.00	2.00	2.00	6.00	-	-	4.4	12.0	13.0	1100	3980	4800	18.1	17.3	16.6
		20+20+25+25	2.00	2.00	2.50	2.50	-	-	4.4	9.0	12.4	1100	2520	4590	11.5	11.0	10.5
		20+20+25+35	2.00	2.00	2.50	3.50	-	-	4.4	10.0	12.9	1100	3120	4780	14.2	13.6	13.0
		20+20+25+50	2.00	2.00	2.50	5.00	-	-	4.4	11.5	13.0	1100	3720	4800	16.9	16.2	15.5
		20+20+25+60	2.00	2.00	2.50	6.00	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4600	4800	20.9	20.0	19.2
		20+20+35+35	2.00	2.00	3.50	3.50	-	-	4.4	11.0	13.0	1100	3480	4800	15.8	15.1	14.5
		20+20+35+50	2.00	2.00	3.50	5.00	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4600	4800	20.9	20.0	19.2
		20+20+35+60	1.85	1.85	3.24	5.56	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4590	4800	20.9	20.0	19.1
		20+20+50+50	1.79	1.79	4.46	4.46	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4590	4800	20.9	20.0	19.1
20+20+50+60		1.67	1.67	4.17	5.00	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4590	4800	20.9	20.0	19.1	
20+20+60+60		1.56	1.56	4.69	4.69	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4580	4800	20.8	19.9	19.1	
20+25+25+25		2.00	2.50	2.50	2.50	-	-	4.4	9.5	13.0	1100	2820	4800	12.8	12.3	11.8	
20+25+25+35		2.00	2.50	2.50	3.50	-	-	4.4	10.5	13.0	1100	3340	4800	15.2	14.5	13.9	
20+25+25+50		2.00	2.50	2.50	5.00	-	-	4.4	12.0	13.0	1100	3980	4800	18.1	17.3	16.6	
20+25+25+60		1.92	2.40	2.40	5.77	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4600	4800	20.9	20.0	19.2	
20+25+35+35		2.00	2.50	3.50	3.50	-	-	4.4	11.5	13.0	1100	3720	4800	16.9	16.2	15.5	
20+25+35+50		1.92	2.40	3.37	4.81	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4600	4800	20.9	20.0	19.2	
20+25+35+60		1.79	2.23	3.13	5.36	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4590	4800	20.9	20.0	19.1	
20+25+50+50		1.72	2.16	4.31	4.31	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4590	4800	20.9	20.0	19.1	
20+25+50+60		1.61	2.02	4.03	4.84	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4580	4800	20.8	19.9	19.1	
20+25+60+60		1.52	1.89	4.55	4.55	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4580	4800	20.8	19.9	19.1	
20+35+35+35		2.00	3.50	3.50	3.50	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4600	4800	20.9	20.0	19.2	
20+35+35+50		1.79	3.13	3.13	4.46	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4590	4800	20.9	20.0	19.1	
20+35+35+60		1.67	2.92	2.92	5.00	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4590	4800	20.9	20.0	19.1	
20+35+50+50		1.61	2.82	4.03	4.03	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4580	4800	20.8	19.9	19.1	
20+35+50+60		1.52	2.65	3.79	4.55	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4580	4800	20.8	19.9	19.1	
20+35+60+60		1.43	2.50	4.29	4.29	-	-	5.4	12.5	13.0	1100	4570	4801	20.6	19.7	18.9	
20+50+50+50		1.47	3.68	3.68	3.68	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4580	4800	20.8	19.9	19.1	
20+50+50+60		1.39	3.47	3.47	4.17	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4570	4800	20.8	19.9	19.1	

DÀN LẠNH			Công suất lạnh (kW)							Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)			
			Công suất lạnh mỗi phòng					Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	C	D	E	F	Tối thiểu	Tiêu chuẩn						
4 phòng	35+35+35+35	3.13	3.13	3.13	3.13	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4590	4800	20.9	20.0	19.1
	35+35+35+50	2.82	2.82	2.82	4.03	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4580	4800	20.8	19.9	19.1
	35+35+35+60	2.65	2.65	2.65	4.55	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4580	4800	20.8	19.9	19.1
	35+35+50+50	2.57	2.57	3.68	3.68	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4580	4800	20.8	19.9	19.1
	35+35+50+60	2.43	2.43	3.47	4.17	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4570	4800	20.8	19.9	19.1
	35+35+60+60	2.30	2.30	3.95	3.95	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4560	4800	20.7	19.8	19.0
	35+50+50+50	2.36	3.38	3.38	3.38	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4570	4800	20.8	19.9	19.1
	35+50+50+60	2.24	3.21	3.21	3.85	-	-	4.4	12.5	13.0	1100	4560	4800	20.7	19.8	19.0
	20+20+20+20+20	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00	-	5.1	10.0	13.5	1210	2880	4800	13.1	12.5	12.0
	20+20+20+20+25	2.00	2.00	2.00	2.00	2.50	-	5.1	10.5	13.5	1210	3120	4800	14.2	13.6	13.0
	20+20+20+20+35	2.00	2.00	2.00	2.00	3.50	-	5.1	11.5	13.5	1210	3620	4800	16.5	15.8	15.1
	20+20+20+20+50	1.92	1.92	1.92	1.92	4.81	-	5.1	12.5	13.5	1210	4320	4800	19.7	18.8	18.0
	20+20+20+20+60	1.79	1.79	1.79	1.79	5.36	-	5.1	12.5	13.5	1210	4310	4800	19.6	18.8	18.0
	20+20+20+25+25	2.00	2.00	2.00	2.50	2.50	-	5.1	11.0	13.5	1210	3320	4800	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+25+35	2.00	2.00	2.00	2.50	3.50	-	5.1	12.0	13.5	1210	3990	4800	18.2	17.4	16.6
	20+20+20+25+50	1.85	1.85	1.85	2.31	4.63	-	5.1	12.5	13.5	1210	4320	4800	19.7	18.8	18.0
	20+20+20+25+60	1.72	1.72	1.72	2.16	5.17	-	5.1	12.5	13.5	1210	4310	4800	19.6	18.8	18.0
	20+20+20+35+35	1.92	1.92	1.92	3.37	3.37	-	5.1	12.5	13.5	1210	4320	4800	19.7	18.8	18.0
	20+20+20+35+50	1.72	1.72	1.72	3.02	4.31	-	5.1	12.5	13.5	1210	4310	4800	19.6	18.8	18.0
	20+20+20+35+60	1.61	1.61	1.61	2.82	4.84	-	5.1	12.5	13.5	1210	4300	4800	19.6	18.7	17.9
	20+20+20+50+50	1.56	1.56	1.56	3.91	3.91	-	5.1	12.5	13.5	1210	4300	4800	19.6	18.7	17.9
	20+20+20+50+60	1.47	1.47	1.47	3.68	4.41	-	5.1	12.5	13.5	1210	4290	4800	19.5	18.7	17.9
	20+20+20+60+60	1.39	1.39	1.39	4.17	4.17	-	5.1	12.5	13.5	1210	4280	4800	19.5	18.6	17.9
	20+20+25+25+25	2.00	2.00	2.50	2.50	2.50	-	5.1	11.5	13.5	1210	3620	4800	16.5	15.8	15.1
	20+20+25+25+35	2.00	2.00	2.50	2.50	3.50	-	5.1	12.5	13.5	1210	4330	4800	19.7	18.8	18.1
	20+20+25+25+50	1.79	1.79	2.23	2.23	4.46	-	5.1	12.5	13.5	1210	4310	4800	19.6	18.8	18.0
	20+20+25+25+60	1.67	1.67	2.08	2.08	5.00	-	5.1	12.5	13.5	1210	4300	4800	19.6	18.7	17.9
	20+20+25+35+35	1.85	1.85	2.31	3.24	3.24	-	5.1	12.5	13.5	1210	4320	4800	19.7	18.8	18.0
	20+20+25+35+50	1.67	1.67	2.08	2.92	4.17	-	5.1	12.5	13.5	1210	4300	4800	19.6	18.7	17.9
	20+20+25+35+60	1.56	1.56	1.95	2.73	4.69	-	5.1	12.5	13.5	1210	4300	4800	19.6	18.7	17.9
	20+20+25+50+50	1.52	1.52	1.89	3.79	3.79	-	5.1	12.5	13.5	1210	4290	4800	19.5	18.7	17.9
	20+20+25+50+60	1.43	1.43	1.79	3.57	4.29	-	5.1	12.5	13.5	1210	4280	4800	19.5	18.6	17.9
	20+20+25+60+60	1.35	1.35	1.69	4.05	4.05	-	5.1	12.5	13.5	1210	4280	4800	19.5	18.6	17.9
	20+20+35+35+35	1.72	1.72	3.02	3.02	3.02	-	5.1	12.5	13.5	1210	4310	4800	19.6	18.8	18.0
	20+20+35+35+50	1.56	1.56	2.73	2.73	3.91	-	5.1	12.5	13.5	1210	4300	4800	19.6	18.7	17.9
20+20+35+35+60	1.47	1.47	2.57	2.57	4.41	-	5.1	12.5	13.5	1210	4290	4800	19.5	18.7	17.9	
20+20+35+50+50	1.43	1.43	2.50	3.57	3.57	-	5.1	12.5	13.5	1210	4280	4800	19.5	18.6	17.9	
20+20+35+50+60	1.35	1.35	2.36	3.38	4.05	-	5.1	12.5	13.5	1210	4280	4800	19.5	18.6	17.9	
20+20+35+60+60	1.28	1.28	2.24	3.85	3.85	-	5.1	12.5	13.5	1210	4270	4800	19.4	18.6	17.8	
20+20+50+50+50	1.32	1.32	3.29	3.29	3.29	-	5.1	12.5	13.5	1210	4270	4800	19.4	18.6	17.8	
20+25+25+25+25	2.00	2.50	2.50	2.50	2.50	-	5.1	12.0	13.5	1210	3990	4800	18.2	17.4	16.6	
20+25+25+25+35	1.92	2.40	2.40	2.40	3.37	-	5.1	12.5	13.5	1210	4320	4800	19.7	18.8	18.0	
20+25+25+25+50	1.72	2.16	2.16	2.16	4.31	-	5.1	12.5	13.5	1210	4310	4800	19.6	18.8	18.0	
20+25+25+25+60	1.61	2.02	2.02	2.02	4.84	-	5.1	12.5	13.5	1210	4300	4800	19.6	18.7	17.9	
20+25+25+35+35	1.79	2.23	2.23	3.13	3.13	-	5.1	12.5	13.5	1210	4310	4800	19.6	18.8	18.0	
20+25+25+35+50	1.61	2.02	2.02	2.82	4.03	-	5.1	12.5	13.5	1210	4300	4800	19.6	18.7	17.9	
20+25+25+35+60	1.52	1.89	1.89	2.65	4.55	-	5.1	12.5	13.5	1210	4290	4800	19.5	18.7	17.9	
20+25+25+50+50	1.47	1.84	1.84	3.68	3.68	-	5.1	12.5	13.5	1210	4290	4800	19.5	18.7	17.9	
20+25+25+50+60	1.39	1.74	1.74	3.47	4.17	-	5.1	12.5	13.5	1210	4280	4800	19.5	18.6	17.9	
20+25+25+60+60	1.32	1.64	1.64	3.95	3.95	-	5.1	12.5	13.5	1210	4270	4800	19.4	18.6	17.8	
20+25+35+35+35	1.67	2.08	2.92	2.92	2.92	-	5.1	12.5	13.5	1210	4300	4800	19.6	18.7	17.9	
20+25+35+35+50	1.52	1.89	2.65	2.65	3.79	-	5.1	12.5	13.5	1210	4290	4800	19.5	18.7	17.9	
20+25+35+35+60	1.43	1.79	2.50	2.50	4.29	-	5.1	12.5	13.5	1210	4280	4800	19.5	18.6	17.9	
20+25+35+50+50	1.39	1.74	2.43	3.47	3.47	-	5.1	12.5	13.5	1210	4280	4800	19.5	18.6	17.9	
20+25+35+50+60	1.32	1.64	2.30	3.29	3.95	-	5.1	12.5	13.5	1210	4270	4800	19.4	18.6	17.8	
20+25+50+50+50	1.28	1.60	3.21	3.21	3.21	-	5.1	12.5	13.5	1210	4270	4800	19.4	18.6	17.8	
20+35+35+35+35	1.56	2.73	2.73	2.73	2.73	-	5.1	12.5	13.5	1210	4300	4800	19.6	18.7	17.9	
20+35+35+35+50	1.43	2.50	2.50	2.50	3.57	-	5.1	12.5	13.5	1210	4280	4800	19.5	18.6	17.9	
20+35+35+35+60	1.35	2.36	2.36	2.36	4.05	-	5.1	12.5	13.5	1210	4280	4800	19.5	18.6	17.9	
20+35+35+50+50	1.32	2.30	2.30	3.29	3.29	-	5.1	12.5	13.5	1210	4270	4800	19.4	18.6	17.8	
25+25+25+25+25	2.50	2.50	2.50	2.50	2.50	-	5.1	12.5	13.5	1210	4330	4800	19.7	18.8	18.1	
25+25+25+25+35	2.31	2.31	2.31	2.31	3.24	-	5.1	12.5	13.5	1210	4320	4800	19.7	18.8	18.0	
25+25+25+25+50	2.08	2.08	2.08	2.08	4.17	-	5.1	12.5	13.5	1210	4300	4800	19.6	18.7	17.9	
25+25+25+25+60	1.95	1.95	1.95	1.95	4.69	-	5.1	12.5	13.5	1210	4300	4800	19.6	18.7	17.9	
25+25+25+35+35	2.16	2.16	2.16	3.02	3.02	-	5.1	12.5	13.5	1210	4310	4800	19.6	18.8	18.0	
25+25+25+35+50	1.95	1.95	1.95	2.73	3.91	-	5.1	12.5	13.5	1210	4300	4800	19.6	18.7	17.9	
25+25+25+35+60	1.84	1.84	1.84	2.57	4.41	-	5.1	12.5	13.5	1210	4290	4800	19.5	18.7	17.9	
25+25+25+50+50	1.79	1.79	1.79	3.57	3.57	-	5.1	12.5	13.5	1210	4280	4800	19.5	18.6	17.9	
25+25+25+50+60	1.69	1.69	1.69	3.38	4.05	-	5.1	12.5	13.5	1210	4280	4800	19.5	18.6	17.9	
25+25+25+60+60	1.60	1.60	1.60	3.85	3.85	-	5.1	12.5	13.5	1210	4270	4800	19.4	18.6	17.8	
25+25+35+35+35	2.02	2.02	2.82	2.82	2.82	-	5.1	12.5	13.5	1210	4300	4800	19.6	18.7	17.9	
25+25+35+35+50	1.84	1.84	2.57	2.57	3.68	-	5.1	12.5	13.5	1210	4290	4800	19.5	18.7	17.9	
25+25+35+35+60	1.74	1.74	2.43													



CHỌN CÔNG SUẤT DÀN LẠNH KẾT NỐI

| SCM125ZM-S Bảng kết hợp với các dàn lạnh khác nhau

DÀN LẠNH			Công suất sưởi (kW)						Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)				
			Công suất sưởi mỗi phòng					Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
			A	B	C	D	E	F	Tối thiểu	Tiêu chuẩn						
1 phòng	20	3.0	-	-	-	-	-	1.5	3.0	3.6	700	1220	1330	5.6	5.4	5.1
	25	3.4	-	-	-	-	-	1.5	3.4	4.1	700	1265	1540	5.8	5.6	5.3
	35	4.5	-	-	-	-	-	1.5	4.5	4.9	700	1650	1840	7.6	7.2	6.9
	50	5.8	-	-	-	-	-	1.5	5.8	6.4	700	2120	2410	9.7	9.3	8.9
	60	6.8	-	-	-	-	-	1.5	6.8	7.4	700	2500	2760	11.5	11.0	10.5
2 phòng	71	8.0	-	-	-	-	-	1.5	8.0	8.1	700	3020	3090	13.9	13.3	12.7
	20+20	3.00	3.00	-	-	-	-	2.1	6.0	7.2	750	1540	1860	7.1	6.8	6.5
	20+25	2.84	3.56	-	-	-	-	2.1	6.4	7.7	750	1660	2210	7.6	7.3	7.0
	20+35	2.73	4.77	-	-	-	-	2.1	7.5	8.5	750	1990	2520	9.1	8.7	8.4
	20+50	2.51	6.29	-	-	-	-	2.1	8.8	10.0	750	2430	3220	11.2	10.7	10.2
	20+60	2.45	7.35	-	-	-	-	2.1	9.8	11.0	750	2840	3620	13.0	12.5	12.0
	20+71	2.42	8.58	-	-	-	-	2.1	11.0	11.6	750	2840	3620	13.0	12.5	12.0
	25+25	3.40	3.40	-	-	-	-	2.1	6.8	8.2	750	1770	2420	8.1	7.8	7.4
	25+35	3.29	4.61	-	-	-	-	2.1	7.9	9.0	750	2140	2820	9.8	9.4	9.0
	25+50	3.07	6.13	-	-	-	-	2.1	9.2	10.5	750	2630	3610	12.1	11.6	11.1
	25+60	3.00	7.20	-	-	-	-	2.1	10.2	11.5	750	3040	3790	14.0	13.4	12.8
	25+71	2.97	8.43	-	-	-	-	2.1	11.4	12.1	750	3440	4250	15.8	15.1	14.5
	35+35	4.50	4.50	-	-	-	-	2.1	9.0	9.8	750	2520	3210	11.6	11.1	10.6
	35+50	4.24	6.06	-	-	-	-	2.1	10.3	11.3	750	3040	3710	14.0	13.4	12.8
	35+60	4.16	7.14	-	-	-	-	2.1	11.3	12.3	750	3420	4320	15.7	15.0	14.4
	35+71	4.13	8.37	-	-	-	-	2.1	12.5	12.9	750	4030	4690	18.5	17.7	17.0
	50+50	5.80	5.80	-	-	-	-	2.1	11.6	12.8	750	3660	4620	16.8	16.1	15.4
	50+60	5.73	6.87	-	-	-	-	2.1	12.6	13.8	750	4090	5230	18.8	18.0	17.2
	50+71	5.58	7.92	-	-	-	-	2.1	13.5	13.8	750	4540	5230	20.8	19.9	19.1
	60+60	6.75	6.75	-	-	-	-	2.1	13.5	13.8	750	4540	5230	20.8	19.9	19.1
60+71	6.18	7.32	-	-	-	-	2.1	13.5	13.8	750	4540	5230	20.8	19.9	19.1	
71+71	6.75	6.75	-	-	-	-	2.1	13.5	13.8	750	4530	5230	20.8	19.9	19.1	
3 phòng	20+20+20	3.00	3.00	3.00	-	-	-	3.2	9.0	10.9	780	2270	3350	10.4	10.0	9.6
	20+20+25	2.89	2.89	3.62	-	-	-	3.2	9.4	11.4	780	2400	3550	11.0	10.5	10.1
	20+20+35	2.80	2.80	4.90	-	-	-	3.2	10.5	12.2	780	2760	3820	12.7	12.1	11.6
	20+20+50	2.62	2.62	6.56	-	-	-	3.2	11.8	13.7	780	3270	4290	15.0	14.4	13.8
	20+20+60	2.56	2.56	7.68	-	-	-	3.2	12.8	13.8	780	3690	4350	16.9	16.2	15.5
	20+20+71	2.43	2.43	8.64	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4140	4350	19.0	18.2	17.4
	20+25+25	2.80	3.50	3.50	-	-	-	3.2	9.8	11.9	780	2560	3720	11.8	11.2	10.8
	20+25+35	2.73	3.41	4.77	-	-	-	3.2	10.9	12.7	780	2970	3990	13.6	13.0	12.5
	20+25+50	2.57	3.21	6.42	-	-	-	3.2	12.2	13.8	780	3480	4350	16.0	15.3	14.6
	20+25+60	2.51	3.14	7.54	-	-	-	3.2	13.2	13.8	780	3990	4350	18.3	17.5	16.8
	20+25+71	2.33	2.91	8.26	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4140	4350	19.0	18.2	17.4
	20+35+35	2.67	4.67	4.67	-	-	-	3.2	12.0	13.5	780	3460	4220	15.9	15.2	14.6
	20+35+50	2.53	4.43	6.33	-	-	-	3.2	13.3	13.8	780	3980	4350	18.3	17.5	16.8
	20+35+60	2.35	4.11	7.04	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4130	4350	19.0	18.1	17.4
	20+35+71	2.14	3.75	7.61	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4130	4350	19.0	18.1	17.4
	20+50+50	2.25	5.63	5.63	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4130	4350	19.0	18.1	17.4
	20+50+60	2.08	5.19	6.23	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4130	4350	19.0	18.1	17.4
	20+50+71	1.91	4.79	6.80	-	-	-	4.2	13.5	13.8	780	4130	4350	18.8	18.0	17.2
	20+60+60	1.93	5.79	5.79	-	-	-	5.2	13.5	13.8	780	4130	4350	18.6	17.8	17.0
	20+60+71	1.79	5.36	6.35	-	-	-	6.2	13.5	13.8	780	4120	4350	18.4	17.6	16.8
	20+71+71	1.67	5.92	5.92	-	-	-	7.2	13.5	13.8	780	4120	4350	18.2	17.4	16.7
	25+25+25	3.40	3.40	3.40	-	-	-	3.2	10.2	12.4	780	2760	3880	12.7	12.1	11.6
	25+25+35	3.32	3.32	4.65	-	-	-	3.2	11.3	13.2	780	3170	4120	14.6	13.9	13.3
	25+25+50	3.15	3.15	6.30	-	-	-	3.2	12.6	13.8	780	3690	4350	16.9	16.2	15.5
	25+25+60	3.07	3.07	7.36	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4130	4350	19.0	18.1	17.4
	25+25+71	2.79	2.79	7.92	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4130	4350	19.0	18.1	17.4
	25+35+35	3.26	4.57	4.57	-	-	-	3.2	12.4	13.8	780	3780	4350	17.4	16.6	15.9
	25+35+50	3.07	4.30	6.14	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4140	4350	19.0	18.2	17.4
	25+35+60	2.81	3.94	6.75	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4140	4350	19.0	18.2	17.4
	25+35+71	2.58	3.61	7.32	-	-	-	4.2	13.5	13.8	780	4130	4350	18.8	18.0	17.2
	25+50+50	2.70	5.40	5.40	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4130	4350	19.0	18.1	17.4
	25+50+60	2.50	5.00	6.00	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4130	4350	19.0	18.1	17.4
	25+50+71	2.31	4.62	6.57	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4130	4350	19.0	18.1	17.4
	25+60+60	2.33	5.59	5.59	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4130	4350	19.0	18.1	17.4
	25+60+71	2.16	5.19	6.14	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4120	4350	18.9	18.1	17.3
	25+71+71	2.02	5.74	5.74	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4120	4350	18.9	18.1	17.3
	35+35+35	4.50	4.50	4.50	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4140	4350	19.0	18.2	17.4
	35+35+50	3.94	3.94	5.63	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4140	4350	19.0	18.2	17.4
	35+35+60	3.63	3.63	6.23	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4130	4350	19.0	18.1	17.4
	35+35+71	3.35	3.35	6.80	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4130	4350	19.0	18.1	17.4
35+50+50	3.50	5.00	5.00	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4130	4350	19.0	18.1	17.4	
35+50+60	3.26	4.66	5.59	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4130	4350	19.0	18.1	17.4	
35+50+71	3.03	4.33	6.14	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4120	4350	18.9	18.1	17.3	
35+60+60	3.05	5.23	5.23	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4120	4350	18.9	18.1	17.3	
35+60+71	2.85	4.88	5.77	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4120	4350	18.9	18.1	17.3	
35+71+71	2.67	5.42	5.42	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4120	4350	18.9	18.1	17.3	
50+50+50	4.50	4.50	4.50	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4120	4350	18.9	18.1	17.3	
50+50+60	4.22	4.22	5.06	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4120	4350	18.9	18.1	17.3	
50+50+71	3.95	3.95	5.61	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4120	4350	18.9	18.1	17.3	
50+60+60	3.97	4.76	4.76	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4120	4350	18.9	18.1	17.3	
50+60+71	3.73	4.48	5.30	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4110	4350	18.9	18.1	17.3	
60+60+60	4.50	4.50	4.50	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4110	4350	18.9	18.1	17.3	
60+60+71	4.24	4.24	5.02	-	-	-	3.2	13.5	13.8	780	4110	4350	18.9	18.1	17.3	
4 phòng	20+20+20+20	3.00	3.00	3.00	3.00	-	-	3.6	12.0	13.8	950	3270	3920	14.9	14.2	13.6
	20+20+20+25	2.92	2.92	2.92	3.65	-	-	3.6	12.4	13.8	950	3460	3920	15.7	15.1	14.4.

| SCM125ZM-S Bảng kết hợp với các dàn lạnh khác nhau

DÀN LẠNH		Công suất sưởi (kW)								Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)			
		Công suất sưởi mỗi phòng						Tổng công suất			Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V
		A	B	C	D	E	F	Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa						
5 phòng	20+25+25+50+50	1.59	1.99	1.99	3.97	3.97	-	4.0	13.5	13.8	1050	3410	3470	15.5	14.8	14.2
	20+25+25+50+60	1.50	1.88	1.88	3.75	4.50	-	4.0	13.5	13.8	1050	3400	3470	15.5	14.8	14.2
	20+25+25+50+71	1.41	1.77	1.77	3.53	5.02	-	4.0	13.5	13.8	1050	3390	3470	15.4	14.8	14.1
	20+25+25+60+60	1.42	1.78	1.78	4.26	4.26	-	4.0	13.5	13.8	1050	3390	3470	15.4	14.8	14.1
	20+25+35+35+35	1.80	2.25	3.15	3.15	3.15	-	4.0	13.5	13.8	1050	3420	3470	15.6	14.9	14.3
	20+25+35+35+50	1.64	2.05	2.86	2.86	4.09	-	4.0	13.5	13.8	1050	3410	3470	15.5	14.8	14.2
	20+25+35+35+60	1.54	1.93	2.70	2.70	4.63	-	4.0	13.5	13.8	1050	3410	3470	15.5	14.8	14.2
	20+25+35+35+71	1.45	1.81	2.54	2.54	5.15	-	4.0	13.5	13.8	1050	3400	3470	15.5	14.8	14.2
	20+25+35+50+50	1.50	1.88	2.63	3.75	3.75	-	4.0	13.5	13.8	1050	3400	3470	15.5	14.8	14.2
	20+25+35+50+60	1.42	1.78	2.49	3.55	4.26	-	4.0	13.5	13.8	1050	3390	3470	15.4	14.8	14.1
	20+25+35+50+71	1.38	1.73	3.46	3.46	3.46	-	4.0	13.5	13.8	1050	3390	3470	15.4	14.8	14.1
	20+35+35+35+35	1.69	2.95	2.95	2.95	2.95	-	4.0	13.5	13.8	1050	3410	3470	15.5	14.8	14.2
	20+35+35+35+50	1.54	2.70	2.70	2.70	3.86	-	4.0	13.5	13.8	1050	3410	3470	15.5	14.8	14.2
	20+35+35+35+60	1.46	2.55	2.55	2.55	4.38	-	4.0	13.5	13.8	1050	3400	3470	15.5	14.8	14.2
	20+35+35+50+50	1.42	2.49	2.49	3.55	3.55	-	4.0	13.5	13.8	1050	3390	3470	15.4	14.8	14.1
	25+25+25+25+25	2.70	2.70	2.70	2.70	2.70	-	4.0	13.5	13.8	1050	3440	3470	15.7	15.0	14.3
	25+25+25+25+35	2.50	2.50	2.50	2.50	3.50	-	4.0	13.5	13.8	1050	3430	3470	15.6	14.9	14.3
	25+25+25+25+50	2.25	2.25	2.25	2.25	4.50	-	4.0	13.5	13.8	1050	3420	3470	15.6	14.9	14.3
	25+25+25+25+60	2.11	2.11	2.11	2.11	5.06	-	4.0	13.5	13.8	1050	3410	3470	15.5	14.8	14.2
	25+25+25+25+71	1.97	1.97	1.97	1.97	5.61	-	4.0	13.5	13.8	1050	3410	3470	15.5	14.8	14.2
	25+25+25+35+35	2.33	2.33	2.33	3.26	3.26	-	4.0	13.5	13.8	1050	3420	3470	15.6	14.9	14.3
	25+25+25+35+50	2.11	2.11	2.11	2.95	4.22	-	4.0	13.5	13.8	1050	3410	3470	15.5	14.8	14.2
	25+25+25+35+60	1.99	1.99	1.99	2.78	4.76	-	4.0	13.5	13.8	1050	3410	3470	15.5	14.8	14.2
	25+25+25+35+71	1.86	1.86	1.86	2.61	5.30	-	4.0	13.5	13.8	1050	3400	3470	15.5	14.8	14.2
	25+25+25+50+50	1.93	1.93	1.93	3.86	3.86	-	4.0	13.5	13.8	1050	3410	3470	15.5	14.8	14.2
	25+25+25+50+60	1.82	1.82	1.82	3.65	4.38	-	4.0	13.5	13.8	1050	3400	3470	15.5	14.8	14.2
	25+25+25+60+60	1.73	1.73	1.73	4.15	4.15	-	4.0	13.5	13.8	1050	3390	3470	15.4	14.8	14.1
	25+25+35+35+35	2.18	2.18	3.05	3.05	3.05	-	4.0	13.5	13.8	1050	3420	3470	15.6	14.9	14.3
	25+25+35+35+50	1.99	1.99	2.78	2.78	3.97	-	4.0	13.5	13.8	1050	3410	3470	15.5	14.8	14.2
	25+25+35+35+60	1.88	1.88	2.63	2.63	4.50	-	4.0	13.5	13.8	1050	3400	3470	15.5	14.8	14.2
	25+25+35+35+71	1.77	1.77	2.47	2.47	5.02	-	4.0	13.5	13.8	1050	3390	3470	15.4	14.8	14.1
	25+25+35+50+50	1.82	1.82	2.55	3.65	3.65	-	4.0	13.5	13.8	1050	3400	3470	15.5	14.8	14.2
	25+25+35+50+60	1.73	1.73	2.42	3.46	4.15	-	4.0	13.5	13.8	1050	3390	3470	15.4	14.8	14.1
	25+35+35+35+35	2.05	2.86	2.86	2.86	2.86	-	4.0	13.5	13.8	1050	3410	3470	15.5	14.8	14.2
	25+35+35+35+50	1.88	2.63	2.63	2.63	3.75	-	4.0	13.5	13.8	1050	3400	3470	15.5	14.8	14.2
25+35+35+35+60	1.78	2.49	2.49	2.49	4.26	-	4.0	13.5	13.8	1050	3390	3470	15.4	14.8	14.1	
25+35+35+50+50	1.73	2.42	2.42	3.46	3.46	-	4.0	13.5	13.8	1050	3390	3470	15.4	14.8	14.1	
35+35+35+35+35	2.70	2.70	2.70	2.70	2.70	-	4.0	13.5	13.8	1050	3410	3470	15.5	14.8	14.2	
35+35+35+35+50	2.49	2.49	2.49	2.49	3.55	-	4.0	13.5	13.8	1050	3390	3470	15.4	14.8	14.1	
Hoạt động sưởi ấm	20+20+20+20+20+20	2.25	2.25	2.25	2.25	2.25	2.25	4.5	13.5	13.8	1150	3330	3420	15.2	14.5	13.9
	20+20+20+20+20+25	2.16	2.16	2.16	2.16	2.16	2.16	4.5	13.5	13.8	1150	3330	3420	15.2	14.5	13.9
	20+20+20+20+20+35	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00	3.50	4.5	13.5	13.8	1150	3330	3420	15.2	14.5	13.9
	20+20+20+20+20+50	1.80	1.80	1.80	1.80	1.80	4.50	4.5	13.5	13.8	1150	3320	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+20+20+60	1.69	1.69	1.69	1.69	1.69	5.06	4.5	13.5	13.8	1150	3320	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+20+20+71	1.58	1.58	1.58	1.58	1.58	5.61	4.5	13.5	13.8	1150	3310	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+20+25+25	2.08	2.08	2.08	2.08	2.60	2.60	4.5	13.5	13.8	1150	3330	3420	15.2	14.5	13.9
	20+20+20+20+25+35	1.93	1.93	1.93	1.93	2.41	3.38	4.5	13.5	13.8	1150	3320	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+20+25+50	1.74	1.74	1.74	1.74	2.18	4.35	4.5	13.5	13.8	1150	3320	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+20+25+60	1.64	1.64	1.64	1.64	2.05	4.91	4.5	13.5	13.8	1150	3320	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+20+25+71	1.53	1.53	1.53	1.53	1.92	5.45	4.5	13.5	13.8	1150	3310	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+20+35+35	1.80	1.80	1.80	1.80	3.15	3.15	4.5	13.5	13.8	1150	3320	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+20+35+50	1.64	1.64	1.64	1.64	2.86	4.09	4.5	13.5	13.8	1150	3320	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+20+35+60	1.54	1.54	1.54	1.54	2.70	4.63	4.5	13.5	13.8	1150	3310	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+20+35+71	1.45	1.45	1.45	1.45	2.54	5.15	4.5	13.5	13.8	1150	3310	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+20+50+50	1.50	1.50	1.50	1.50	3.75	3.75	4.5	13.5	13.8	1150	3310	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+20+50+60	1.42	1.42	1.42	1.42	3.55	4.26	4.5	13.5	13.8	1150	3310	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+25+25+25	2.00	2.00	2.00	2.50	2.50	2.50	4.5	13.5	13.8	1150	3330	3420	15.2	14.5	13.9
	20+20+20+25+25+35	1.86	1.86	1.86	2.33	2.33	3.26	4.5	13.5	13.8	1150	3320	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+25+25+50	1.69	1.69	1.69	2.11	2.11	4.22	4.5	13.5	13.8	1150	3320	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+25+25+60	1.59	1.59	1.59	1.99	1.99	4.76	4.5	13.5	13.8	1150	3310	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+25+25+71	1.49	1.49	1.49	1.86	1.86	5.30	4.5	13.5	13.8	1150	3310	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+25+35+35	1.74	1.74	1.74	2.18	3.05	3.05	4.5	13.5	13.8	1150	3320	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+25+35+50	1.59	1.59	1.59	1.99	2.78	3.97	4.5	13.5	13.8	1150	3310	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+25+35+60	1.50	1.50	1.50	1.88	2.63	4.50	4.5	13.5	13.8	1150	3310	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+25+50+50	1.46	1.46	1.46	1.82	3.65	3.65	4.5	13.5	13.8	1150	3310	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+25+50+60	1.38	1.38	1.38	1.73	3.46	4.15	4.5	13.5	13.8	1150	3310	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+35+35+35	1.64	1.64	1.64	2.86	2.86	2.86	4.5	13.5	13.8	1150	3320	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+35+35+50	1.50	1.50	1.50	2.63	2.63	3.75	4.5	13.5	13.8	1150	3310	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+35+35+60	1.42	1.42	1.42	2.49	2.49	4.26	4.5	13.5	13.8	1150	3310	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+20+35+50+50	1.38	1.38	1.38	2.42	3.46	3.46	4.5	13.5	13.8	1150	3310	3420	15.1	14.4	13.8
	20+20+25+25+25+25	1.93	1.93	2.41	2.41	2.41	2.41	4.5	13.5	13.8	1150	3320	3420	1		



CHỌN CÔNG SUẤT DÀN LẠNH KẾT NỐI

| SCM125ZM-S Bảng kết hợp với các dàn lạnh khác nhau

DÀN LẠNH			Công suất lạnh (kW)							Công suất tiêu thụ điện (W)			Dòng điện danh định (A)				
			Công suất lạnh mỗi phòng					Tổng công suất		Tối thiểu	Tiêu chuẩn	Tối đa	220V	230V	240V		
			A	B	C	D	E	F	Tối thiểu							Tiêu chuẩn	Tối đa
Hoạt động làm lạnh	4 phòng	20+25+35+60	1.79	2.23	3.13	5.36	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4730	4800	21.5	20.6	19.7
		20+25+35+71	1.66	2.07	2.90	5.88	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4730	4800	21.5	20.6	19.7
		20+25+50+50	1.72	2.16	4.31	4.31	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4730	4800	21.5	20.6	19.7
		20+25+50+60	1.61	2.02	4.03	4.84	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		20+25+50+71	1.51	1.88	3.77	5.35	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		20+25+60+60	1.52	1.89	4.55	4.55	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		20+25+60+71	1.42	1.78	4.26	5.04	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		20+25+71+71	1.34	1.67	4.75	4.75	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4700	4800	21.4	20.5	19.6
		20+35+35+35	2.00	3.50	3.50	3.50	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4740	4800	21.6	20.6	19.8
		20+35+35+50	1.79	3.13	3.13	4.46	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4730	4800	21.5	20.6	19.7
		20+35+35+60	1.67	2.92	2.92	5.00	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4730	4800	21.5	20.6	19.7
		20+35+35+71	1.55	2.72	2.72	5.51	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		20+35+50+50	1.61	2.82	4.03	4.03	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		20+35+50+60	1.52	2.65	3.79	4.55	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		20+35+50+71	1.42	2.49	3.55	5.04	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		20+35+60+60	1.43	2.50	4.29	4.29	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4710	4800	21.4	20.5	19.6
		20+35+60+71	1.34	2.35	4.03	4.77	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4710	4800	21.4	20.5	19.6
		20+50+50+50	1.47	3.68	3.68	3.68	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		20+50+50+60	1.39	3.47	3.47	4.17	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4710	4800	21.4	20.5	19.6
		20+50+50+71	1.31	3.27	3.27	4.65	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4700	4800	21.4	20.5	19.6
		20+50+60+60	1.32	3.29	3.95	3.95	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4700	4800	21.4	20.5	19.6
		25+25+25+25	2.50	2.50	2.50	2.50	-	-	4.4	10.0	12.8	1100	3210	4800	14.6	14.0	13.4
		25+25+25+35	2.50	2.50	2.50	3.50	-	-	4.4	11.0	12.8	1100	3580	4800	16.3	15.6	14.9
		25+25+25+50	2.50	2.50	2.50	5.00	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4740	4800	21.6	20.6	19.8
		25+25+25+60	2.31	2.31	2.31	5.56	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4730	4800	21.5	20.6	19.7
		25+25+25+71	2.14	2.14	2.14	6.08	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4730	4800	21.5	20.6	19.7
		25+25+35+35	2.50	2.50	3.50	3.50	-	-	4.4	12.0	12.8	1100	4100	4800	18.7	17.8	17.1
		25+25+35+50	2.31	2.31	3.24	4.63	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4730	4800	21.5	20.6	19.7
		25+25+35+60	2.16	2.16	3.02	5.17	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4730	4800	21.5	20.6	19.7
		25+25+35+71	2.00	2.00	2.80	5.69	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		25+25+50+50	2.08	2.08	4.17	4.17	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4730	4800	21.5	20.6	19.7
		25+25+50+60	1.95	1.95	3.91	4.69	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		25+25+50+71	1.83	1.83	3.65	5.19	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		25+25+60+60	1.84	1.84	4.41	4.41	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		25+25+60+71	1.73	1.73	4.14	4.90	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4710	4800	21.4	20.5	19.6
		25+25+71+71	1.63	1.63	4.62	4.62	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4700	4800	21.4	20.5	19.6
		25+35+35+35	2.40	3.37	3.37	3.37	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4740	4800	21.6	20.6	19.8
		25+35+35+50	2.16	3.02	3.02	4.31	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4730	4800	21.5	20.6	19.7
		25+35+35+60	2.02	2.82	2.82	4.84	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		25+35+35+71	1.88	2.64	2.64	5.35	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		25+35+50+50	1.95	2.73	3.91	3.91	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		25+35+50+60	1.84	2.57	3.68	4.41	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7
		25+35+50+71	1.73	2.42	3.45	4.90	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4710	4800	21.4	20.5	19.6
		25+35+60+60	1.74	2.43	4.17	4.17	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4710	4800	21.4	20.5	19.6
		25+35+60+71	1.64	2.29	3.93	4.65	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4700	4800	21.4	20.5	19.6
		25+50+50+50	1.79	3.57	3.57	3.57	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4710	4800	21.4	20.5	19.6
		25+50+50+60	1.69	3.38	3.38	4.05	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4710	4800	21.4	20.5	19.6
		25+50+60+60	1.60	3.21	3.85	3.85	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4700	4800	21.4	20.5	19.6
35+35+35+35	3.13	3.13	3.13	3.13	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4730	4800	21.5	20.6	19.7		
35+35+35+50	2.82	2.82	2.82	4.03	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7		
35+35+35+60	2.65	2.65	2.65	4.55	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7		
35+35+35+71	2.49	2.49	2.49	5.04	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4710	4800	21.4	20.5	19.6		
35+35+50+50	2.57	2.57	3.68	3.68	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4720	4800	21.5	20.5	19.7		
35+35+50+60	2.43	2.43	3.47	4.17	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4710	4800	21.4	20.5	19.6		
35+35+50+71	2.29	2.29	3.27	4.65	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4700	4800	21.4	20.5	19.6		
35+35+60+60	2.30	2.30	3.95	3.95	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4700	4800	21.4	20.5	19.6		
35+50+50+50	2.36	3.38	3.38	3.38	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4710	4800	21.4	20.5	19.6		
35+50+50+60	2.24	3.21	3.21	3.85	-	-	4.4	12.5	12.8	1100	4700	4800	21.4	20.5	19.6		
20+20+20+20+20	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00	-	-	5.1	10.0	13.3	1210	2950	4800	13.4	12.8	12.3	
20+20+20+20+25	2.00	2.00	2.00	2.00	2.50	-	-	5.1	10.5	13.3	1210	3200	4800	14.6	13.9	13.3	
20+20+20+20+35	2.00	2.00	2.00	2.00	3.50	-	-	5.1	11.5	13.3	1210	3710	4800	16.9	16.1	15.5	
20+20+20+20+50	1.92	1.92	1.92	1.92	4.81	-	-	5.1	12.5	13.3	1210	4430	4800	20.2	19.3	18.5	
20+20+20+20+60	1.79	1.79	1.79	1.79	5.36	-	-	5.1	12.5	13.3	1210	4420	4800	20.1	19.2	18.4	
20+20+20+20+71	1.66	1.66	1.66	1.66	5.88	-	-	5.1	12.5	13.3	1210	4410	4800	20.1	19.2	18.4	
20+20+20+25+25	2.00	2.00	2.00	2.50	2.50	-	-	5.1	11.0	13.3	1210	3400	4800	15.5	14.8	14.2	
20+20+20+25+35	2.00	2.00	2.00	2.50	3.50	-	-	5.1	12.0	13.3	1210	4090	4800	18.6	17.8	17.1	
20+20+20+25+50	1.85	1.85	1.85	2.31	4.63	-	-	5.1	12.5	13.3	1210	4430	4800	20.2	19.3	18.5	
20+20+20+25+60	1.72	1.72	1.72	2.16	5.17	-	-	5.1	12.5	13.3	1210	4420	4800	20.1	19.2	18.4	
20+20+20+25+71	1.60	1.60	1.60	2.00	5.69	-	-	5.1	12.5	13.3	1210	4410	4800	20.1	19.2	18.4	
20+20+20+35+35	1.92	1.92	1.92	3.37	3.37	-	-	5.1	12.5	13.3	1210	4430	4800	20.2	19.3	18.5	
20+20+20+35+50	1.72	1.72	1.72	3.02	4.31	-	-	5.1	12.5	13.3	1210	4420	4800	20.1	19.2	18.4	
20+20+20+35+60	1.61	1.61	1.61	2.82	4.84	-	-	5.1	12.5	13.3	1210	4410	4800	20.1	19.2	18.4	
20+20+20+35+71	1.51	1.51	1.51	2.64	5.35	-	-	5.1	12.5	13.3	1210	4400	4800	20.0	19.1	18.4	
20+20+20+50+50	1.56	1.56	1.56	3.91	3.91	-	-	5.1	12.5	13.3	1210	4410	4800	20.1	19.2	18.4	
20+20+20+50+60	1.47	1.47	1.47	3.68	4.41	-	-	5.1	12.5	13.3	1210	4400	4800	20.0	19.1	18.4	
20+20+20+50+71	1.38	1.38	1.38	3.45	4.90	-	-	5.1	12.5	13.3	1210	4390	4800	20.0	19.1	18.3	
20+20+20+60+60	1.39	1.39	1.39	4.17	4.17	-	-	5.1	12.5	13.3	1210	4390	4800	20.0	19.1	18.3	
20+20+20+60+71	1.31	1.31	1.31	3.93	4.65	-	-	5.1	12.5	13.3	1210	4380	4800	19.9	19.1	18.3	
20+20+25+25+25	2.00	2.00	2.50														

HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN

I BỘ ĐIỀU KHIỂN CÓ DÂY (TÙY CHỌN)

RC-EX3A

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA CÓ DÂY CAO CẤP

RC-EX3A có thể điều khiển truy cập mở rộng cho các dịch vụ sửa chữa, bảo trì. Các dữ liệu kỹ thuật được kết hợp sử dụng dễ dàng và được hiển thị rõ ràng trên màn hình LCD. Tất cả các thay đổi cài đặt đều có thể thực hiện dễ dàng thông qua màn hình cảm ứng

- Tiết kiệm và hẹn giờ:  
Không chế công suất tối đa. Chế độ vắng nhà. Chế độ tiết kiệm năng lượng.
- Thoải mái:  
Công suất cao. Tốc độ quạt tự động. Chế độ yên lặng.
- Tiện nghi:  
Đa ngôn ngữ. Tăng giảm độ tương phản màn hình. Chuyển đổi chức năng. Kết nối thiết bị ngoại vi.
- Sửa chữa bảo trì:  
Hiển thị lỗi vận hành. Hiển thị thông số vận hành. Kiểm soát dự phòng.



RC-E5

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA CÓ DÂY

Loại RC-E5 có thể điều khiển truy cập mở rộng cho các dịch vụ sửa chữa, bảo trì. Các dữ liệu kỹ thuật được kết hợp sử dụng dễ dàng và được hiển thị rõ ràng trên màn hình LCD.

- Chức năng tiêu chuẩn định giờ hàng tuần
- Vận hành bộ định giờ
- Đồng hồ đếm giờ vận hành giúp kiểm bảo trì
- Nhiệt độ phòng được điều chỉnh bởi bộ cảm biến trên điều khiển
- Thay đổi phạm vi nhiệt độ đã cài đặt



RCH-E3

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA CÓ DÂY ĐƠN GIẢN

Thích hợp cho việc sử dụng đặc biệt trong các phòng khách sạn, các nút điều khiển được giới hạn ở mức tối thiểu cho các chức năng đơn giản như Mở/Tắt máy, chế độ cài đặt nhiệt độ và tốc độ quạt. Bộ điều khiển này đơn giản và dễ sử dụng

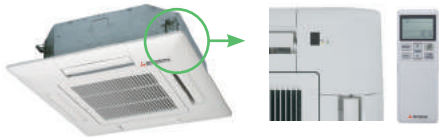
- Điều khiển đến 16 dàn lạnh:  
Có thể điều khiển đến 16 dàn lạnh, bằng cách nhấn nút AIRCON.
- Tự khởi động  
Chức năng này cho phép máy điều hòa tự khởi động trở lại sau khi có điện vì cúp điện trước đó, hoặc bằng cách bật công tắc nguồn



I BỘ ĐIỀU KHIỂN KHÔNG DÂY (TÙY CHỌN)

Để sử dụng bộ điều khiển không dây, thực hiện đơn giản bằng cách lắp đặt bộ thu hồng ngoại vào góc trên mặt nạ máy

RCN-TC-24W-E2



RCN-KIT4-E2



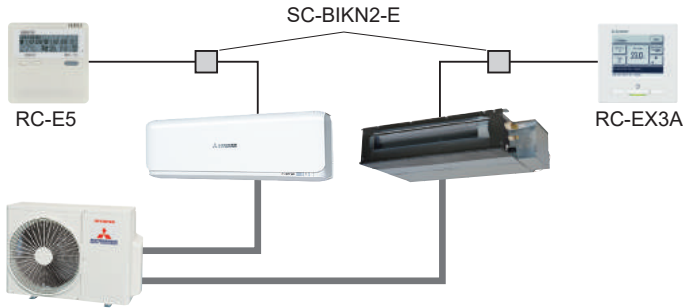
RCN-E-E3



TÙY CHỌN ĐIỀU KHIỂN

Kết nối bộ điều khiển dây

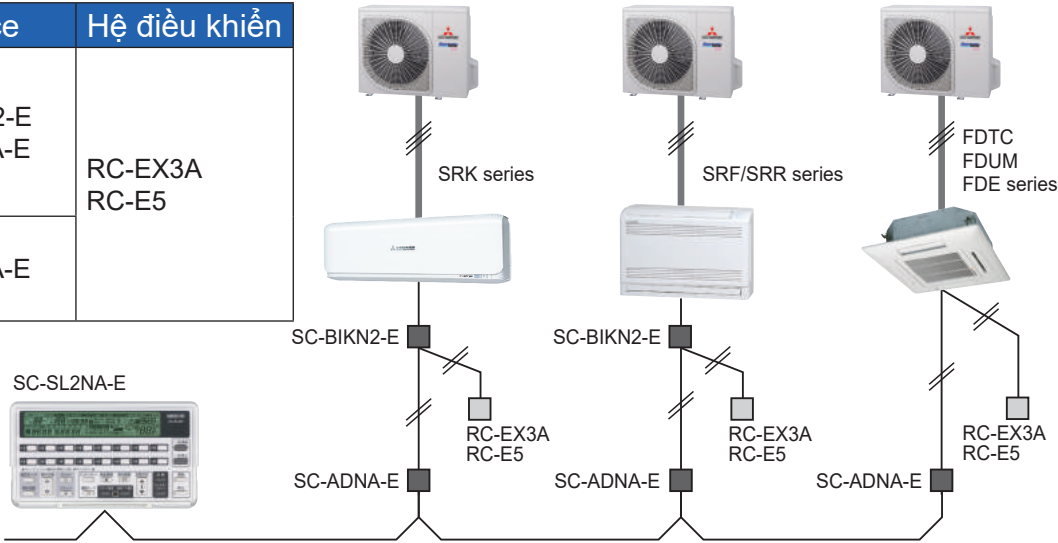
Model	Interface	Hệ điều khiển
SRK-ZSX SRK-ZR SRK-ZS SRF-ZMX SRR-ZM	SC-BIKN2-E	RC-EX3A RC-E5
FDTC-VF* FDUM50VF FDE50VG	không yêu cầu	



\* Nếu sử dụng bộ điều khiển từ xa, cần chọn thêm bộ điều khiển nhận tín hiệu RCN-TC-24W-E2

Kết nối hệ thống SUPERLINK- II

Model	Interface	Hệ điều khiển
SRK-ZSX SRK-ZR SRK-ZS SRF-ZMX SRR-ZM	SC-BIKN2-E SC-ADNA-E	RC-EX3A RC-E5
FDTC-VF FDUM50VF FDE50VG	SC-ADNA-E	



Kết nối ngoại vi CnT

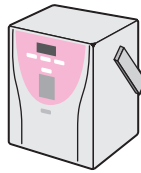
Tất cả các dàn lạnh được trang bị các điểm kết nối bổ sung - CnT - có thể kết nối dàn lạnh với các công tắc ON/OFF ngoại vi, ví dụ như đồng hồ thời gian, thiết bị báo cháy,...



Hệ thống kiểm soát từ xa



Tắt mở bằng thẻ khóa phòng

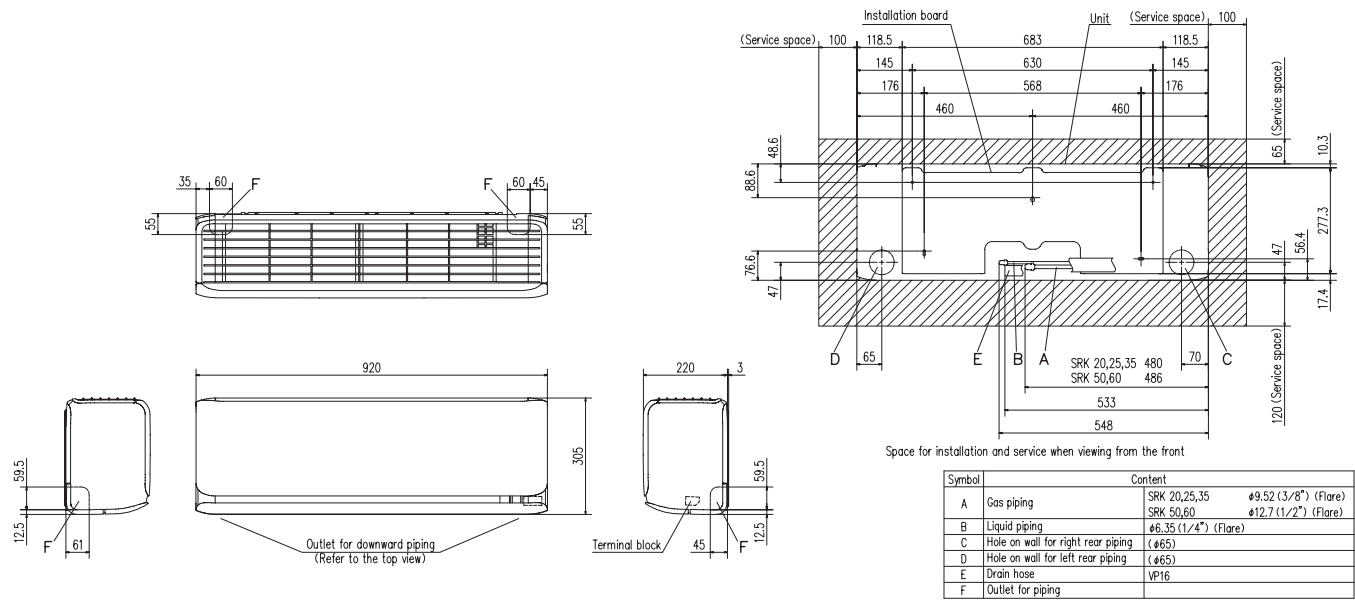


Kết nối máy làm ẩm

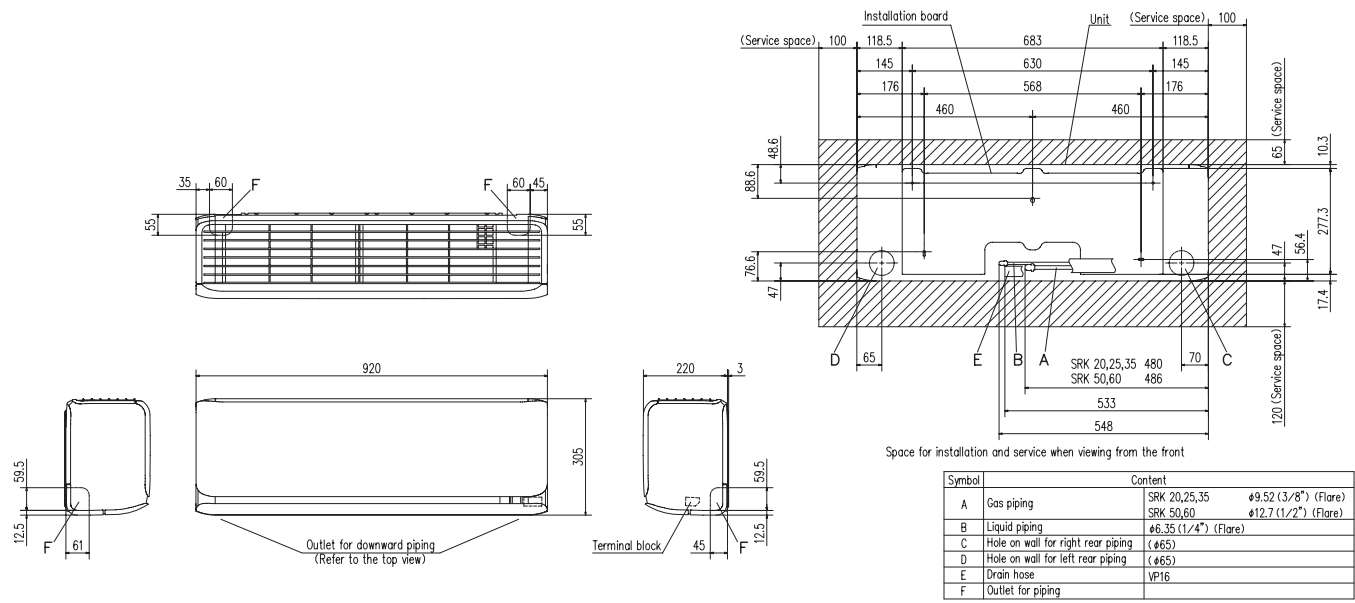
Model	Interface
SRK-ZSX SRK-ZR SRK-ZS SRF-ZMX SRR-ZM	SC-BIKN2-E
FDTC-VF FDUM50VF FDE50VG	không yêu cầu



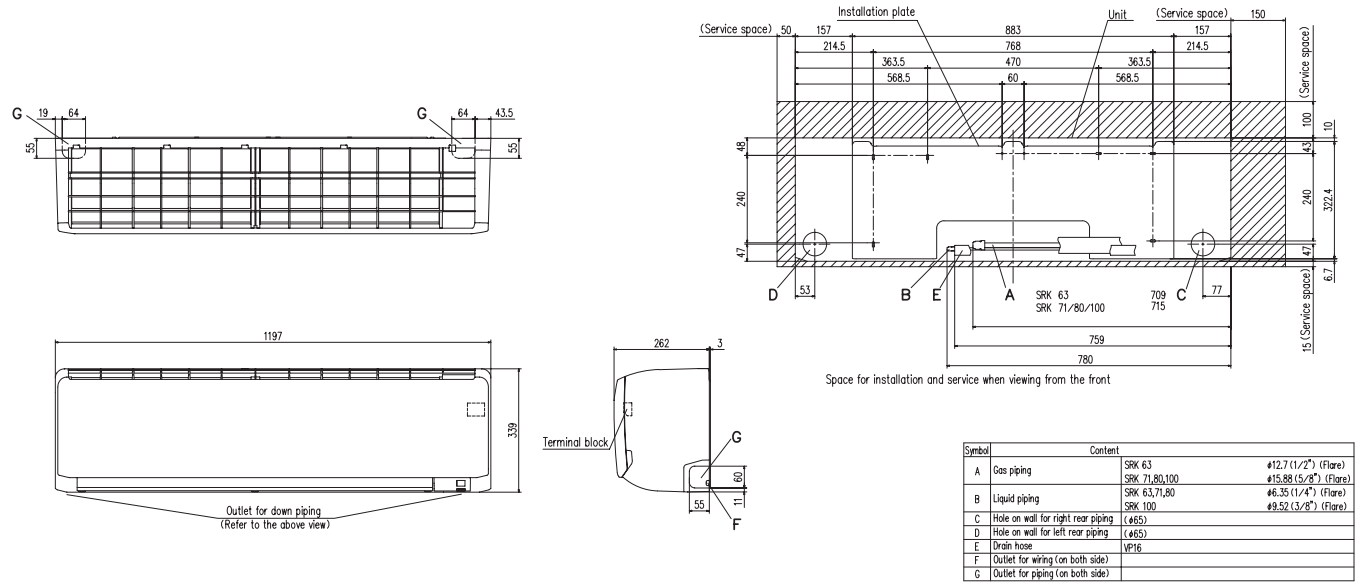
| SRK20ZSX-W SRK25ZSX-W SRK35ZSX-W SRK50ZSX-W SRK60ZSX-W



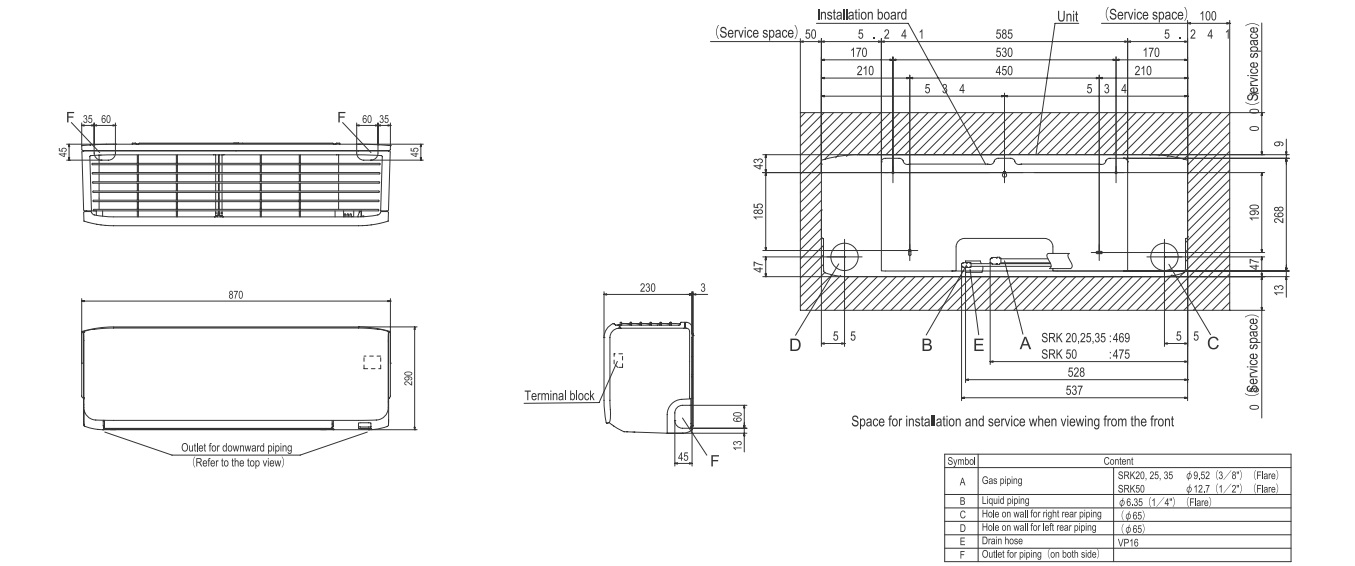
| SRK20ZSX-S SRK25ZSX-S SRK35ZSX-S SRK50ZSX-S SRK60ZSX-S



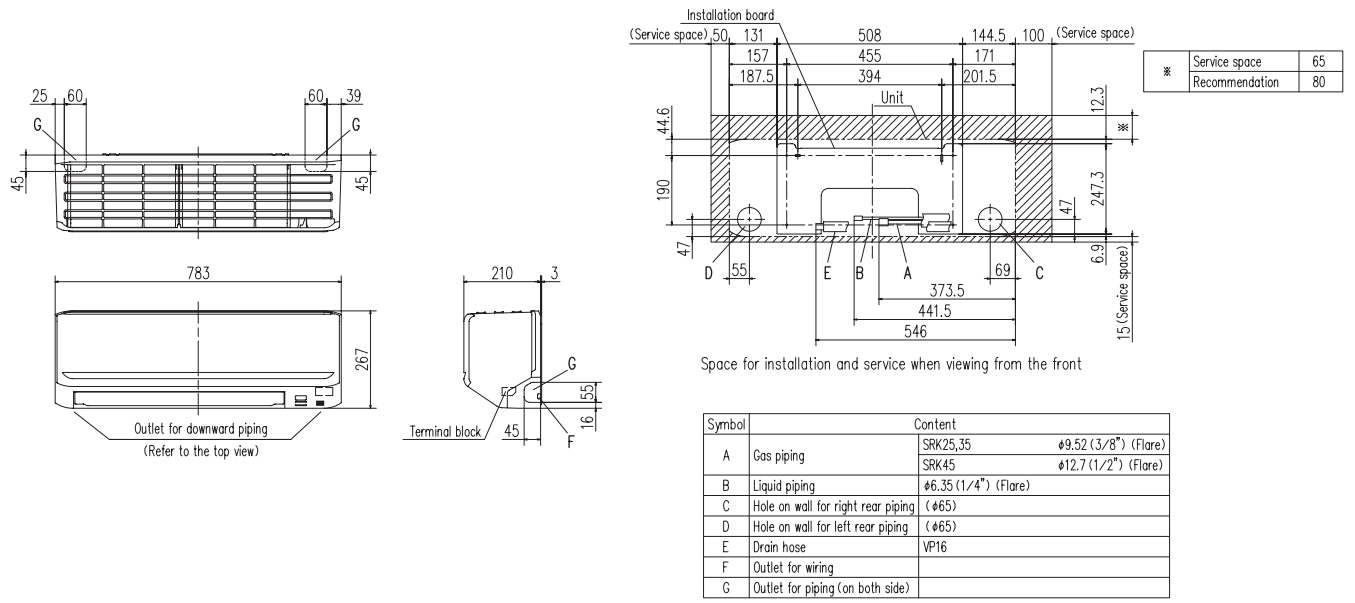
| SRK63ZR-S SRK71ZR-S SRK80ZR-S SRK100ZR-S



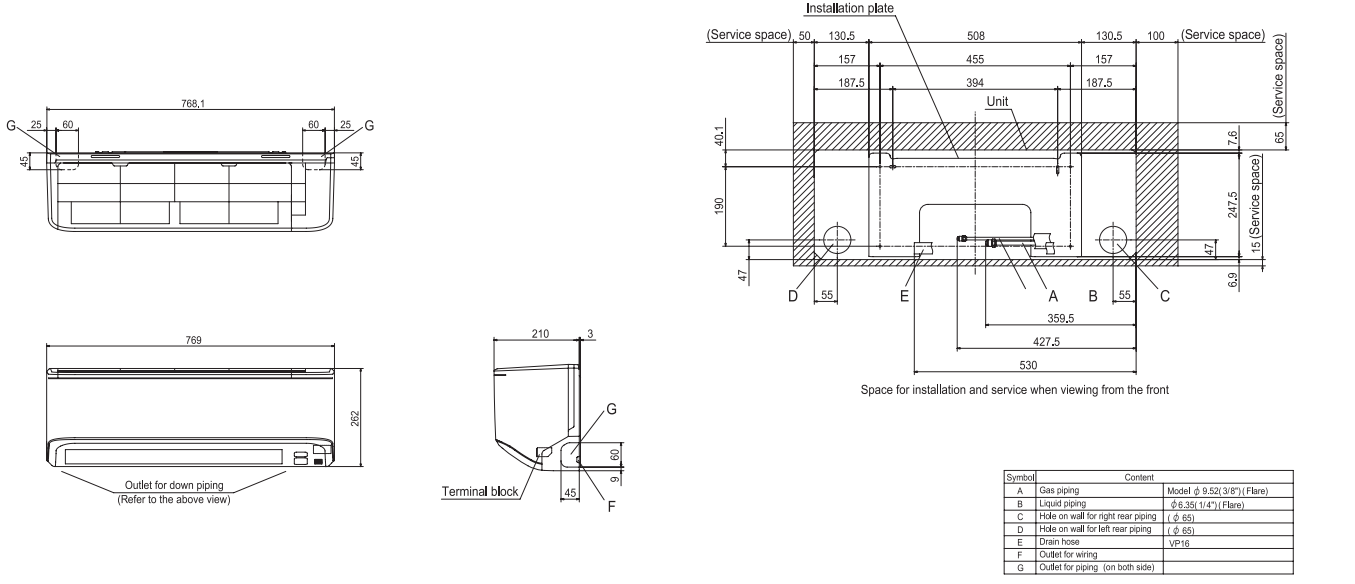
| SRK20ZS-S SRK25ZS-S SRK35ZS-S SRK50ZS-S  
| SRK20ZSS-W5 SRK25ZSS-W5 SRK35ZSS-W5 SRK50ZSS-W5



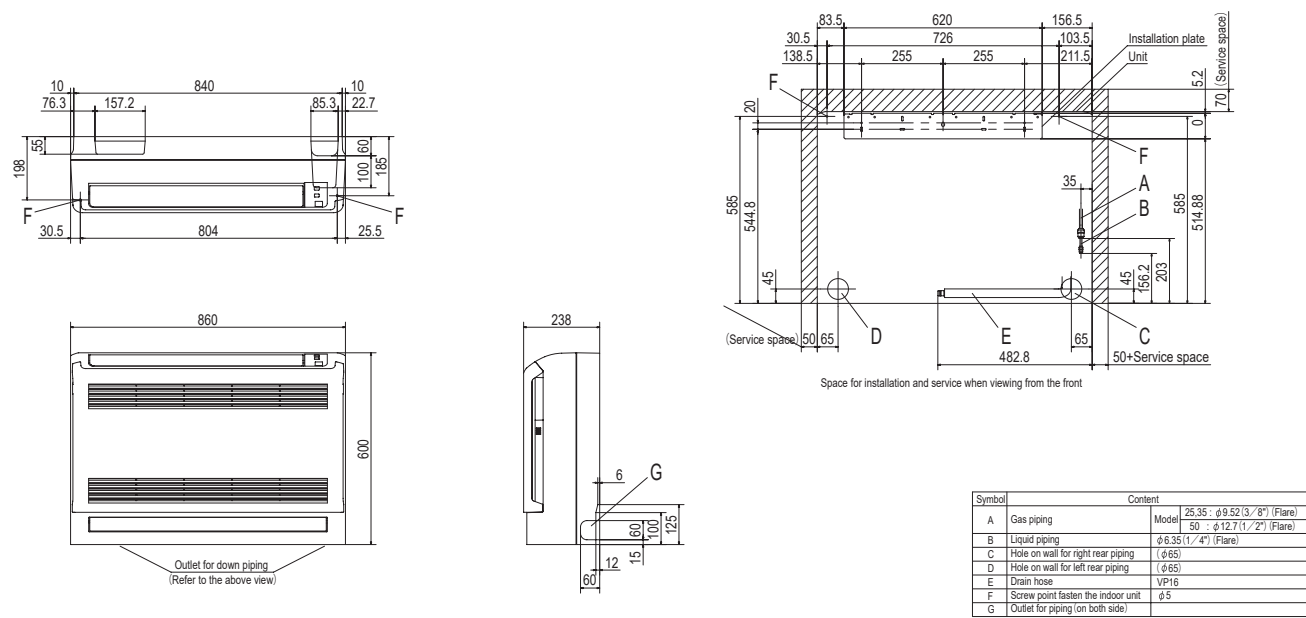
| SRK25ZSPS-S5 SRK35ZSPS-S5 SRK45ZSPS-S5



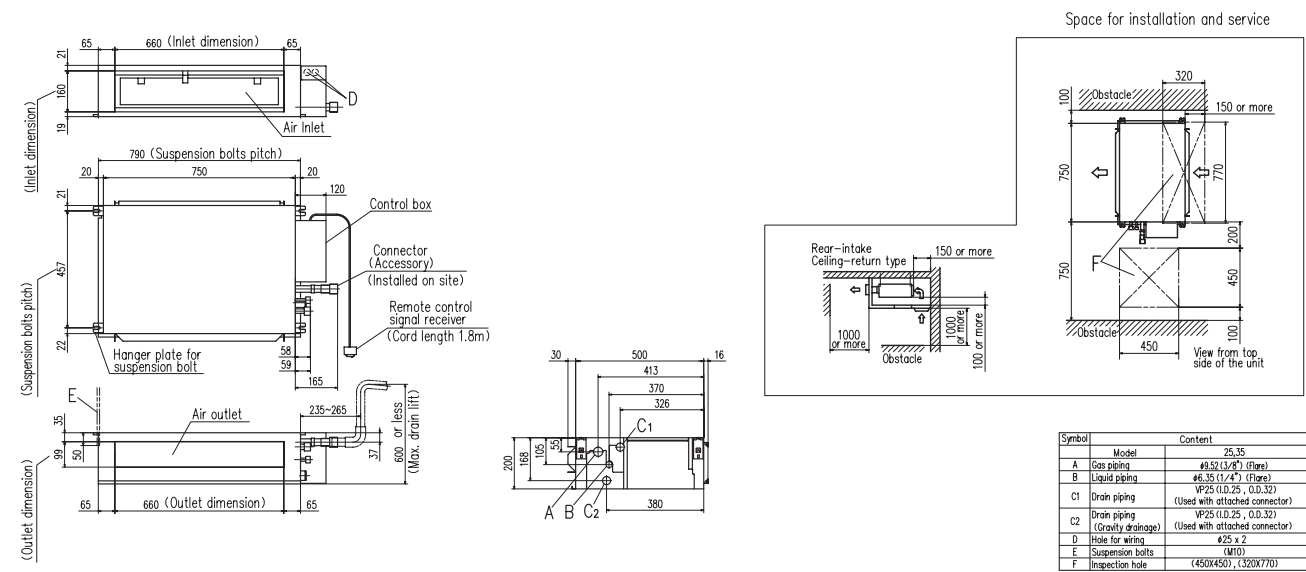
| SKM20ZSP-S SKM25ZSP-S SKM35ZSP-S



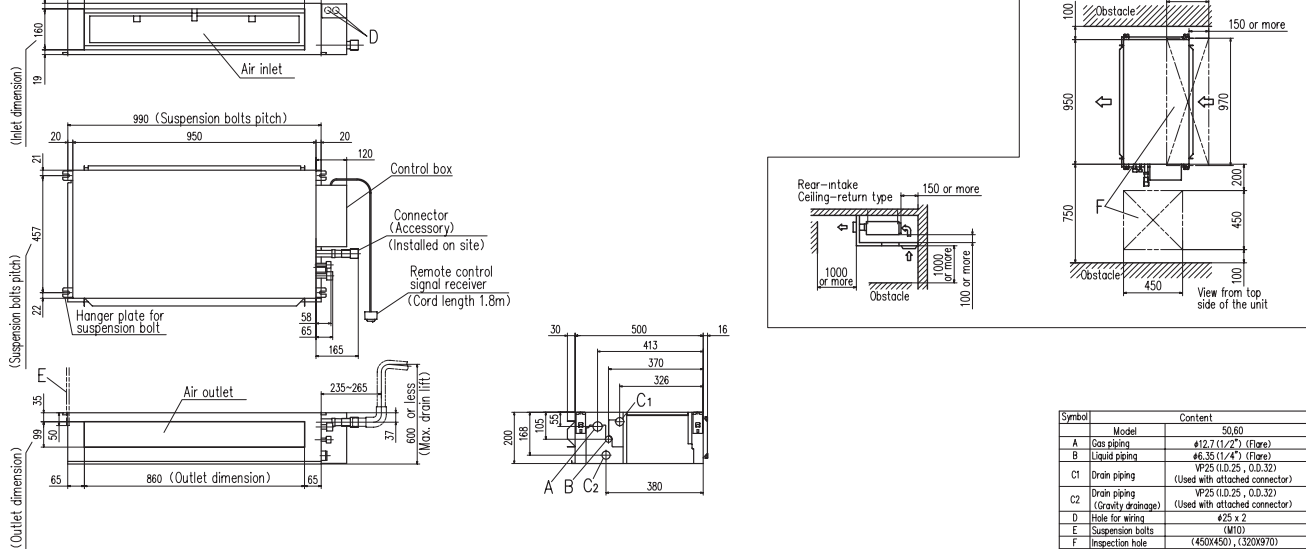
| SRF25ZMX-S SRF35ZMX-S SRF50ZMX-S



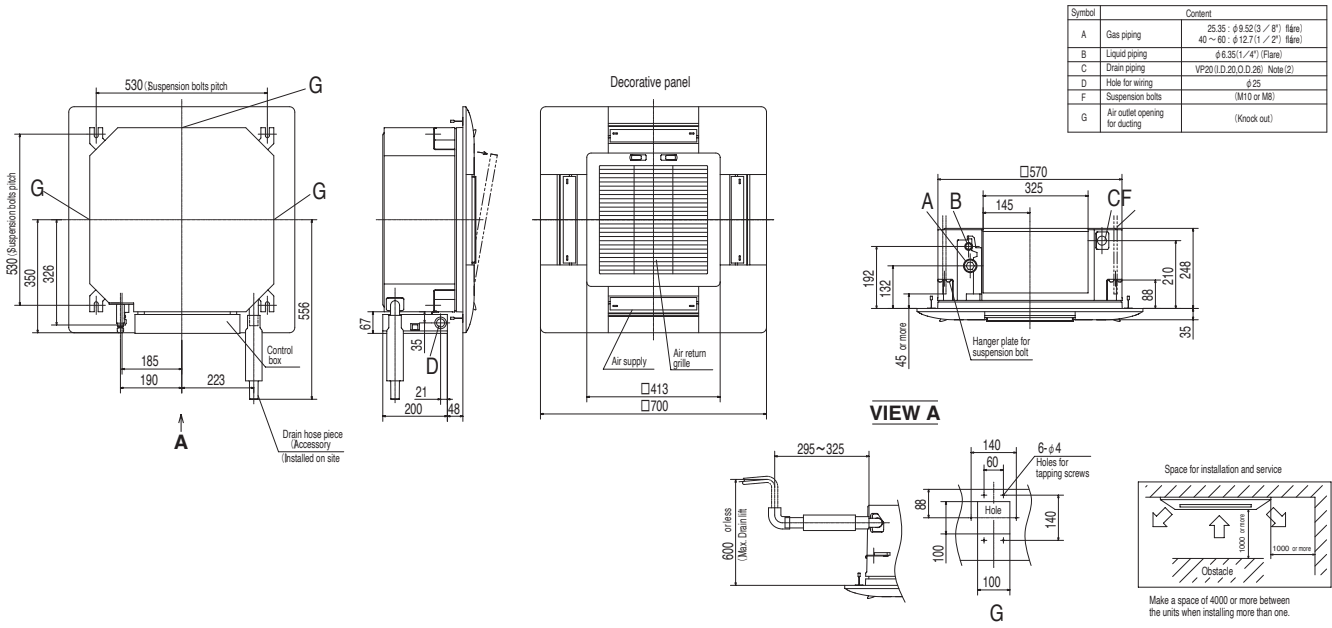
| SRR25ZM-S SRR35ZM-S



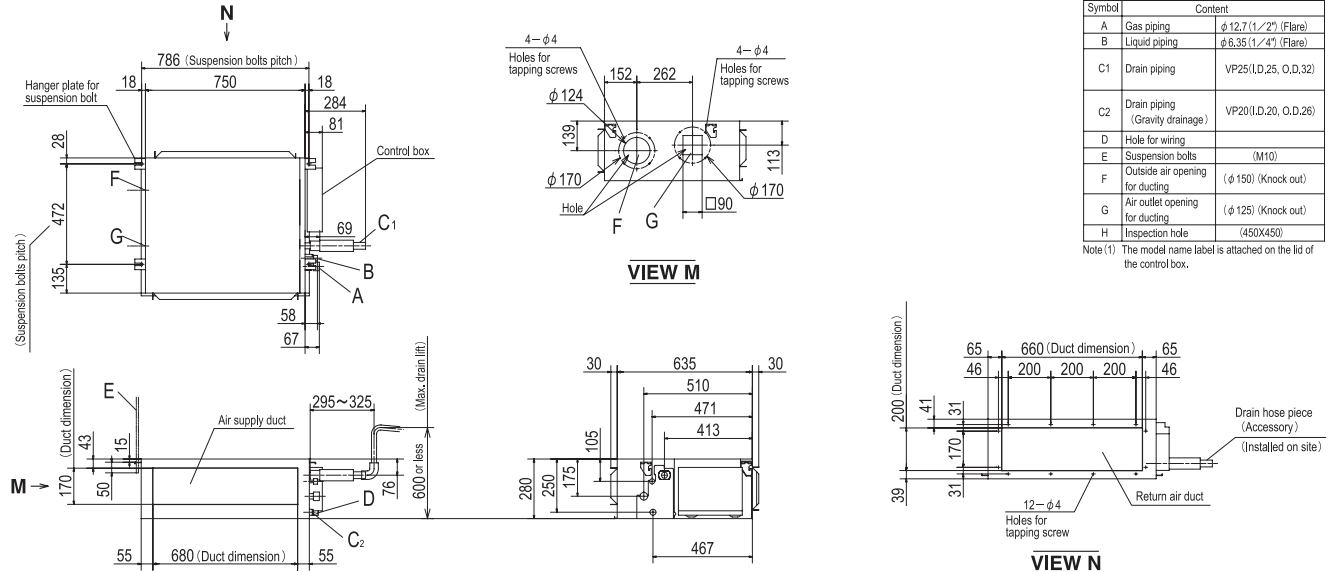
| SRR50ZM-S SRR60ZM-S



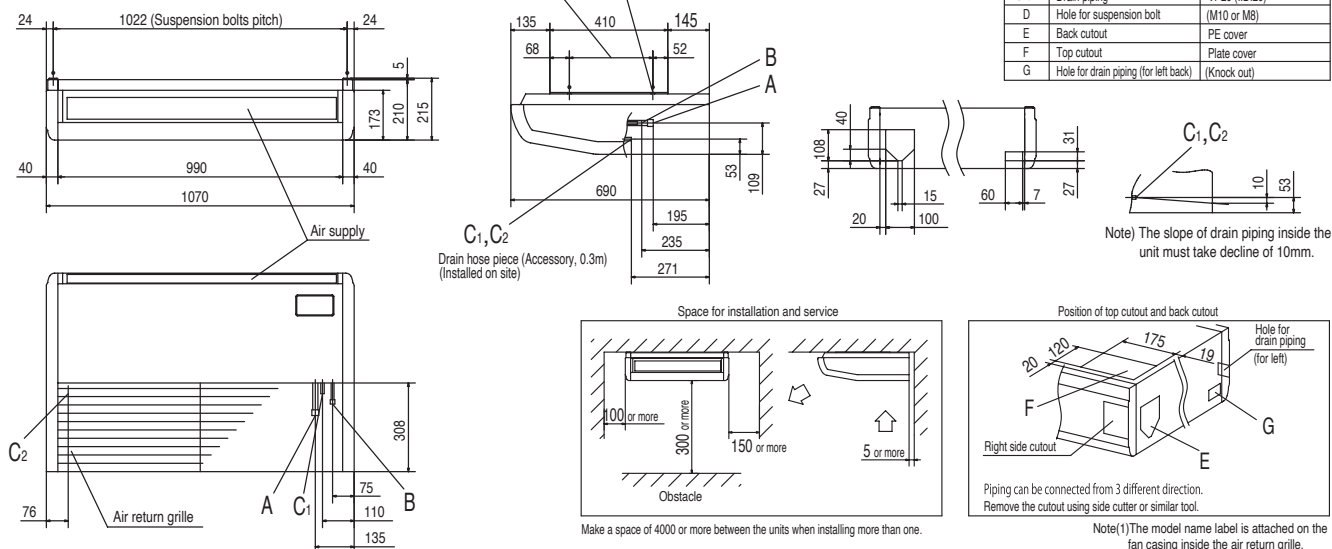
| FDT25VF FDT35VF FDT40VF FDT50VF FDT60VF



| FDUM50VF

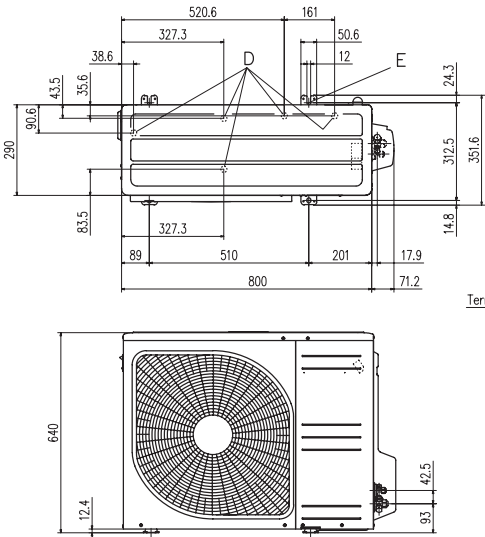


| FDE50VG



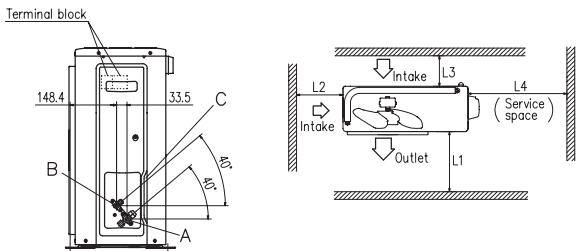


| SRC20ZSX-S   SRC25ZSX-S   SRC35ZSX-S   SRC40ZSX-S   SRC50ZSX-S   SRC60ZSX-S   SRC63ZR-S

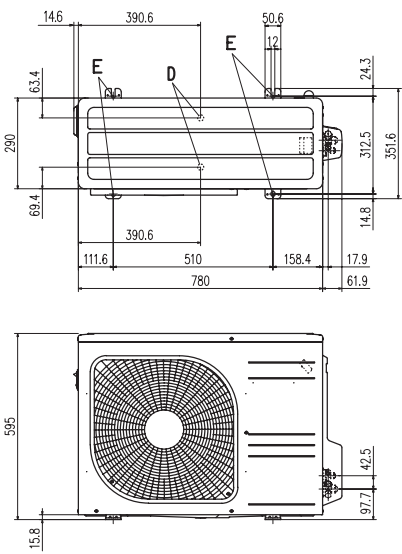


Symbol	Content
A	Service valve connection (gas side) 20.25.35 $\phi$ 9.52(3/8") (Flare)
B	Service valve connection (liquid side) 40.50.60.63 $\phi$ 12.7(1/2") (Flare)
C	Pipe/cable draw-out hole $\phi$ 6.35 (1/4") (Flare)
D	Drain discharge hole $\phi$ 20x5places
E	Anchor bolt hole M10x4places

Minimum installation space				
Examples of installation Dimensions	I	II	III	IV
L1	Open	280	280	180
L2	100	75	Open	Open
L3	100	80	80	80
L4	250	Open	250	Open

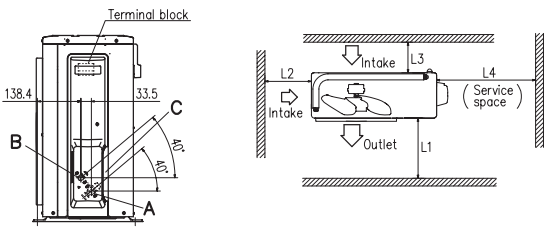


| SRK50ZS-S   SRC25ZMX-S   SRC35ZMX-S   SRC45ZSP-S5

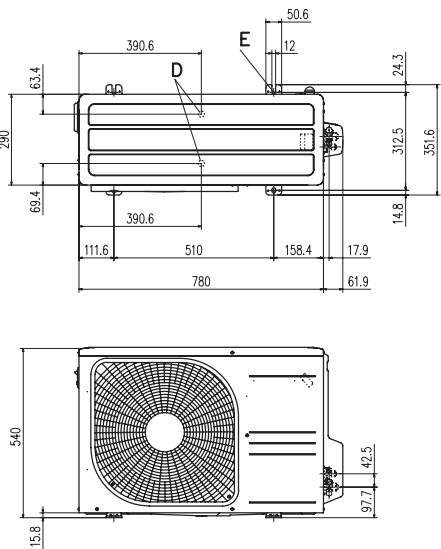


Symbol	Content
A	Service valve connection (gas side) ZMX: $\phi$ 9.52(3/8") (Flare) ZS.ZMP: $\phi$ 12.7(1/2") (Flare)
B	Service valve connection (liquid side) $\phi$ 6.35 (1/4") (Flare)
C	Pipe/cable draw-out hole $\phi$ 6.35 (1/4") (Flare)
D	Drain discharge hole $\phi$ 20x2places
E	Anchor bolt hole M10x4places

Minimum installation space				
Examples of installation Dimensions	I	II	III	IV
L1	Open	280	280	180
L2	100	75	Open	Open
L3	100	80	80	80
L4	250	Open	250	Open

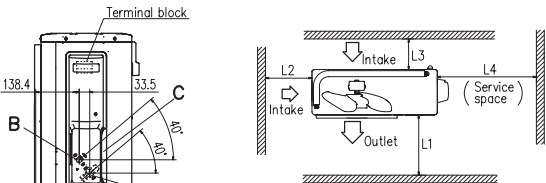


| SRC20ZS-S   SRC25ZS-S   SRC35ZS-S

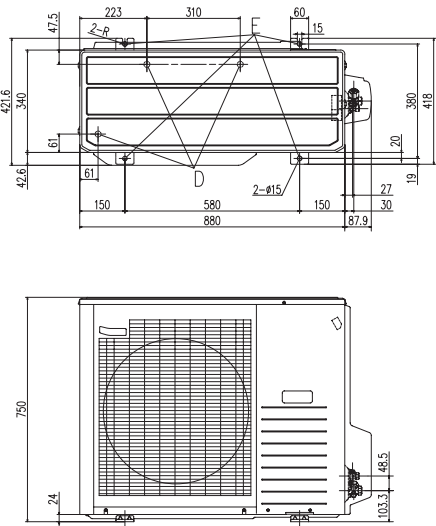


Symbol	Content
A	Service valve connection (gas side) $\phi$ 9.52 (3/8") (Flare)
B	Service valve connection (liquid side) $\phi$ 6.35 (1/4") (Flare)
C	Pipe/cable draw-out hole $\phi$ 6.35 (1/4") (Flare)
D	Drain discharge hole $\phi$ 20x2places
E	Anchor bolt hole M10x4places

Minimum installation space				
Examples of installation Dimensions	I	II	III	IV
L1	Open	280	280	180
L2	100	75	Open	Open
L3	100	80	80	80
L4	250	Open	250	Open

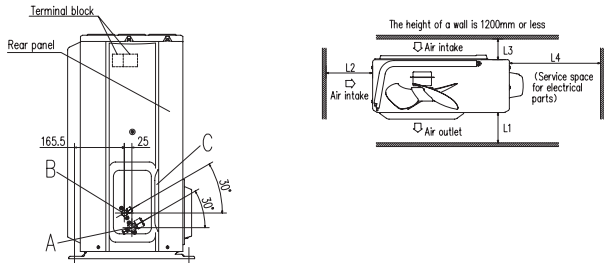


| SRC71ZR-S   SRC80ZR-S

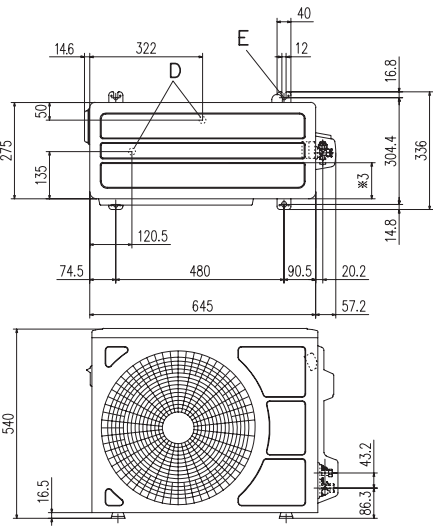


Symbol	Content
A	Service valve connection (gas side) $\phi$ 15.88 (5/8") (Flare)
B	Service valve connection (liquid side) $\phi$ 6.35 (1/4") (Flare)
C	Pipe/cable draw-out hole $\phi$ 20 x 3 places
D	Drain discharge hole $\phi$ 20 x 3 places
E	Anchor bolt hole M10 x 4 places

Minimum installation space			
Examples of installation Dimensions	I	II	III
L1	Open	Open	500
L2	300	250	Open
L3	100	150	100
L4	250	250	250

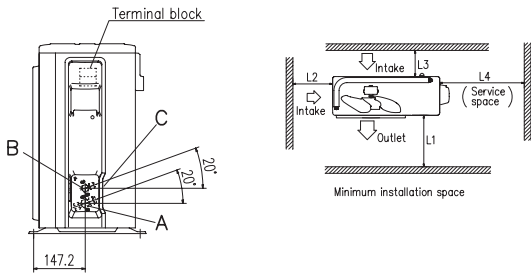


| SRC25ZSP-S5   SRC35ZSP-S5

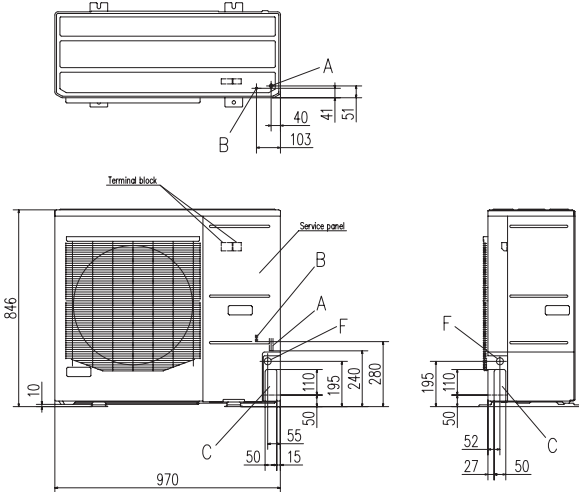


Symbol	Content
A	Service valve connection (gas side) $\phi$ 9.52 (3/8") (Flare)
B	Service valve connection (liquid side) $\phi$ 6.35 (1/4") (Flare)
C	Pipe/cable draw-out hole $\phi$ 20x2places
D	Drain discharge hole $\phi$ 20x2places
E	Anchor bolt hole M10x4places

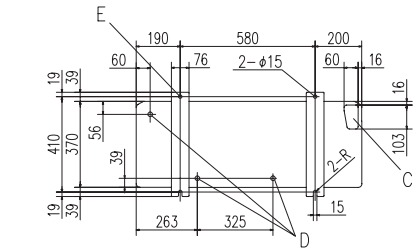
Minimum installation space				
Examples of installation Dimensions	I	II	III	IV
L1	Open	280	280	180
L2	100	100	Open	Open
L3	100	80	80	80
L4	250	Open	250	Open



| FDC100VNP

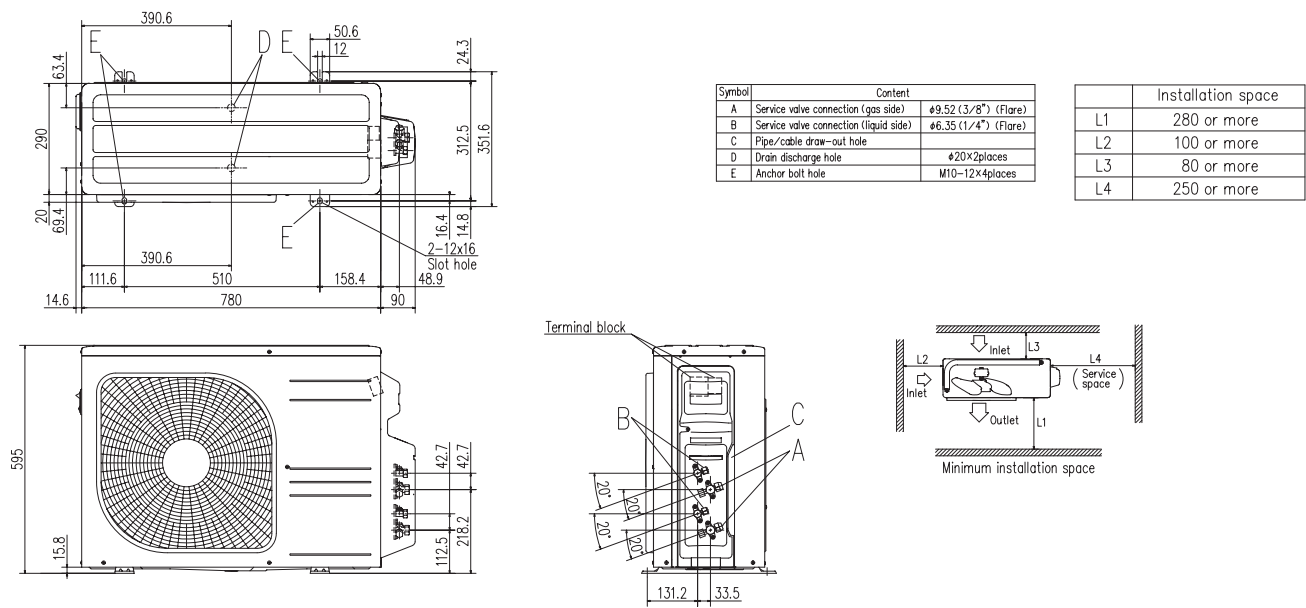


Symbol	Content
A	Service valve connection (gas side) $\phi$ 15.88 (5/8") (Flare)
B	Service valve connection (liquid side) $\phi$ 9.52 (3/8") (Flare)
C	Pipe/cable draw-out hole $\phi$ 20x3 places
D	Drain discharge hole $\phi$ 20x4 places
E	Anchor bolt hole M10x4 places
F	Cable draw-out hole $\phi$ 30x3 places

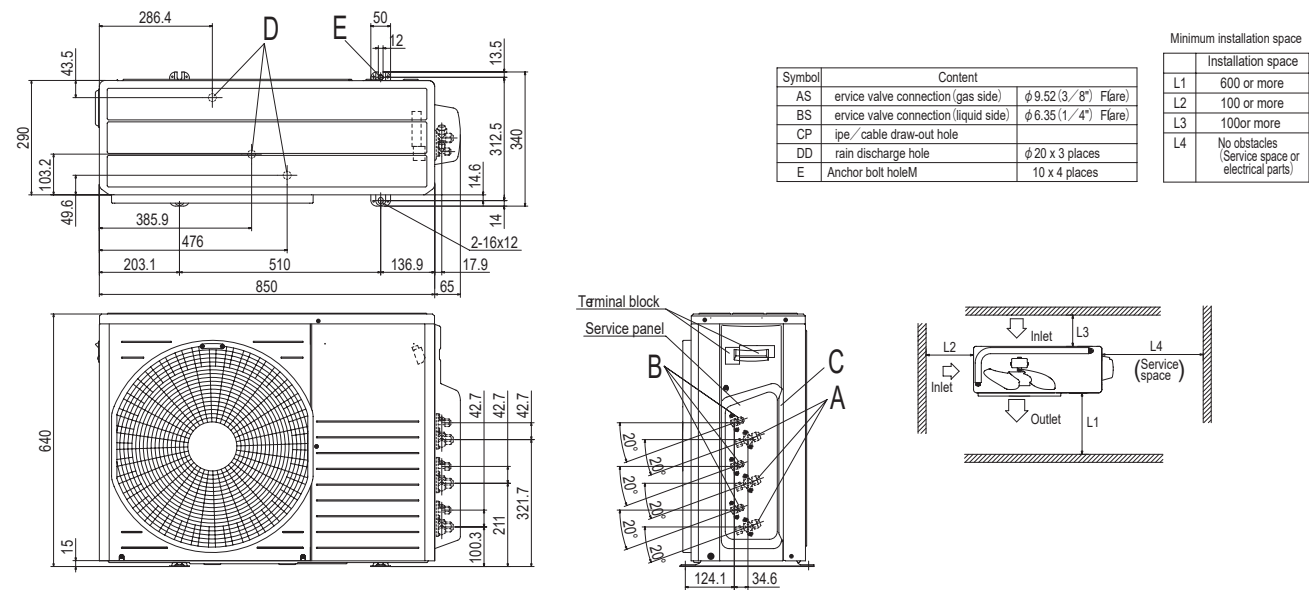


Minimum installation space			
Examples of installation Dimensions	I	II	III
L1	Open	Open	500
L2	300	250	Open
L3	100	150	100
L4	250	250	250

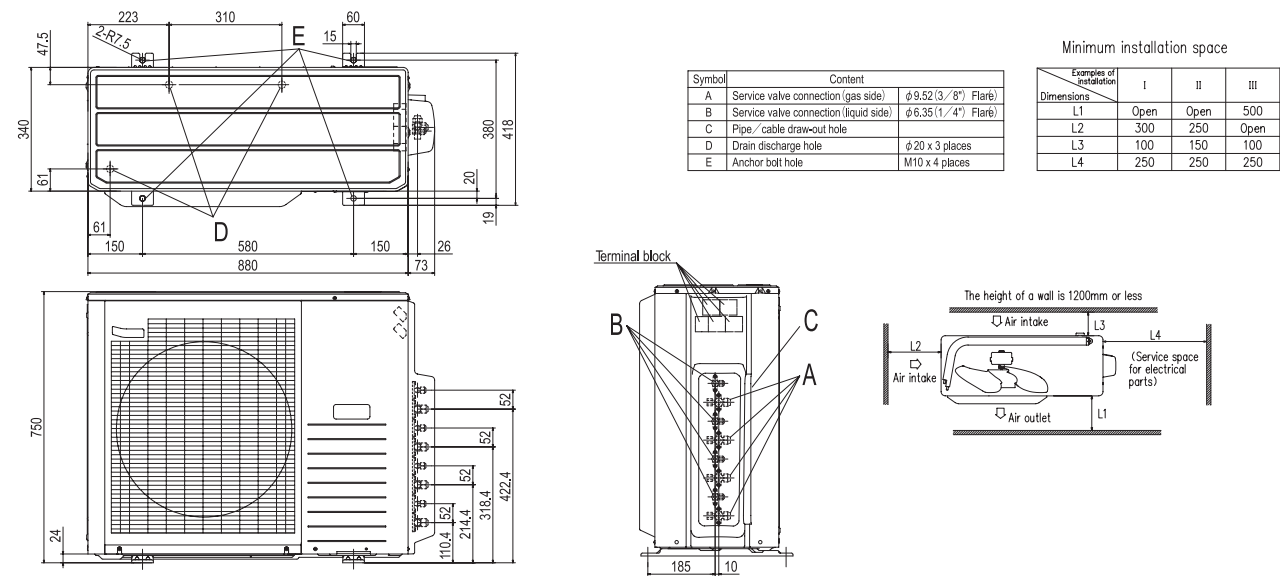
| SCM40ZS-S    SCM45ZS-S



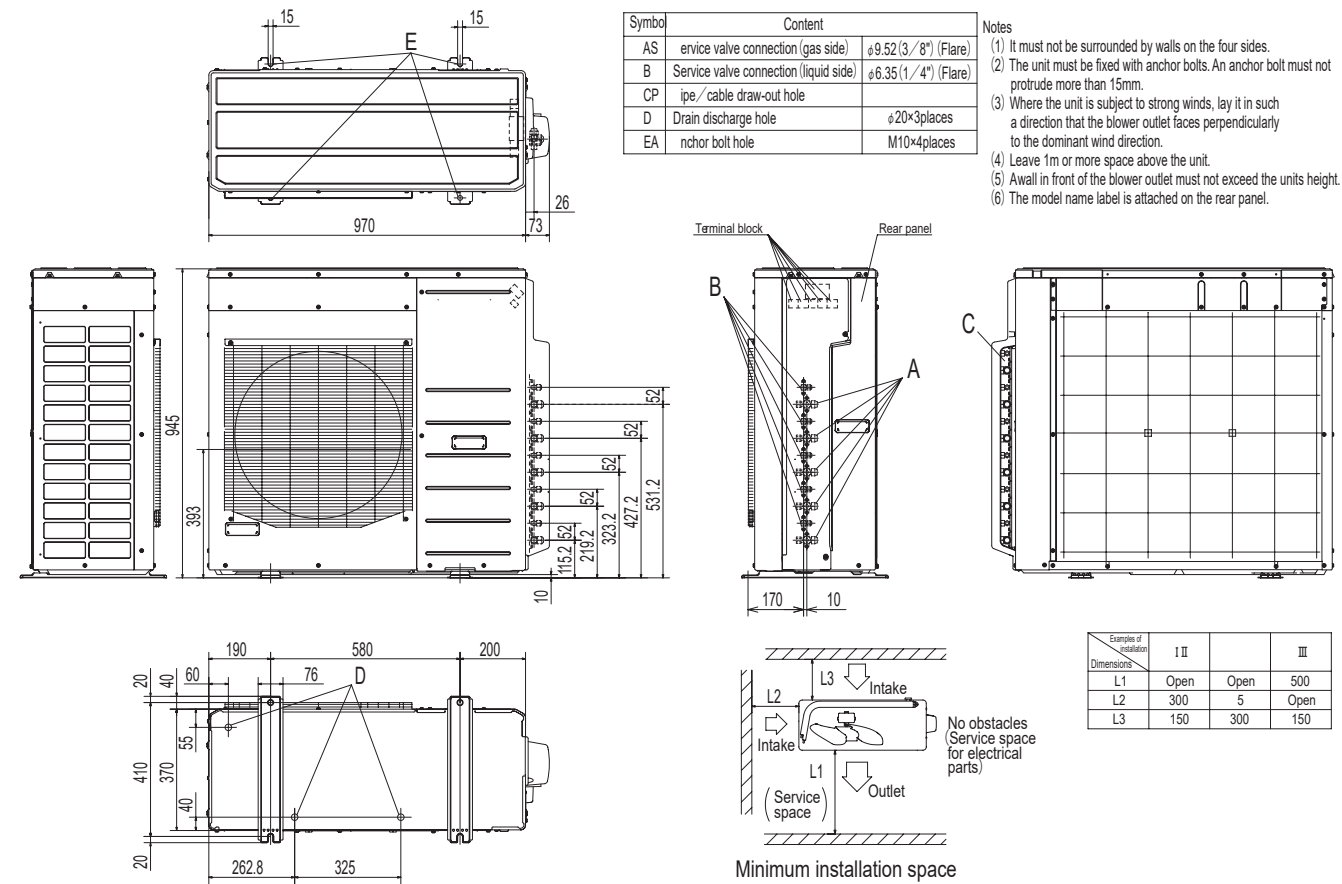
| SCM50ZS-S1    SCM60ZM-S1



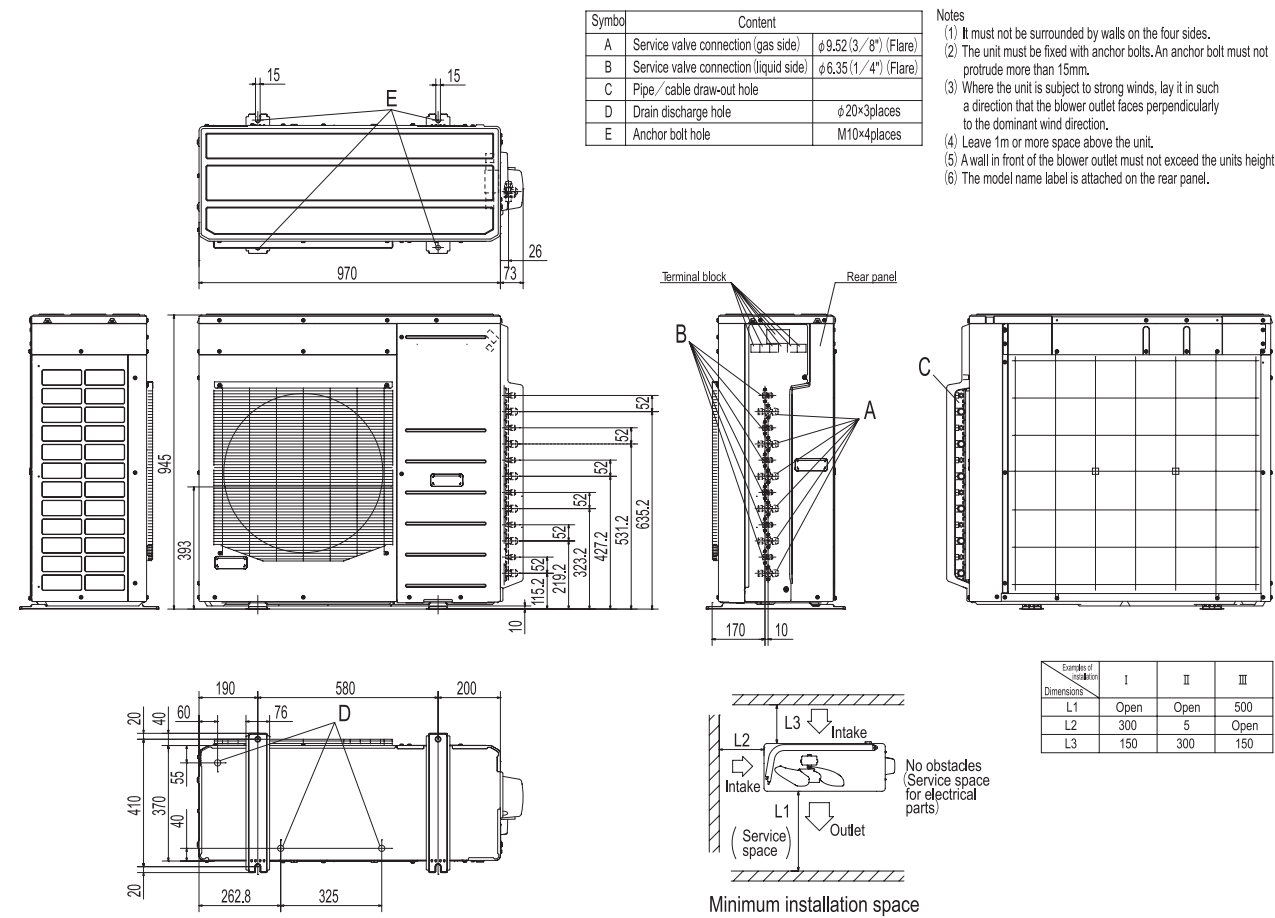
| SCM71ZM-S1    SCM80ZM-S1



| SCM100ZM-S



| SCM125ZM-S





KHU VỰC PHÍA BẮC

1.	BẮC GIANG	472 Xương Giang, Phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang	0204 3824714
2.	BẮC KẠN	24A-24B Nguyễn Văn Thoát, Tổ 5, P.Phùng Chí Kiên, Bắc Kạn	0209 3870299
3.	BẮC NINH	14 Phạm Thịnh, Ninh Xá, Bắc Ninh	0222 3826267
4.	CAO BẰNG	04 Tổ 30, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng	0206 3853066
5.	HÀ NỘI 1	54 Tổ 5 Khu Xuân Hà, Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	0243 3720671
6.	HÀ NỘI 2	Phan Xá, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	0243 9651756
7.	HÀ NỘI 3	31 Phạm Hồng Thái , P.Quang Trung , TX Sơn Tây, TP.Hà Nội, Hà Nội	0243 3833392
8.	HÀ GIANG	53A, Đường 19/5, Tổ 1 Phường Nguyễn Trãi, TP.Hà Giang	0219 3863535
9.	HÀ NAM	5 Ngõ 123, Đường Quy Lưu, Minh Khai, Phủ Lý, Hà Nam	0226 3846232
10.	HÀ TĨNH	47 Hà Tôn Mục, TP Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	0239 6250007
11.	HÀ TĨNH 2	Tổ 9 Thị Trấn Thạch Hà, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh.	0985 528136
12.	HẢI DƯƠNG	117F Phố Quang Trung, Phường Quang Trung, TP.Hải Dương	0220 3852051
13.	HẢI PHÒNG	268 Lô 22, Lê Hồng Phong, Hải Phòng	0225 3821818
14.	HẢI PHÒNG 2	193 Quang Trung, P.Phan Bội Châu, Q.Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	0225 3838296
15.	HOÀ BÌNH	Tổ 3, P.Thái Bình, TP.Hòa Bình	0218 3891669
16.	HƯNG YÊN	34 Phạm Bạch Hổ, Phường Lam Sơn, TX Hưng Yên	0221 3863458
17.	HƯNG YÊN 2	233 Điện Biên, Lê Lợi, TP. Hưng Yên	0221.3864467
18.	LẠNG SƠN	344 Bà Triệu, Phường Đông Kinh, TP. Lạng Sơn	0205 3871924
19.	LÀO CAI	54 Nguyễn Khuyến, Phường Duyên Hải, TP. Lào Cai	0214 3824766
20.	NAM ĐỊNH	114 Nguyễn Bính, P.Trần Quang Khải, TP. Nam Định	0228 3848824
21.	NGHỆ AN	7 Ngõ A2 Đường Hermann, TP.Vinh, Nghệ An	0238 3830034
22.	NINH BÌNH	132 - 134 Đường 30/6 Phố Phúc Chính 2, P. Nam Thành, TP. Ninh Bình	0229 3875340
23.	PHÚ THỌ	1646 Hùng Vương, TP. Việt Trì	0210 3847613
24.	QUẢNG BÌNH	246 Lý Thánh Tông, Đồng Hới, Quảng Bình	0232 3852840
25.	QUẢNG TRỊ	32 Nguyễn Trãi, TP. Đồng Hà, Quảng Trị	0233 3553636
26.	QUẢNG NINH 1	8 Võ Thị Sáu, Tổ 1 Khu 1, Phường Hồng Hà, TP.Hạ Long, Quảng Ninh	0912 000 274
27.	QUẢNG NINH 2	331 Quang Trung, Uông Bí, Quảng Ninh	0203 3660004
28.	QUẢNG NINH 3	179 Trần Phú, P.Cẩm Tây, TP.Cẩm Phả, Quảng Ninh	0203 3863534
29.	SƠN LA	255 Chu Văn Thịnh, Tổ 2 Phường Tô Hiệu, TP.Sơn La	0212 3856485
30.	THÁI BÌNH	15B Nguyễn Tông Quai, Phường Trấn Lãm, Thái Bình	0227 3833043
31.	THÁI NGUYÊN	16 Cách Mạng Tháng 8, TP.Thái Nguyên	0208 3854003
32.	THANH HÓA	258 Trường Thi, Phường Trường Thi, TP.Thanh Hóa	0237 3855866
33.	TUYÊN QUANG	174 Bình Thuận, Tổ 10 Phường Tân Quang, TP. Tuyên Quang	0207 3815800
34.	VĨNH PHÚC	58 Trần Quốc Tuấn, Phường Ngô Quyền, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	0211 3861947
35.	YÊN BÁI	983 Điện Biên, TP.Yên Bái.	0216 3853849



TP. HỒ CHÍ MINH

Số 12 Hoàng Trọng Mậu, P.Tân Hưng  
Quận 7, Tp.HCM

Tel: 028-6298 3500/01/02/03  
Fax: 028-2253 0481

HÀ NỘI

57A phố Vệ Hồ, P. Xuân La, Q.Tây Hồ  
Thủ đô Hà Nội

Tel: 024-6269 1190/92  
Fax: 024-6269 1185

KHU VỰC PHÍA NAM

1.	AN GIANG 1	107 Nguyễn Huệ B, Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang	0296 3841984
2.	AN GIANG 2	9/9 Trần Hưng Đạo Phường Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên	0296 3945567
3.	AN GIANG 3	4-6-8-10-12 Hai Bà Trưng, P. Mỹ Long, TP.Long Xuyên	0296 3944111
4.	BẠC LIÊU	137/5A Võ Văn Kiệt, Khóm 5, Phường 1, TP Bạc Liêu	0944 559498
5.	BẾN TRE	52B Đại Lộ Đồng Khởi, Phường Phú Khương, TP. Bến Tre	0275 3575456
6.	BÌNH DƯƠNG 2	129Q Huỳnh Văn Cù, Khu 11, P. Phú Cường, Thủ Dầu Một, Bình Dương	0274 3855310
7.	BÌNH PHƯỚC 1	278 Phú Riềng Đỏ, TP.Đồng Xoài, Bình Phước	0271 3879188
8.	BÌNH PHƯỚC 2	Tổ 3 KP Tân Trà, P.Tân Xuân, TP.Đồng Xoài, Bình Phước	0978 075758
9.	BÌNH THUẬN	51-53 Phạm Ngọc Thạch, TP. Phan Thiết	0252 3831999
10.	CÀ MAU 1	32 Quang Trung, Khóm 1, P5, TP. Cà Mau	0290 3832412
11.	CÀ MAU 2	183 Phan Ngọc Hiền, K2, P9, TP Cà Mau.	0913 699519
12.	CẦN THƠ	439 Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0292 3782117
13.	ĐÀ NẴNG 1	497 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	0236 3649868
14.	ĐÀ NẴNG 2	963 Ngô Quyền, Quận Sơn Trà, Đà Nẵng	0236 7301468
15.	DAK LAK	13 Bà Triệu, Phường Tự An, TP. Buôn Mê Thuột	0262 3851399
16.	DAK NÔNG	Tổ 6, P.Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Đak Nông	02613 546195
17.	ĐỒNG NAI	103 Khu Phố 4, Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	0908 346 361
18.	ĐỒNG THÁP	94 Lê Quý Đôn, Phường 1, Thị xã Cao Lãnh, Đồng Tháp	0277 3851575
19.	GIA LAI	171 Phan Đình Phùng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	0269 3821202
20.	HẬU GIANG	32 Nguyễn Thái Học, P1, TP.Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang	02933 582382
21.	HUẾ	59 Xuân 68, Phường Thuận Thành, TP. Huế	0234 3531014
22.	KIÊN GIANG	197 Ngô Quyền, Phường Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá, Kiên Giang	0912 777697
23.	KON TUM	215 Phan Chu Trinh, Kon Tum	0260 3861171
24.	LONG AN	27 Quốc Lộ 1A, Phường 5, TP. Tân An, Long An	0272 3663678
25.	LONG KHÁNH	132 Hoàng Diệu, KP 2, P. Xuân Thanh, TX.Long Khánh, Đồng Nai	0251 3836540
26.	NHA TRANG	53A Quang Trung, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Khánh Hòa	0258 3525817
27.	NINH THUẬN	441 Thống Nhất, TP. Phan Rang, Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	0259 3833088
28.	PHÚ QUỐC	179 Trần Phú, KP 6, Thị Trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Kiên Giang	0354 626470
29.	PHÚ YÊN	41 Nguyễn Công Trứ, Tuy Hòa, Phú Yên	0257 3824723
30.	QUẢNG NAM	54 Tiểu La, P. An Mỹ TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	0235 3851732
31.	QUẢNG NGÃI	236 Hai Bà Trưng, P.Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi	0255 3711600
32.	QUY NHƠN	43 Phùng Khắc Khoan, P. Đống Đa, TP.Quị Nhơn, Bình Định	0914 100262
33.	SÓC TRĂNG	130 Trương Công Định, Phường 2, Sóc Trăng	0299 3613771
34.	TÂY NINH	25 Châu Văn Liêm, Hiệp An, Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh	0908 268 042
35.	TIỀN GIANG	127/3 Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, TP.Mỹ Tho, Tiền Giang	0913 791994
36.	TRÀ VINH	449 Phạm Ngũ Lão, Khóm 4, Phường 1, Trà Vinh	0294 3851114
37.	VĨNH LONG	39/2B Trần Phú, Khóm 3, Phường 4, Vĩnh Long	0270 3830126
38.	VŨNG TÀU 1	215/5 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thắng Tam, TP.Vũng Tàu	0254 3834224
39.	VŨNG TÀU 2	48 Huỳnh Khương An, Phường 3, TP. Vũng Tàu	0913 949 491

HOTLINE



TƯ VẤN BẢO HÀNH

Miền Nam: 1800 9010  
Miền Bắc: 1800 9020

TƯ VẤN KỸ THUẬT 24/7

Miền Nam: 0907 820 820  
Miền Bắc: 0902 058 058